

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CTCP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
POWER GENERATION CORPORATION 2
PHA LAI THERMAL POWER JOINT
STOCK COMPANY

Số: 1558/TB-PPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hải Phòng, ngày 16 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
- Quý Cổ đông.
To: - The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange;
- Shareholders.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Name of organization: PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK
COMPANY

- Mã chứng khoán /Stock code: **PPC**
- Địa chỉ /Address: Km28, QL18, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng /
Km28, National Highway 18, Chi Linh Ward, Hai Phong City
- Điện thoại /Telephone: 0220.3881126 Fax: 0220.3881338
- E-mail: ppc.evngenco2@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2025.

Contents of disclosure: Annual Report 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày
16/04/2026 tại đường dẫn: <http://ppc.evn.vn>

This information has been published on the Company's official website on April
16, 2026 at the following link: <http://ppc.evn.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear
the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên năm 2025 ngày 16/04/2026./.

Attached document: Annual Report 2025 dated April 16, 2026.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR

Nơi nhận: Recipients

- Như trên/*As above*;
- Phòng KTAT (CBTT trên trang Web)/
Safety and Technical department (disclosure on the website);
- Lưu: VT, TCKT.

/Filed: Office, Accounting and Finance Department.


Nguyễn Hoàng Hải

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN
PHẢ LẠI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
 PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 DN: C=VN, L=HẢI DƯƠNG, CN=
 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN
 PHẢ LẠI,
 OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
 MST:0800296853, E=PPC@EVN.VN
 Reason: I am the author of this
 document
 Location:
 Date: 2026.04.16 11:42:17+07'00'
 Foxit PDF Editor Version: 12.1.1

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CTCP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
POWER GENERATION CORPORATION 2
PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK
COMPANY

Số: 1553/BC-PPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hải Phòng, ngày 16 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
NĂM 2025
ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY
YEAR 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
 - Quý cổ đông.

To: - The State Securities Commission;
 - Ho Chi Minh Stock Exchange;
 - Shareholders.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- | | | |
|---|---|---|
| ➤ Tên giao dịch/ <i>Trading name:</i> | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | |
| ➤ Tên giao dịch quốc tế/ <i>International trading name</i> | Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company | |
| ➤ Giấy chứng nhận/ <i>Business Registration Certificate:</i> | 0403000380 | Ngày 25 tháng 01 năm 2006
/25th January 2006 |
| ➤ Đăng ký Kinh doanh số/ <i>Business Registration Number:</i> | 0800296853 | |

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28/07/2025.

Business Registration Certificate issued by the Department of Planning and Investment of Hai Duong Province, first issued on January 25, 2006, and amended for the 12th time on July 28, 2025.

- **Vốn điều lệ/Charter capital:** **3.262.350.000.000 VNĐ** *(Ba nghìn hai trăm sáu mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam/ Three trillion, two hundred sixty-two billion, three hundred fifty million Vietnamese Dong.)*
- **Vốn đầu tư của Chủ Sở hữu/Owner's Investment Capital:** **3.262.350.000.000 VNĐ**
- **Trụ sở chính/Head office:** Km28, QL18, P. Chí Linh, TP. Hải Phòng /Km28, 18 Highway - Chi Linh Ward - Hai Phong City
- **Điện thoại/Tel:** 02203 881126
Fax: 02203 881 338
- **Website:** <http://www.ppc.evn.vn>
- **Mã cổ phiếu/Stock code:** **PPC**

Quá trình hình thành và phát triển

Formation and Development Process

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 ĐL/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

The Pha Lai Thermal Power Plant (now Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company) was established according to Decision No. 22 ĐL/TCCB dated April 26, 1982, of the Ministry of Electricity as a dependent accounting unit of Electricity Company I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

From April 1, 1995, the Plant became a member unit under the Vietnam Electricity Corporation (according to Decision No. 121NL/TCCB-LĐ dated March 4, 1995, of the Ministry of Energy), as a dependent accounting unit.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công Nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài

chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

On March 30, 2005, the Ministry of Industry issued Decision No. 16/2005/QĐ-BCN to transform the Pha Lai Thermal Power Plant into the Pha Lai Thermal Power Company, an independent accounting unit under the Vietnam Electricity Corporation. On May 18, 2005, the Vietnam Electricity Corporation issued Document No. 2436/CV-EVN-TCKT guiding the financial handover upon the transformation of power plants into independent accounting companies and one-member limited liability companies. Accordingly, the Pha Lai Thermal Power Plant officially transitioned to independent accounting from July 1, 2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28/07/2025.

Implementing Decision No. 3537/QĐ-TCCB dated December 31, 2004, of the Ministry of Industry on the equitization (conversion to a joint stock company) of the Pha Lai Thermal Power Company, the equitization process was completed, and the company officially transformed into a joint stock company with the new name Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, according to the Business Registration Certificate for Joint Stock Company No. 0800296853 issued by the Department of Planning and Investment of Hai Duong province on January 26, 2006; 12th registration change: July 28, 2025.

Các mốc sự kiện quan trọng/Important Milestones

Năm/Year	Sự kiện/Event
1982	Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I. <i>Establishment of Pha Lai Thermal Power Plant under the decision of the Ministry of Electricity, directly under Electricity Company I.</i>
1983	Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành. <i>Unit 1 (Line I) commenced operation.</i>
1984	Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành. <i>Unit 2 (Line I) commenced operation.</i>
1985	Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành. <i>Unit 3 (Line I) commenced operation.</i>

Năm/Year	Sự kiện/Event
1986	Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành. <i>Unit 4 (Line I) commenced operation.</i>
1995	Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. <i>The Plant became a dependent accounting unit of Vietnam Electricity Corporation.</i>
2001	Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành <i>Unit 5 (Line II) commenced operation.</i>
2002	Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành. <i>Unit 6 (Line II) commenced operation.</i>
2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại. <i>The Ministry of Industry decided to transform Pha Lai Thermal Power Plant into Pha Lai Thermal Power Company.</i>
2005	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. <i>The Ministry of Industry issued a decision on transforming Pha Lai Thermal Power Company under Vietnam Electricity Corporation into Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.</i>
26/1/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại <i>The Department of Planning and Investment of Hai Duong province issued the first business registration certificate for Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.</i>
13/3/2006	Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ trương bán tiếp cổ phần Nhà nước <i>The Ministry of Industry issued Document No. 1294/BCN-TCCB agreeing in principle to the continued sale of state shares.</i>
15/5/2006	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại <i>The Hanoi Stock Exchange Center issued Decision No. 12/QĐ-TTGDHN approving the registration for trading of shares of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.</i>

Năm/Year	Sự kiện/Event
19/5/2006	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội <i>Shares of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company were officially traded on the Hanoi Stock Exchange Center</i>
8/1/2007	TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh <i>The Hanoi Stock Exchange Center issued a decision approving the voluntary cancellation of the registration for trading of shares of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company to transfer to listing on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.</i>
17/01/2007	UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh <i>The State Securities Commission of Vietnam issued a decision approving the listing of shares of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.</i>
26/01/2007	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh <i>Shares of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company were officially traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.</i>

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business sector and operating location:

- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện
- *Business sector: Electricity production and sales.*
- Địa bàn kinh doanh: Km28, QL18, Phường Chí Linh, thành phố Hải Phòng.
- *Operating Location: Km28, 18 Highway, Chi Linh Ward, Hai Phong City.*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Business model, organisation structure and management structure.

3.1 Mô hình quản trị/Business model:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Công ty có người phụ trách Quản trị Công ty.

The Company is organized as a Joint Stock Company, headed by the General Meeting of Shareholders; the Supervisory Board, the Board of Directors; and the Executive Board headed by the General Director and Deputy General Directors. The Company has personnel in charge of Corporate Governance.

Theo định kỳ 6 tháng và năm, Công ty đã lập, nộp và Công bố thông tin về báo cáo quản trị Công ty theo quy định.

Regularly every six months and annually, the Company prepares, submits, and discloses information about its corporate governance reports as required.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông/*General Assembly of Shareholders*;
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch HĐQT không kiêm TGD) *Board of Directors (Non-executive Chairman)*/;
- Ban Kiểm soát/ *Supervisory Board*;
- Tổng giám đốc/ *General Director*;
- Phó Tổng giám đốc/ *Deputy Director*;
- Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*.
- 04 phòng gồm/ *Including 4 departments*:
 - + Phòng Hành chính và Lao động (phòng Hành chính - Lao động (HCLĐ))/ *HR and Administration Department*;
 - + Phòng Kế hoạch và Vật tư (phòng Kế hoạch - Vật tư (KHVT))/ *Planning and Materials Department*;
 - + Phòng Tài chính và Kế toán (phòng Tài chính - Kế toán (TCKT))/ *Finance and Accounting Department*;
 - + Phòng Kỹ thuật và An toàn (phòng Kỹ thuật - An toàn (KTAT))/ *Technical and Safety Department*;
- 03 phân xưởng gồm/ *3 Operation units*:
 - + Phân xưởng Vận hành (VH)/ *Operation Unit*;
 - + Phân xưởng Hóa/ *Chemistry Unit*;
 - + Phân xưởng Nhiên liệu (NL)/ *Fuel Unit*.
- 01 Ban Quản lý dự án (QLDA)/ *Project Management Unit*;
- 01 Trung tâm dịch vụ sửa chữa (TTDVSC)/ *Repair Service Center*.

3.3. Các công ty con, Công ty liên kết/*Subsidiaries and Associates*

- Công ty ty con: Không.
- *Subsidiaries: None*
- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- *Associates: Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company*
 - + Địa chỉ: Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
 - + *Address: Tam Hung Commune, Thuy Nguyen District, Hai Phong City*
 - + Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

+ *Main business activities/Generation and trading of electric power (thermal power). All electricity produced by the company is transmitted to the National Grid and sold to Vietnam Electricity (EVN).*

+ *Vốn thực góp: 1.451.055.770.150 VND*

+ *Paid-in capital: 1.451.055.770.150 VND*

+ *Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 25,97%*

+ *Ownership percentage held by the Company in Hai Phong Thermal Power JSC: 25,97%*

4. Định hướng phát triển/Development Orientation

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/Key Objectives of the Company:

- *Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 4,0 tỷ kWh trở lên.*

- *Ensure the safe, continuous, and economical operation of power generating units. Achieve an annual electricity production of 4.0 billion kWh or more;*

- *Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra*

- *Ensure stable production and business operations and strive to exceed set targets.;*

- *Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị sản xuất điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia*

- *Effectively implement major repair, renovation, and upgrade plans for electricity production equipment, enhancing equipment availability to meet the national power system's electricity demand;*

- *Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty*

- *Preserve and grow shareholders' capital and improve the material and spiritual well-being of employees within the Company.*

- *Thực hiện các dự án về môi trường nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất điện đi liền với hoạt động bảo vệ môi trường*

- *Implement environmental projects to ensure that electricity production goes hand in hand with environmental protection activities.*

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Medium and Long-Term Development Strategy:

- *Công ty xác định chiến lược cốt lõi trong giai đoạn tới là “Thích ứng linh hoạt – Vận hành tin cậy – Chuyển dịch bền vững”. Tiến tới, xây dựng PPC trở thành một đơn vị phát điện năng động, sở hữu hạ tầng công nghệ hiện đại, có đội ngũ nhân lực*

chất lượng cao, đóng góp quan trọng vào an ninh năng lượng quốc gia và đảm bảo lợi ích bền vững cho các cổ đông.

- The Company identifies its core strategy for the upcoming period as: “Flexible Adaptation – Reliable Operation – Sustainable Transition.” Looking ahead, PPC aims to become a dynamic power generation entity, possessing modern technological infrastructure and a high-quality workforce, making significant contributions to national energy security while ensuring sustainable benefits for shareholders.

Trong đó, các phương hướng cụ thể bao gồm:

Specific orientations include:

+Ưu tiên hàng đầu là duy trì độ khả dụng và độ tin cậy cao của các tổ máy, đặc biệt là Dây chuyền 2, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu huy động của Hệ thống điện quốc gia trong các giai đoạn cao điểm. Đối với Dây chuyền 1, thực hiện mục tiêu vận hành an toàn, tối ưu hóa chi phí và sẵn sàng cho các kịch bản chuyển đổi phương thức vận hành.

+ The top priority is maintaining the high availability and reliability of the generating units, especially Line 2, to meet the maximum mobilization demand of the National Power System during peak periods. For Line 1, the goal is to ensure safe operation, optimize costs, and be ready for operating mode switching scenarios.

+Thực hiện chào giá linh hoạt, bám sát diễn biến giá thị trường (SMP) và sản lượng hợp đồng (Qc) để tối ưu hóa doanh thu. Chủ động đề xuất và thúc đẩy việc chuyển đổi cơ chế vận hành cho Dây chuyền 1 để phù hợp với thực trạng kỹ thuật và nâng cao hiệu quả kinh tế.

+ Implement flexible bidding, closely following market price fluctuations (SMP) and contract output (Qc) to optimize revenue. Proactively propose and promote the conversion of the operating mechanism for Line 1 to suit the technical situation and improve economic efficiency.

+ Tiếp tục triển khai sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức theo hướng chuyên môn hóa (tách biệt vận hành và dịch vụ sửa chữa). Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong mọi hoạt động, từ quản lý kỹ thuật đến quản trị tài chính, nhằm tiết giảm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất lao động.

+ Continue to streamline the organizational structure towards specialization (separating operation and maintenance services). Promote comprehensive digital transformation in all activities, from technical management to financial management, to reduce production costs and increase labor productivity.

- Định hướng phát triển đầu tư dài hạn

- Long-term Investment Development Orientation

Để hiện thực hóa lộ trình phát triển bền vững và tuân thủ các cam kết về môi trường theo Quy hoạch điện VIII, Công ty tập trung vào các định hướng đầu tư chiến lược sau:

To realize the sustainable development roadmap and comply with environmental commitments under the Power Development Plan VIII, the Company focuses on the following strategic investment orientations:

+ Dự án Nhà máy điện khí linh hoạt 1.200 MW Hải Dương: Đây là dự án cho tương lai lâu dài của PPC. Công ty đang quyết liệt thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư, tìm kiếm đối tác và tháo gỡ các vướng mắc về khung pháp lý để triển khai dự án trên quỹ đất hiện hữu của nhà máy.

+ *Hai Duong 1,200 MW Flexible Gas Power Plant Project: This is a project for PPC's long-term future. The Company is aggressively taking steps to prepare for investment, seeking partners, and resolving legal framework obstacles to implement the project on the existing land of the plant.*

+ Chuyển đổi nhiên liệu và nâng cấp môi trường:

+ *Fuel Conversion and Environmental Improvement:*

✓ Nghiên cứu và triển khai lộ trình chuyển đổi nhiên liệu (sang sinh khối, amoniac) cho các tổ máy theo đúng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII để kéo dài đời sống kinh tế và giảm phát thải carbon.

✓ *Research and implement a fuel conversion roadmap (to biomass, ammonia) for the generating units in accordance with the implementation plan of Power Development Plan VIII to extend economic life and reduce carbon emissions.*

✓ Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải (FGD, SCR) cho Dây chuyền 2 để đáp ứng các quy chuẩn môi trường mới khắt khe hơn (QCVN 19:2024/BTNMT).

✓ *Invest in renovating and upgrading the exhaust gas treatment system (FGD, SCR) for Line 2 to meet the stricter new environmental standards (QCVN 19:2024/BTNMT).*

✓ Nghiên cứu triển khai các dự án điện mặt trời mái nhà phục vụ tự dùng để tiết giảm chi phí điện tự dùng và tăng tỷ trọng năng lượng sạch trong cơ cấu sản xuất của Công ty.

✓ *Research and implement rooftop solar power projects for self-consumption to reduce self-consumption electricity costs and increase the proportion of clean energy in the Company's production structure.*

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/Sustainable development goals (Environmental, Social, and Community) and related short-term and medium-term programs of the Company:

- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung

- *Continue to maintain the exploitation and sale of slag, fly ash, and gypsum to contribute to environmental improvement and enhance profitability in the Company's overall production and business activities.*

- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội

- Continue to invest in improving the environment and working conditions for employees, participate in charitable and educational programs, etc., affirming responsibility to the community and contributing to the sustainable development of society.

5. Các rủi ro/Risks

Quản lý rủi ro lãi suất

Interest rate risk management

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Vì vậy, khi có các khoản vay, PPC sẽ phải thường xuyên chủ động theo dõi tình hình biến động của lãi suất, cân đối tỷ lệ vay nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

The Company is exposed to interest rate risk arising from interest-bearing loans. Therefore, when there are loans, PPC will regularly and proactively monitor interest rate fluctuations, balance the debt ratio, and thereby develop a reasonable borrowing plan to ensure the capital needs for production activities and best control interest rate risk.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Commodity price risk management

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi tăng giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa ảnh hưởng đến chi phí.

The Company purchases raw materials and goods from suppliers for its production and business operations. Therefore, the Company will be exposed to the risk of increased selling prices of raw materials and goods affecting costs.

Rủi ro tín dụng

Credit risk

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Credit risk occurs when a customer or counterparty fails to meet their contractual obligations, leading to financial losses for the Company. The Company has an appropriate credit policy and regularly monitors the situation to assess whether the Company is exposed to credit risk. At the end of the accounting period, the Company

has a concentrated credit risk from receivables from related parties. The maximum credit risk is represented by the carrying amount of the receivables from related parties.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Liquidity risk

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

The purpose of liquidity risk management is to ensure sufficient funds to meet current and future financial obligations. The Company's policy is to regularly monitor current and expected future liquidity requirements to ensure that the Company maintains sufficient cash reserves and borrowings to meet short-term and long-term liquidity requirements.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025/ *OPERATION RESULT IN 2025*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Production and Business Performance:

Năm 2025, Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trong bối cảnh rất khó khăn, đòi hỏi nỗ lực rất lớn của Ban điều hành và tập thể người lao động, từ cung ứng vật tư đến vận hành:

In 2025, the Company will carry out its production and business tasks under very difficult conditions, requiring great efforts from the management board and the entire workforce, from material supply to operation:

- Thiết bị Dây chuyền 1 (hơn 40 năm) và Dây chuyền 2 (hơn 20 năm), thường xuyên phải vận hành tải thấp hoặc 1 lò/1 máy, làm suy giảm hiệu suất và tăng suất hao nhiệt. Bên cạnh đó, Quy chuẩn khí thải mới (QCVN 19:2024/BTNMT) tạo áp lực lớn về chi phí và công nghệ đầu tư cải tạo.

- Equipment for Line 1 (over 40 years old) and Line 2 (over 20 years old) frequently operates at low load or with only one furnace/one machine, leading to reduced efficiency and increased heat loss. In addition, the new emission standards (QCVN 19:2024/BTNMT) create significant pressure on costs and technology for investment in upgrades.

- Chuỗi cung ứng chịu biến động lớn khiến giá cả vật tư tăng cao. Dù Công ty đã bám sát TKV và Đông Bắc để đảm bảo đủ lượng than (đã ký hợp đồng dài hạn đến 2033), nhưng chủng loại than pha trộn có chất bốc cao, sai lệch so với thiết kế gốc đã gây nhiều khó khăn cho quá trình cháy, làm tăng tỷ lệ điện tự dùng.

- *The supply chain is subject to significant fluctuations, causing material prices to rise sharply. Although the Company has closely followed TKV and Dong Bac to ensure sufficient coal supply (long-term contracts have been signed until 2033), the type of blended coal with high volatile matter content, deviating from the original design, has caused many difficulties in the combustion process, increasing the rate of self-consumption of electricity.*

- Các quy định mới về Luật Đấu thầu và sự biến động giá cả khiến nhiều gói thầu SCL trọng điểm (như Đại tu S5) phải đấu thầu lại nhiều lần. Dù vậy, công tác lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ, VTTB đã nỗ lực giải quyết, hoàn thành ký kết nhiều gói thầu thường xuyên và hoàn thành sửa chữa các bộ sấy không khí (Lò 2A/B, 4A/B) để khôi phục khả dụng cho các tổ máy vào cuối năm.

- *New regulations on the Bidding Law and price fluctuations have led to multiple re-bidding processes for many key SCL (S5 Overhaul) packages (such as the S5 overhaul). Despite this, efforts have been made to select contractors for service and equipment supply, successfully completing the signing of many regular contracts and completing the repair of air dryers (Boilers 2A/B, 4A/B) to restore the availability of the units by the end of the year.*

-Do diễn biến về thủy điện thuận lợi và phụ tải, NSMO đã điều chỉnh kế hoạch huy động của các nhà máy trong hệ thống điện, trong đó có NMD Phả Lại 1 và NMD Phả Lại 2. Sản lượng điện huy động theo kế hoạch được lập lại giảm 1,64 tỷ kWh so với kế hoạch giao đầu năm, do đó sản lượng điện sản xuất không đạt kế hoạch. Đây là yếu tố khách quan, ảnh hưởng từ cơ cấu nguồn điện, tăng yếu tố thuận lợi với thủy điện cần giảm huy động nhiệt điện. Ban điều hành Công ty đã có các giải pháp linh hoạt trong sản xuất điện để khai thác tối ưu trên thị trường điện.

- *Due to favorable hydropower conditions and load demand, the National Power Grid Management Board (NSMO) has adjusted the dispatch plan for power plants in the system, including Pha Lai 1 and Pha Lai 2 power plants. The planned electricity output has been reduced by 1.64 billion kWh compared to the initial plan, resulting in electricity production not meeting the target. This is an objective factor, influenced by the power source structure, with increased favorable conditions for hydropower requiring reduced dispatch of thermal power. The company's management has implemented flexible solutions in electricity production to optimize its performance in the electricity market.*

+ Sản lượng điện trong năm 2025 đạt:

+ *Electricity output in 2025:*

✓ Sản lượng điện sản xuất: **4.035,24** triệu kWh, đạt 81,31% so với kế hoạch và bằng 88,09% so với năm 2024.

✓ *Electricity generation: 4,035.24 million kWh, achieving 81.31% of the plan and 88.09% compared to 2024.*

✓ Sản lượng điện thương phẩm: **3.651,30** triệu kWh, đạt 81,17% so với kế hoạch và bằng 88,24% so với năm 2024.

✓ *Commercial electricity output: 3651.30 million kWh, reaching 81.17% of the plan and 88.24% compared to 2024.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua tại Nghị quyết 155/NQQ-HĐQT ngày 26/06/2025. Ban điều hành Công ty đã nỗ lực đề ra những giải pháp trọng tâm để phấn đấu hoàn thành tốt nhất kế hoạch được giao. Kết quả đạt được của một số chỉ tiêu chính thực hiện như sau:

- *Performance compared to plan: Based on the 2025 business plan approved by the Annual General Meeting of Shareholders in Resolution 155/NQQ-HĐQT dated June 26, 2025, the Company's management board has made efforts to develop key solutions to strive for the best possible completion of the assigned plan. The results achieved for some key performance indicators are as follows:*

STT No.	Chỉ tiêu Target	ĐVT Unit	Thực hiện 2024 Actual 2024	Kế hoạch 2025 Plan 2024	Thực hiện 2025 Actual 2025	So sánh/KH (%) Compare to target	So sánh/2024 (%) Compare to 2024
1	Tổng doanh thu Total Revenue	Tỷ đồng Billion Dong	8.035,70	9.064,81	6.615,78	72,98	82,33
2	Tổng chi phí Total Cost	Tỷ đồng Billion Dong	7.597,56	8.669,55	6.420,65	74,06	84,51
3	Tổng lợi nhuận trước thuế Total profit before tax	Tỷ đồng Billion Dong	438,14	395,25	195,13	49,37	44,54
4	Tổng lợi nhuận sau thuế Total profit after tax	Tỷ đồng Billion Dong	427,07	349,62	165,18	47,25	38,68

Năm 2025, tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 195,13 tỷ đồng, tương đương 49,37% kế hoạch năm và giảm so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận năm 2025 sụt giảm không chỉ do khó khăn chính từ sản xuất điện mà còn do nguồn doanh thu tài chính không đạt kế hoạch (nguyên nhân khách quan do các đơn vị góp vốn không thực hiện tạm ứng cổ tức). Công ty ghi nhận doanh thu từ chênh lệch tỷ giá năm 2019 gần 85 tỷ đồng.

In 2025, the company's total pre-tax profit reached VND 195.13 billion, equivalent to 49.37% of the annual plan and a decrease compared to the same period of the previous year. The decline in profit in 2025 was not only due to difficulties in electricity production but also because financial revenue did not meet the plan (an objective reason being that contributing units did not make interim dividend

payments). The company recorded revenue from exchange rate differences in 2019 of nearly VND 85 billion.

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Personnel*

2.1. Danh sách Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành/ *List of Chairman of the Board of Directors and Executive Board*

Số TT No.	Thành viên HĐQT <i>Board member</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập <i>Start Date / No Longer a Board Member / Independent Board Member</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Appointment date</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Dismissal date</i>
1	Mai Quốc Long	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>	24/5/2023	
2	Nguyễn Quang Quyền	TV HĐQT <i>Board member</i>	23/4/2021	
3	Lê Tuấn Hải	TV HĐQT độc lập <i>Independent board member</i>	23/4/2021	
4	Nguyễn Xuân Diện	TV HĐQT <i>Board member</i>	21/10/2021	
5	Nguyễn Văn Thanh	TV HĐQT độc lập <i>Independent board member</i>	10/6/2024	
6	Ngô Nguyên Đồng	TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc <i>Board member, Deputy general director</i>	10/6/2024	
7	Nguyễn Hoàng Hải	TV HĐQT, Tổng giám đốc <i>Board member, General director</i>	23/6/2022 – TV HĐQT	
8	Đặng Kiên Quyết	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy general director</i>	01/12/2022	
9	Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy general director</i>	30/06/2025	
10	Phạm Hồng Vân	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>	01/09/2025	
11	Đinh Thị Diễm Quỳnh	Q. Kế toán trưởng <i>Acting Chief Accountant</i>	01/09/2022	01/09/2025

Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành như sau:

List, summary of resumes, and voting share ownership percentage of the Chairman of the Board and the Executive Board as follows:

1	Ông Mai Quốc Long /Mr Mai Quoc Long	
❖	Chức vụ hiện tại <i>Current position</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>
❖	Giới tính <i>Gender</i>	Nam <i>Male</i>
❖	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	10/9/1978
❖	Nơi sinh <i>Place of birth</i>	TP. Hà Nội <i>Hanoi City</i>
❖	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Việt Nam <i>Vietnam</i>
❖	Dân tộc <i>Ethnicity</i>	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú <i>Permanent address</i>	P4 – C32, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội. <i>P4-C32, Mai Dong Ward, Hoang Mai District, Ha Noi City.</i>
❖	Trình độ văn hoá <i>Education level</i>	12/12
❖	Trình độ đào tạo <i>Qualification</i>	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Cao cấp lý luận chính trị <i>Master's degree in Business Administration, Bachelor's degree in Corporate Finance, Advanced Political Theory.</i>
❖	Quá trình công tác <i>Work experience:</i>	
	- Từ 12/2002 – 05/2006: <i>From 12/2002 – 05/2006</i>	Chuyên viên phòng TCKT, Ban QLDA Thủy điện 1 <i>Specialist in the Finance & Accounting Department, Hydropower Project Management Board 1.</i>
	- Từ 06/2006 – 11/2007: <i>- From 06/2006 – 11/2007</i>	Tổ trưởng Tổ Tài chính phòng TCKT, Ban QLDA Thủy điện 1; Phó Bí thư Đoàn thanh niên Ban QLDA Thủy điện 1 <i>Head of the Finance Team, Finance & Accounting Department, Hydropower Project</i>

	<i>Managerment Board 1; Deputy Secretary of the Youth Union, Hydropower Project Management Board 1.</i>
- Từ 12/2007 – 04/2011: - From 12/2007 – 04/2011:	Phó trưởng phòng TCKT, Ban QLDA Thủy điện 1; Bí thư Đoàn thanh niên Ban QLDA Thủy điện 1 <i>Deputy Head of the Finance & Accounting Department, Hydropower Project Management Board 1; Secretary of the Youth Union, Hydropower Project Management Board 1.</i>
- Từ 05/2011 – 7/2011: - From 05/2011 – 7/2011:	Chuyên viên phòng TCKT, Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn <i>Specialist in the Finance & Accounting Department, Trung Son Hydropower Co., Ltd.</i>
- Từ 08/2011 – 12/2012: - From 08/2011 – 12/2012:	Trưởng phòng TCKT, Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn; Bí thư Chi bộ 3 – Đảng ủy viên Đảng bộ công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn <i>Head of the Finance & Accounting Department, Trung Son Hydropower Co., Ltd.; Secretary of Branch 3 – Party Committee Member of Trung Son Hydropower Co., Ltd.</i>
- Từ 01/2013 – 14/4/2014: - From 01/2013 – 14/4/2014:	Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn; Bí thư Chi bộ 3 – Đảng ủy viên Đảng bộ công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn <i>Chief Accountant, Trung Son Hydropower Co., Ltd.; Secretary of Branch 3 – Party Committee Member of Trung Son Hydropower Co., Ltd.</i>
- Từ 15/4/2014 - 5/2023 - From 15/4/2014 - 5/2023	Kế toán trưởng Tổng Công ty Phát điện 2 <i>Chief Accountant, Power Generation Corporation 2.</i>
- Từ 05/2015 – 23/05/2023 - From 05/2015 – 23/05/2023	Kế toán trưởng Tổng Công ty Phát điện 2; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Phát điện 2; Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Công đoàn Tổng Công ty Phát điện 2 <i>Chief Accountant, Power Generation Corporation 2; Member of the Executive</i>

		<i>Committee of the Party Committee of Power Generation Corporation 2; Standing Member of the Executive Committee of the Trade Union of Power Generation Corporation 2.</i>
	- Từ 24/05/2023 đến nay - From 24/05/2023 - now	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại <i>Chairman of the Board of Directors, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
❖	Số cổ phần nắm giữ <i>Number of shares held</i>	
	- Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ <i>PPC shares held individually</i>	0 cổ phần <i>0 shares</i>
	- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước <i>Shares representing state capital</i>	Đại diện 30% Phần vốn NN của Tổng công ty phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP <i>Representative of 30% of the state capital of Power Generation Corporation 2 at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, equivalent to 49,917,569 shares.</i>
❖	Hành vi vi phạm pháp luật <i>Legal violations</i>	Không/ <i>None</i>
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty <i>Conflicts of interest with the company</i>	Không/ <i>None</i>
2	Ông Nguyễn Hoàng Hải <i>Mr. Nguyen Hoang Hai</i>	
❖	Chức vụ hiện tại <i>Current position</i>	- Thành viên HĐQT/ <i>Member of the Board of Directors</i> - Tổng Giám đốc Công ty/ <i>General Director</i>
❖	Giới tính <i>Gender</i>	Nam/ <i>Male</i>
❖	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	15/11/1977
❖	Nơi sinh <i>Place of birth</i>	Xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

		<i>Thanh Tien Commune, Thanh Chuong District, Nghe An Province</i>
❖	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Việt Nam
❖	Dân tộc <i>Ethnicity</i>	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú <i>Permanent address</i>	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương <i>Pha Lai Ward, Chi Linh City, Hai Duong Province</i>
❖	Trình độ văn hoá <i>Education level</i>	12/12
❖	Trình độ đào tạo <i>Qualification</i>	Thạc sỹ QTKD; Kỹ sư Hệ thống điện <i>MBA; Electrical Systems Engineer</i>
❖	Quá trình công tác <i>Work experience:</i>	
	- Từ 02/2001– 09/2004 <i>- From 02/2001– 09/2004</i>	CN vận hành Phân xưởng Vận hành 2 Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại <i>Operation Technician, Operation Unit 2, Pha Lai Thermal Power Plant</i>
	- Từ 10/2004 – 11/2007 <i>From 10/2004 – 11/2007</i>	Trưởng ca Dây chuyền 2 Nhà máy điện Phả Lại <i>Shift Lead, Line 2, Pha Lai Power Plant</i>
	- Từ 12/2007 – 15/06/2014 <i>From 12/2007 – 15/06/2014</i>	Phó trưởng phòng kỹ thuật – Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại <i>Deputy Head of Technical Department – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	- Từ 16/06/2014 - 10/2019 <i>From 16/06/2014 - 10/2019</i>	Quản đốc phân xưởng Vận hành 2 – Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại <i>Manager of Operation Unit 2 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	- Từ 1/11/2019 - 30/06/2022 <i>From 1/11/2019 - 30/06/2022</i>	Phó Tổng Giám đốc– Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại <i>Deputy General Director – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	- Từ 01/07/2022 - 20/4/2023 <i>From 01/07/2022 - 20/4/2023</i>	Quyền Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của CTCP Nhiệt điện Phả Lại

		<i>Acting General Director and Legal Representative of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	- Từ 21/4/2023 đến nay - <i>From 21/4/2023 - Now</i>	Tổng Giám đốc CT CP Nhiệt điện Phả Lại <i>General Director of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
❖	Số cổ phần nắm giữ <i>Number of shares held</i>	
	- Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ <i>PPC shares held individually</i>	7.000 cổ phần <i>7.000 shares</i>
	- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước <i>Shares representing state capital</i>	Đại diện 30% Phần vốn NN của Tổng công ty phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP <i>Representative of 30% of the state capital of Power Generation Corporation 2 at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, equivalent to 49,917,569 shares.</i>
❖	Hành vi vi phạm pháp luật <i>Legal violations</i>	Không/ <i>None</i>
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty <i>Conflicts of interest with the company</i>	Không/ <i>None</i>
3	Ông Đặng Kiên Quyết <i>Mr. Dang Kien Quyet</i>	
❖	Chức vụ hiện tại <i>Current position</i>	Phó Tổng giám đốc Công ty <i>Deputy General Director</i>
❖	Giới tính <i>Gender</i>	Nam <i>Male</i>
❖	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	04/11/1979
❖	Nơi sinh <i>Place of birth</i>	Văn An – Chí Linh – Hải Dương <i>Van An Ward, Chi Linh City, Hai Hung Province</i>
❖	Quốc tịch	Việt Nam

	<i>Nationality</i>	
❖	Dân tộc <i>Ethnicity</i>	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú <i>Permanent address</i>	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương <i>Pha Lai Ward, Chi Linh City, Hai Duong Province</i>
❖	Trình độ văn hoá <i>Education level</i>	12/12
❖	Trình độ đào tạo <i>Qualification</i>	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư hệ thống điện <i>MBA; Electrical Systems Engineer</i>
❖	Quá trình công tác <i>Work experience:</i>	
	- Từ 10/2002-04/2004 - <i>From 10/2002-04/2004</i>	Công nhân vận hành Nhà máy điện Phả Lại <i>Power Plant Operator, Pha Lai Power Plant</i>
	- Từ 05/2004 – 04/2005 - <i>From 05/2004 – 04/2005</i>	Trưởng kíp vận hành điện Nhà máy điện Phả Lại <i>Electrical Operation Team Leader, Pha Lai Power Plant</i>
	- Từ 05/2005-01/2006 - <i>From 05/2005-01/2006</i>	Trưởng kíp vận hành điện Công ty Nhiệt điện Phả Lại <i>Electrical Operation Team Lead, Pha Lai Thermal Power Company</i>
	- Từ 02/2006-04/2006 - <i>From 02/2006-04/2006</i>	Trưởng kíp vận hành điện Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại <i>Electrical Operation Team Lead, Pha Lai Thermal Power Company</i>
	- Từ 05/2006-04/2013 - <i>From 05/2006-04/2013</i>	Trưởng ca vận hành điện Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại <i>Electrical Operation Shift Lead, Pha Lai Thermal Power Company</i>
	- Từ 01/2014- 10/2019 - <i>From 01/2014- 10/2019</i>	Phó Quản đốc PX Vận hành 2, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại <i>Deputy Manager of Operation Unit 2, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	- Từ 11/2019-01/2020 - <i>From 11/2019-01/2020</i>	Phụ trách PX Vận hành 2, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại

		<i>In Charge Manager of Operation Unit 2, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	- Từ 02/2020-11/2022 - <i>From 02/2020-11/2022</i>	Quản đốc PX Vận hành 2, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại <i>Manager of Operation Unit 2, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	- Từ 12/2022 đến nay - <i>From 12/2022 - Now</i>	Phó Tổng giám đốc Công ty <i>Deputy General Director</i>
❖	Số cổ phần nắm giữ <i>Number of shares held</i>	1.500 cổ phần/shares <i>1.500 shares</i>
❖	Hành vi vi phạm pháp luật <i>Legal violations</i>	Không <i>None</i>
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty <i>Conflicts of interest with the company</i>	Không <i>None</i>
4	Ông Ngô Nguyên Đồng / Mr. Ngo Nguyen Dong	
❖	Chức vụ hiện tại <i>Current position</i>	- Thành viên HĐQT/ <i>Member of the Board of Directors</i> - Phó Tổng giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>
❖	Giới tính <i>Gender</i>	Nam/ <i>Male</i>
❖	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	22/10/1974
❖	Nơi sinh <i>Place of birth</i>	Tỉnh Quảng Ninh <i>Quang Ninh Province</i>
❖	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Việt Nam
❖	Dân tộc <i>Ethnicity</i>	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú <i>Permanent address</i>	Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội <i>Bach Mai Ward, Ha Noi City</i>
❖	Trình độ văn hoá <i>Education level</i>	12/12
❖	Trình độ đào tạo	Thạc sỹ năng lượng chuyên ngành Điện xanh

	<i>Qualification</i>	và năng lượng tái tạo <i>Master of Energy specializing in Green Electricity and Renewable Energy</i>
❖	Quá trình công tác <i>Work experience:</i>	
	Từ 05/2004 - 03/2005 <i>From 05/2004- 03/2005</i>	Kỹ sư cơ điện, Tập đoàn FUJITA/ <i>Mechanical and Electrical Engineer, Fujita Corporation</i>
	Từ 03/2005 – 05/2006 <i>From 03/2005 – 05/2006</i>	Kỹ sư điện, Công ty TNHH HBP Project Management/ <i>Electrical Engineer, HBP Project Management Company Limited</i>
	Từ 05/2006 - 09/2009 <i>From 05/2006 - 09/2009</i>	Kỹ sư điện cao cấp, Công ty TNHH Tư vấn Hyder/ <i>Senior Electrical Engineer, Hyder Consulting</i>
	Từ 09/2009 - 12/2012 <i>From 09/2009 - 12/2012</i>	Giám đốc điều hành, Công ty Cổ phần EMC/ <i>Chief Executive Officer, EMC Joint Stock Company</i>
	Từ 12/2012 - 10/2016 <i>From 12/2012 - 10/2016</i>	Chuyên viên phòng Kỹ thuật Ban QL đầu tư và kinh doanh tòa nhà EVN , Tập đoàn Điện lực Việt Nam/ <i>Technical Specialist, Investment and Building Business Management Board, Vietnam Electricity</i>
	Từ 10/2016 - 04/2020 <i>From 10/2016 - 04/2020</i>	Chuyên viên ,Văn phòng Tập đoàn Điện lực Việt Nam/ <i>Specialist, Office of Vietnam Electricity</i>
	Từ 4/2020 - 16/4/2021 <i>From 4/2020 - 16/4/2021</i>	Chuyên viên, Ban QLDA Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN/ <i>Specialist, Investment Construction and Technology Project Management Board, Vietnam Electricity</i>
	Từ 19/4/2021 - 01/10/2021 <i>From 19/4/2021 - 01/10/2021</i>	Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng Công ty Phát điện 2/ <i>Specialist, Internal Audit and Financial Supervision Board, Power Generation Corporation 2</i>
	Từ 23/04/2021 - 09/6/2024 <i>From 01/10/2021 - 09/6/2024</i>	KSV/Trưởng ban Kiểm soát tại công ty CP Nhiệt điện Phả Lại/ <i>Controller / Head of Supervisory Board, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 10/6/2024 – 7/5/2025 <i>From 10/6/2024 – 7/5/2025</i>	Thành viên HĐQT chuyên trách tại công ty CP Nhiệt điện Phả Lại/ <i>Full-time Member of the Board of Directors, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 8/5/2025 – 12/8/2025 <i>From 8/5/2025 – 12/8/2025</i>	Thành viên HĐQT không chuyên trách kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty/ <i>Non-executive member of the Board of Directors and Deputy Chief Executive Officer, Company</i>

	Từ 13/8/2025 đến nay <i>From 13/8/2025 to now</i>	Thành viên HĐQT không chuyên trách, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban QLDA, PPC <i>/Non-executive member of the Board of Directors; Deputy General Director cum Director of the Project Management Unit, PPC.</i>
❖	Số cổ phần nắm giữ <i>Number of shares held</i>	
	- Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ <i>PPC shares held individually</i>	0 cổ phần <i>0 share</i>
	- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước <i>Shares representing state capital</i>	Đại diện 20% Phần vốn NN của Tổng công ty phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 33.278.379 CP <i>Representative of 20% of the state capital of Power Generation Corporation 2 at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, equivalent to 33,278,379 shares.</i>
❖	Hành vi vi phạm pháp luật <i>Legal violations</i>	Không <i>None</i>
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty <i>Conflicts of interest with the company</i>	Không <i>None</i>
5	Ông Nguyễn Minh Thành <i>Mr. Nguyen Minh Thanh</i>	
❖	Chức vụ hiện tại <i>Current position</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>
❖	Giới tính <i>Gender</i>	Nam <i>Male</i>
❖	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	16/12/1982
❖	Nơi sinh <i>Place of birth</i>	Thành Phố Hải Phòng <i>Hai Phong City</i>
❖	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Việt Nam
❖	Dân tộc <i>Ethnicity</i>	Kinh

❖	Địa chỉ thường trú <i>Permanent address</i>	Số 11/92 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng <i>No. 11/92 Tran Quang Khai Street, Hong Bang District, Hai Phong City</i>
❖	Trình độ văn hoá <i>Education level</i>	12/12
❖	Trình độ đào tạo <i>Qualification</i>	Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ quản lý kinh tế <i>Bachelor of Accounting, Master of Economic Management</i>
❖	Quá trình công tác <i>Work experience:</i>	
	Từ 08/2004 - 07/2009 <i>From 08/2004 - 07/2009</i>	Kiểm toán viên, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam <i>Auditor, Deloitte Vietnam Co., Ltd</i>
	Từ 08/2009 - 04/2010 <i>From 08/2009 - 04/2010</i>	Kế toán viên, PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN - Công ty CP Nhiệt điện Hải phòng <i>Accountant, Finance and Accounting Department - Hai Phong Thermal Power JSC</i>
	Từ 05/2010 - 10/2013 <i>From 05/2010 - 10/2013</i>	Phó phòng, PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN - Công ty CP Nhiệt điện Hải phòng <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department - Hai Phong Thermal Power JSC</i>
	Từ 11/2013 - 10/2020 <i>From 11/2013 - 10/2020</i>	Kế toán trưởng, Công ty CP Nhiệt điện Hải phòng <i>Chief Accountant, Hai Phong Thermal Power JSC</i>
	Từ 10/2020 – 30/06/2025 <i>From 11/2013 - 10/2020</i>	Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Nhiệt điện Hải phòng <i>Deputy General Director, Hai Phong Thermal Power JSC</i>
	Từ 07/2025 đến nay <i>From 07/2025 to now</i>	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại <i>Deputy General Director, Pha Lai Thermal Power JSC</i>
❖	Số cổ phần nắm giữ <i>Number of shares held</i>	0 cổ phần <i>0 share</i>
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không

	<i>Legal violations</i>	<i>None</i>
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty <i>Conflicts of interest with the company</i>	Không <i>None</i>
6	Ông Phạm Hồng Vân <i>Mr. Pham Hong Van</i>	
❖	Chức vụ hiện tại <i>Current position</i>	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>
❖	Giới tính <i>Gender</i>	Nam <i>Male</i>
❖	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	26/06/1983
❖	Nơi sinh <i>Place of birth</i>	Tỉnh Nghệ An <i>Nghe An Province</i>
❖	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Việt Nam
❖	Dân tộc <i>Ethnicity</i>	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú <i>Permanent address</i>	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An <i>Truong Vinh Ward, Nghe An Province</i>
❖	Trình độ văn hoá <i>Education level</i>	12/12
❖	Trình độ đào tạo <i>Qualification</i>	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
❖	Quá trình công tác <i>Work experience:</i>	
	Từ 09/2004 - 05/2007 <i>From 09/2004 - 05/2007</i>	Chuyên viên, Trung tâm hỗ trợ tư vấn tài chính Nghệ An thuộc Sở Tài chính Nghệ An <i>Specialist, Nghe An Financial Consulting Support Center - Nghe An Department of Finance</i>
	Từ 06/2008 - 06/2014 <i>From 06/2008 - 06/2014</i>	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn <i>Specialist, Finance and Accounting Department - Trung Son Hydropower One Member Ltd.</i>

	Từ 07/2014 - 04/2017 <i>From 07/2014 - 04/2017</i>	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán , Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department - Trung Son Hydropower One Member Ltd.</i>
	Từ 05/2017 - 05/2018 <i>From 05/2017 - 05/2018</i>	Ban KTGS - Tổng Công ty Phát điện 2 - Chức vụ: Kiểm soát viên chuyên trách tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn. <i>Inspection and Supervision Board - Power Generation Corporation 2 (EVNGENCO2) - Position: Full-time Supervisor at Trung Son Hydropower One Member Ltd.</i>
	Từ 06/2018 - 08/2025 <i>From 06/2018 - 08/2025</i>	Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn <i>Chief Accountant, Trung Son Hydropower One Member Ltd.</i>
	Từ 01/09/2025 đến nay <i>From 01/09/2025 to now</i>	Kế toán trưởng Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại <i>Chief Accountant, Pha Lai Thermal Power JSC</i>
❖	Số cổ phần nắm giữ <i>Number of shares held</i>	0 cổ phần <i>0 share</i>
❖	Hành vi vi phạm pháp luật <i>Legal violations</i>	Không <i>None</i>
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty <i>Conflicts of interest with the company</i>	Không <i>None</i>

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2025/*Changes in the Executive Board in 2025:*

- Ngày 08/05/2025, ông Ngô Nguyên Đồng được bổ nhiệm giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty, đồng thời, tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị, làm việc theo chế độ không chuyên trách.

- On May 8, 2025, Mr. Ngo Nguyen Dong was appointed as Deputy General Director of the Company, and will continue to be a member of the Board of Directors, working on a non-executive basis.

- Ngày 13/08/2025: ông Ngô Nguyên Đồng được bổ nhiệm giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án, đồng thời, là thành viên Hội đồng quản trị, làm việc theo chế độ không chuyên trách.

- On August 13, 2025: Mr. Ngo Nguyen Dong was appointed as Deputy General Director of the Company, concurrently serving as Director of the Project Management Unit; at the same time, he is a non-executive member of the Board of Directors.

- Ngày 01/07/2025, ông Nguyễn Minh Thành được bổ nhiệm giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.

On July 1, 2025, Mr. Nguyen Minh Thanh was appointed as Deputy General Director of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.

- Ngày 01/09/2025, ông Phạm Hồng Vân được bổ nhiệm giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.

- On September 1, 2025, Mr. Pham Hong Van was appointed as Chief Accountant of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên/ Number of Staff and Employees.

- Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2025 tại PPC là 703 lao động (Trong đó bao gồm thành viên Ban kiểm soát, lao động thử việc, hợp đồng xác định thời hạn; không bao gồm các cán bộ đảng, đoàn chuyên trách), lao động sản xuất điện bình quân năm 2025 là 704 lao động.

- The total number of employees at PPC as of December 31, 2025 is 703 (including members of the Supervisory Board, probationary employees, and fixed-term contract employees; excluding full-time Party and Union officials), the average number of electricity production employees in 2025 is 704.

- Chế độ chính sách đối với người lao động:

- Policies and Regulations for Employees:

a) Chính sách tiền lương:

a) Salary Policy:

Công ty đã xây dựng và ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng đối với CBCNV Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo đúng hướng dẫn của các văn bản pháp luật hiện hành và Quyết định số 33/QĐ-HĐTV ngày 03/02/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc điều chỉnh Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

The company has developed and issued a salary scale, salary table, and salary allowance system applicable to employees of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in accordance with the guidance of current legal documents and Decision No. 33/QĐ-HĐTV dated February 3, 2025, of Vietnam Electricity Group on adjusting the salary scale, salary table, and salary allowance system in Vietnam Electricity Group.

Công ty có Quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo việc trả lương cho NLĐ công bằng theo mức độ đóng góp của cá nhân, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

The company has a salary payment regulation for employees, ensuring fair salary payment to employees based on individual contributions, encouraging employees to improve productivity, quality, and work efficiency, and ensuring a balance between the interests of the company and its employees.

Căn cứ tình hình SXKD thực tế năm 2025 gặp nhiều khó khăn cũng như sự thiếu hụt trầm trọng số lao động so với định biên, để duy trì vận hành nhà máy, Công ty đã phải áp dụng giải pháp tình thế: chuyển đổi lịch trực từ 3 ca 5 kíp sang 3 ca 4 kíp. Trong bối cảnh áp lực công việc tăng, tiền lương và thu nhập vẫn được điều tiết công bằng (Tiền lương bình quân năm 2025 của NLĐ đạt 19,5 triệu đồng/người/tháng), đảm bảo chế độ phúc lợi kịp thời cho người lao động.

Based on the actual business situation in 2025, which faced many difficulties and a severe shortage of labor compared to the established staffing levels, in order to maintain factory operations, the Company had to implement a temporary solution: changing the shift schedule from 3 shifts and 5 teams to 3 shifts and 4 teams. Despite increased work pressure, salaries and income will still be regulated fairly (average salary for employees in 2025 will reach VND 19.5 million/person/month), ensuring timely welfare benefits for employees.

Năm 2025, công tác giải quyết chế độ chính sách cho NLĐ (bảo hiểm, trợ cấp thôi việc, hưu trí, ốm đau, thai sản...) tiếp tục được thực hiện đúng các quy định theo pháp luật lao động và thỏa ước LĐTT của Công ty. Công ty đã hoàn thành thủ tục giải quyết cho 30 LĐ nghỉ chế độ hưu trí, 03 LĐ nữ nghỉ chế độ thai sản và hàng chục lượt NLĐ nghỉ chế độ ốm đau, dưỡng sức phục hồi sức khỏe trong năm.

In 2025, the handling of employee benefits and policies (insurance, severance pay, retirement, sickness, maternity, etc.) will continue to be carried out in accordance with labor laws and the Company's collective bargaining agreement. The company has completed the procedures for 30 employees retiring, 3 female employees taking maternity leave, and dozens of employees taking sick leave and convalescence leave during the year.

b) Quản trị nguồn nhân lực:

b) Human Resource Management:

Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo điều kiện để họ yên tâm công tác, tập trung sản xuất nhằm nâng cao năng suất, đảm bảo an toàn và hiệu quả. Đồng thời, Công ty duy trì và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao sức khỏe, tăng cường sự gắn kết nội bộ và xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, tích cực. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, bồi huấn chuyên môn. Các khóa đào tạo về đấu thầu, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) được triển khai sâu rộng, cùng với hệ thống đào tạo trực tuyến E-Learning phát huy hiệu quả với bình quân 28 lượt học/người/năm, góp phần nâng cao trình độ mà không ảnh hưởng nhiều đến ca kíp trực, từ đó ổn định nguồn nhân lực và hướng tới phát triển bền vững.

The company regularly pays attention to the material and spiritual well-being of its employees, creating conditions for them to work with peace of mind, focus on production to improve productivity, ensure safety and efficiency. At the same time, the company maintains and organizes cultural and sports activities, contributing to improving health, strengthening internal cohesion and building a united and positive working environment. In addition, the company also focuses on improving the quality of its human resources through professional training and development. Training courses on bidding, digital transformation, and artificial intelligence (AI) are widely implemented, along with an effective online E-Learning system averaging 28 learning sessions per person per year, contributing to skill enhancement without significantly impacting shift schedules, thereby stabilizing the workforce and aiming for sustainable development.

c) Chính sách khác:

c) Other policies:

Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác, tập trung sản xuất, qua đó nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty duy trì và tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao sức khỏe, tăng cường sự gắn kết nội bộ và xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, tích cực. Đồng thời, Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách phúc lợi, kịp thời động viên, hỗ trợ người lao động trong các dịp lễ, tết và khi gặp khó khăn, góp phần ổn định nguồn nhân lực và phát triển bền vững.

The company regularly pays attention to the material and spiritual well-being of its employees, creating conditions for them to work with peace of mind, focus on production, thereby increasing labor productivity, ensuring safety and efficiency. In addition, the company maintains and organizes cultural and sports activities, contributing to improved health, strengthening internal cohesion, and building a united and positive working environment. At the same time, the company fully implements welfare policies and regulations, promptly motivating and supporting employees during holidays and when they face difficulties, contributing to workforce stability and sustainable development.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment Status and Project Implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments:

Doanh thu hoạt động tài chính thực hiện năm 2025 đạt 46,45 tỷ đồng (bao gồm lãi tiền gửi 1,22 tỷ đồng) bằng 14,22% so với cùng kỳ năm 2024 (326,67 tỷ đồng), bằng 27,8% so với kế hoạch năm.

Financial revenue in 2025 is projected to reach VND 46.45 billion (including VND 1.22 billion in interest on deposits), representing 14.22% compared to the same period in 2024 (VND 326.67 billion), and 27.8% of the annual plan.

Doanh thu hoạt động tài chính thấp do năm 2025 các đơn vị PPC tham gia góp vốn đều có kết quả kinh doanh tốt và đảm bảo việc tạm ứng cổ tức năm 2025 trong năm 2025. Tuy nhiên, năm 2025, EVN thực hiện chi trả chênh lệch tỷ giá các năm trước do vậy các Tổng Công ty không có kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2025 trong năm 2025 của các Công ty con, trong đó có các Công ty con mà Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tham gia góp vốn. Dẫn đến các Công ty con không thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2025 trong năm 2025, vì lý do trên PPC không nhận được phần cổ tức năm 2025 tạm ứng năm 2025.

The low financial revenue is due to the fact that in 2025, the PPC units participating in the capital contribution all achieved good business results and ensured the payment of interim dividends for 2025. However, in 2025, EVN will pay exchange rate differences from previous years; therefore, the General Corporations do not plan to pay interim dividends for 2025 to their subsidiaries, including those in which Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company participates in capital contribution. This resulted in the subsidiaries not paying the 2025 interim dividend in 2025, because PPC did not receive the 2025 interim dividend.

i) Đầu tư ngắn hạn (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn).

i) Short-term investments (Investments held to maturity).

+ Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm 31/12/2025 là: 40 tỷ đồng, đây là các hợp đồng tiền gửi có thời hạn 06 tháng và tổng tiền lãi dự thu từ khoản đầu tư trên là: 0,24 triệu đồng.

+ Investments held to maturity as of December 31, 2025: VND 40 billion, these are 6-month term deposit contracts and the total expected interest from the above investment is: VND 0.24 million.

+ Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi dưới 3 tháng với tổng số tiền là: 375 tỷ, tiền lãi từ các hợp đồng tiền gửi này là: 0,98 tỷ đồng

+ Cash equivalents are deposits under 3 months with a total amount of: VND 375 billion, interest from these deposit contracts is: VND 0.98 billion.

ii) Đầu tư dài hạn: (đầu tư các dự án điện)

ii) Long-term investments: (investment in power projects)

Đến 31/12/2025 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện đầu tư các dự án điện là 2.535,9 tỷ đồng. Trong đó:

As of December 31, 2025, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company has invested VND 2,535.9 billion in power projects. Specifically:

- Góp vốn vào công ty liên kết:

- Captial contributions to associated companies:

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) với tổng số tiền là: 1.451,05 tỷ đồng, tương đương với 129.850.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 25,97% vốn điều lệ. Năm 2025, PPC đã nhận tiền cổ tức còn lại năm 2024 với tỷ lệ 1,0% tương đương 12,98 tỷ đồng. Dự kiến HND trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 3%.

+ *Capital contribution to Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company (HND) totaling VND 1,451.05 billion, equivalent to 129,850,000 shares, representing a 25.97% stake in the charter capital. In 2025, PPC received the remaining dividend for 2024 at a rate of 1.0%, equivalent to VND 12.98 billion. HND is expected to pay a 3% dividend in 2025.*

- Đầu tư các dự án điện khác:

- *Investment in other power projects:*

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) với tổng số tiền là: 817,29 tỷ đồng tương đương với 73.587.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 16,35% vốn điều lệ. Năm 2025, PPC đã nhận cổ tức còn lại với tỷ lệ 2% của năm 2024 với số tiền là: 14,72 tỷ đồng. QTP đã trả cổ tức năm 2025 trong 2026 với tỷ lệ 10%.

+ *Contributed capital to Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company (QTP) with a total amount of VND 817.29 billion, equivalent to 73,587,291 shares, representing a 16.35% stake in the charter capital. In 2025, PPC received the remaining dividend of 2% of 2024, amounting to VND 14.72 billion. QTP paid the 2025 dividend in 2026 at a rate of 10%.*

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EIC) với tổng số tiền là: 70,8 tỷ đồng tương đương với 7.080.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 19,3%. PPC đã nhận toàn bộ cổ tức năm 2024 trong năm 2024 với tỷ lệ là 10%. Năm 2025, EIC không thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2025. Và dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2025, EIC trả trong năm 2026 với tỷ lệ 10%.

+ *Contributed capital to EVN International Joint Stock Company (EIC) with a total amount of VND 70.8 billion, equivalent to 7,080,000 shares, representing a 19.3% stake. PPC received the full 2024 dividend in 2024 at a rate of 10%. In 2025, EIC will not pay an interim dividend. The expected cash dividend for 2025 will be paid in 2026 at a rate of 10%.*

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (BSA) với tổng số tiền góp vốn là: 50,25 tỷ đồng, số lượng cổ phần hiện tại là: 10.027.830 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 15% vốn điều lệ. Năm 2025, PPC đã nhận cổ tức của năm 2024, tỷ lệ là 15% với số tiền là: 15,041 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2025, BSA trả trong năm 2026 với tỷ lệ 15%.

+ *Capital contribution to Buon Don Hydropower Joint Stock Company (BSA) with a total capital contribution of VND 50.25 billion. The current number of shares is 10,027,830 shares, representing a 15% stake in the charter capital. In 2025, PPC received the 2024 dividend at a rate of 15%, amounting to VND 15.041 billion. The expected cash dividend for 2025 will be paid by BSA in 2026 at a rate of 15%.*

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VPD) với tổng giá trị góp vốn là 100 tỷ đồng, số lượng cổ phần hiện tại là: 11.311.657 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 10,61% vốn điều lệ. Trong năm 2025, PPC đã nhận cổ tức còn lại với

tỷ lệ 2% của năm 2024 với số tiền là: 2,26 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2025, VPD trả trong năm 2026 với tỷ lệ 16%.

+ *PPC invested in Vietnam Power Development Joint Stock Company (VPD) with a total capital contribution of VND 100 billion. The current number of shares is 11,311,657, representing a 10.61% stake in the company's charter capital. In 2025, PPC received the remaining dividend of 2% of 2024, amounting to VND 2.26 billion. VPD is expected to pay the cash dividend for 2025 in 2026 at a rate of 16%.*

+ Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) với tổng số cổ phiếu là 670.000 cổ phiếu tương đương 46,498 tỷ đồng. Trong năm 2025, PPC đã nhận cổ tức của năm 2024 tỷ lệ 3,3% với số tiền là: 0,22 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2025, BTP trả trong năm 2026 với tỷ lệ 2%.

+ *The company invested in and purchased shares of Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company (BTP) with a total of 670,000 shares, equivalent to VND 46.498 billion. In 2025, PPC received the dividend of 3.3% of 2024, amounting to VND 0.22 billion. BTP expects to pay a cash dividend for 2025 in 2026 at a rate of 2%.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries and associated companies:*

Như đã nêu trên, PPC Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) với tổng số tiền là: 1.451,05 tỷ đồng. Trong năm 2025, Công ty nhận được Cổ tức của phần vốn góp tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là 12,98 tỷ đồng.

As stated above, PPC contributed to Hai Phong Thermal Power JSC (HND) with total capital of VND 1,451.05 billion. In 2025, the Company received dividends from its capital contributions to Hai Phong Thermal Power JSC, totaling VND 12.98 billion.

4. Tình hình Tài chính/*Financial status*

a) Tình hình tài chính/*Financial status:*

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>	Năm 2025 <i>Year 2025</i>	% tăng giảm <i>% change</i>
Tổng giá trị tài sản <i>Total assets</i>	5.533,69	5.246,60	-5,19%
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	7.681,06	6.565,83	-14,52%
Lợi nhuận từ hoạt động KD <i>Operating profit</i>	411,34	194,14	-52,80%
Lợi nhuận khác <i>Other profit</i>	26,80	0,99	-96,31%
Lợi nhuận trước thuế <i>Pre-tax profit</i>	438,14	195,13	-55,46%
Lợi nhuận sau thuế <i>Post-tax profit</i>	427,07	165,18	-61,32%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (kế hoạch) <i>Divident payout ratio (Planned)</i>	6%	4,5%	-25,00%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Key financial indicators:

STT No.	Chỉ tiêu Item	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán <i>Liquidity ratios</i>		
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) <i>Current ratio (Current Assets / Current Liabilities)</i>	2,705	3,192
b	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) <i>Quick Ratio (Current Assets - Inventories) / Current Liabilities)</i>	2,029	2,262
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn <i>Capital structure indicators</i>		
a	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản <i>Det-to-total assets ratio</i>	0,182	0,149
b	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu <i>Debt-to-Equity ratio</i>	0,223	0,175
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động <i>Operational efficiency indicators</i>		
a	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) <i>Inventory Turnover (Cost of Goods Sold / Average Inventory)</i>	10,713	8,968
b	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) <i>Total Asset Turnover (Net Revenue / Average Total Assets)</i>	1,358	1,218
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời <i>Profitaility indicators</i>		
a	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>Net Profit Margin (Net Profit After Tax / Net Revenue)</i>	0,0556	0,0252
b	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>Return on Equity (Net Profit After Tax / Shareholder's Equity)</i>	0,0896	0,0367
c	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0755	0,0306

STT No.	Chỉ tiêu Item	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025
	<i>Return on Assets (Net Profit After Tax / Total Assets)</i>		
d	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần <i>Operating Profit Margin (Operating Profit / Net Revenue)</i>	0,0536	0,0296

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholder Structure and Changes in Owner's Equity

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn cổ phần), trong đó: 5.621.946 CP quỹ.

a) Shares: 326,235,000 shares (In words: Three hundred twenty-six million two hundred thirty-five thousand shares), including 5,621,946 treasury shares.

b) Cơ cấu cổ đông: Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông tính đến ngày 23/03/2026 (ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2026)

b) Shareholder structure: Equity contribution ratio of shareholders as of March 23, 2026 (the final registration date for the right to participate in the 2026 Extraordinary General Meeting of Shareholders):

TT No.	Nội dung Content	Số nhà đầu tư Nuber of investors	Số CP Number of Share	Tỷ lệ % Ratio %
I	Tổng số cổ phần Total shares		326.235.000	100
1	Cổ phiếu quỹ Treasury shares	1	5.621.946	1,72
2	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$) Major shareholders ($\geq 5\%$)	2	230.886.856	70,77
3	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$) Minority shareholders ($< 5\%$)	10.514	89.726.198	27,50
II.2	Phân loại CP đang lưu hành theo chủ thể sở hữu Clasification of outstanding shares by ownership entities			
	Theo cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức Individuals and Organsiations shareholders			
II.2.1	Cá nhân Individuals	10.442	51.241.064	15,71
II.2.2	Tổ chức Organisations	75	274.993.936	84,29
	Theo cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			

TT No.	Nội dung Content	Số nhà đầu tư Nuber of investors	Số CP Number of Share	Tỷ lệ % Ratio %
	<i>Domestic and Foreign shareholders</i>			
II.2.3	Trong nước <i>Domestic</i>	9.919	297.166.771	91,09
II.2.4	Nước ngoài <i>Foreign</i>	598	29.068.229	8,91
	<i>Theo cổ đông Nhà nước và cổ đông khác State-own and Other shareholders</i>			
II.2.5	Cổ đông nhà nước <i>State-own</i>	1	166.391.896	51,00
II.2.6	Cổ đông khác <i>Other shareholders</i>	10.516	159.843.104	49,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

c) *Change in owner's equity: None*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

d) *Transaction involving treasury shares: None*

e) Các chứng khoán khác: Không

e) *Other securities: None*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/Report on environmental and social impacts of the Company

6.1. Tác động lên môi trường/Environmental impacts:

Công ty chưa thực hiện đo tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.

The Company has not measured total direct or indirect greenhouse gas (GHG) emissions.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Managerment of material resources

a) Tổng lượng nguyên liệu sử dụng trong năm

a) *Total materials used during the year:*

Tổng lượng than sử dụng để sản xuất điện là: 2,1 triệu tấn.

Total coal used for electricity production: 2.1 million tons.

Tổng lượng dầu sử dụng để sản xuất điện là: 5,30 nghìn tấn.

Total oil used for electricity production: 5.30 thousand tons.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

b) *Percentage of recycled materials used for the production of the organization's main products and services: None*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

a) *Direct and indirect energy consumption:*

- Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi.
- *Thermal energy released through the combustion of coal and oil in boilers.*
- Năm 2025, Sản lượng điện tự dùng cho sản xuất là: 441,78 triệu kWh.
- *In 2025, the electricity consumed for production totaled 441.78 million kWh.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty luôn chú trọng đến công tác nâng cao hiệu suất tổ máy, giảm suất tiêu hao nhiệt, bên cạnh đó yêu cầu người lao động trong công ty thực hiện đúng theo các chương trình tiết kiệm điện tại nơi làm việc.

b) Energy savings are achieved through energy efficiency initiatives: The company always focuses on improving the efficiency of its generators and reducing heat consumption, while also requiring employees to strictly adhere to energy saving programs in the workplace.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

c) Reports on energy-saving initiatives:

- Thực hành chương trình tiết kiệm điện theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Implementation of the electricity-saving program as directed by Vietnam Electricity (EVN).

- Thực hiện Đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành các nhà máy điện giai đoạn 2021 –2025 công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Execution of the plan to enhance the reliability and efficiency of power plant operations for the 2021–2025 period by Pha Lai Thermal Power JSC.

- Công ty thường xuyên phát động tới người lao động nghiên cứu, áp dụng các cải tiến, sáng kiến, ứng dụng chuyển đổi số nhằm giảm suất tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và điện tự dùng.

- Regular promotion and encouragement of employees to research, apply improvements, initiatives, and digital transformation to reduce the consumption of materials, fuels, and self-used electricity.

6.4. Tiêu thụ nước/Water consumption

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

a) Water supply sources and volume used:

- Nguồn cung cấp nước: Nước Sông Lục đầu Giang.

- Water source: Luc Dau Giang River.

- Lượng nước sử dụng: 1.623.673 m³/ngày là nước mặt sông Thái Bình (nước làm mát); Nước sinh hoạt trong Công ty: 12,55m³/ngày là nước máy.

- Volume used: 1.623.673 m³/day from surface water of Thai Binh River (for cooling); 12,55 m³/day of tap water (for employee living needs).

b) Tỷ lệ lượng nước tái chế và tái sử dụng: 99,87%.

b) Percentage of recycled and reused water volume: 99,87%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with Environmental laws

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

a) Number of times penalized for non-compliance with environmental laws and regulations: None.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Total amount of fines for non-compliance with environmental laws and regulations: None.

c) Các hoạt động liên quan tới công tác môi trường tại PPC:

c) Environmental activities at PPC:

Nhằm nâng cao nhận thức trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong Công ty, ngăn ngừa các tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất, đảm bảo tuân thủ đúng theo pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công ty. Công ty đã tổ chức tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường đến toàn thể người lao động trong Công ty dựa trên “Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường” trong Công ty.

To raise awareness in environmental management and protection within the Company, prevent environmental impacts during production, and ensure compliance with environmental protection laws, the Company has organized environmental protection awareness campaigns for all employees based on the Company's "Regulations on Environmental Management and Protection".

Kiểm soát các thông số khí thải, bụi, nước thải, nước mặt theo quy định. Các đơn vị trong Công ty thực hiện đúng việc phân loại rác thải, thu gom và tập kết vào bãi chứa rác thải theo đúng quy định. Các đơn vị trong Công ty duy trì hệ thống quản lý môi trường. Nhà kho chứa chất thải nguy hại tạm thời đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và phân loại từng ngăn để chứa chất thải trước khi chuyển đi xử lý. Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Control of exhaust gas, dust, wastewater, and surface water parameters according to regulations. Units within the Company correctly sort waste, collect and dispose of it in designated waste disposal sites. Units within the Company maintain an environmental management system. The temporary hazardous waste storage facility meets technical requirements and is properly classified into separate compartments for waste storage before processing. The company contracts with qualified units to collect, transport, and process waste according to regulations.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp đều được xử lý theo đúng quy trình, đúng thiết kế, đảm bảo các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định theo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

The wastewater treatment systems for domestic wastewater, oil-contaminated wastewater, and industrial wastewater are all processed according to the correct

procedures and designs, ensuring that wastewater quality parameters always meet the standards before being discharged into the environment.

Công ty quản lý hóa chất theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và theo quy trình của Công ty về an toàn hóa chất. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng, ban hành tài liệu về Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất.

The company manages chemicals in accordance with the regulations in the State's legal documents and the company's chemical safety procedures. In addition, the company has developed and issued a document on Chemical Incident Prevention and Response Measures.

Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm cải tạo, nâng cấp điều kiện và môi trường làm việc cho người lao động, trồng thêm được nhiều cây xanh trên các khu đất trống, giữ gìn môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

Furthermore, the company always focuses on improving and upgrading working conditions and the environment for its employees, planting more trees on vacant land, and maintaining a green, clean, and beautiful environment.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies Related to Employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

a) Number of Employees and Average Salary:

- Tổng số lao động tính đến 31/12/2025 tại PPC là 703 lao động.

- *The total number of employees at PPC as of December 31, 2025, was 703.*

- Tiền lương bình quân năm 2025 của NLĐ đạt 19,5 triệu đồng/người/tháng.

- *The average salary of employees in 2025 reached VND 19.5 million/person/month.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

b) Labor Policies to Ensure Employee Health, Safety, and Welfare:

Công ty đảm bảo thực hiện tốt công tác an toàn, tuân thủ nghiêm, đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ); chú trọng nâng cao chất lượng trang thiết bị phục vụ công tác đảm bảo ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Công ty thực hiện việc khám xét, kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Thiết bị được kiểm định khi đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật an toàn mới đưa vào làm việc.

The Company ensures the proper implementation of safety practices, strictly and fully complying with legal regulations on occupational safety and health (OSH); pays close attention to improving the quality of equipment serving OSH, fire prevention and fighting (FPF), flood and storm control and search and rescue (FSCS&SR); and continuously improves working conditions for employees. The Company conducts inspections and tests of equipment with strict requirements for labor safety and

hygiene. Equipment is put into operation only after passing safety and technical requirements.

Công ty thực hiện việc đo kiểm môi trường lao động đúng theo quy định, thông báo kết quả đến người lao động tại các vị trí sản xuất, các đơn vị quản lý để có biện pháp phòng ngừa, có kế hoạch đề xuất cải tạo, khắc phục nhằm cải thiện môi trường lao động.

The Company conducts workplace environment monitoring in accordance with regulations, informing employees at production sites and management units of the results to implement preventive measures and propose plans for improvement and remediation to enhance the working environment.

Việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ được Công ty thực hiện theo định mức đã được phê duyệt. 100% người lao động được trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân, chất lượng các loại phương tiện bảo vệ cá nhân không ngừng được nâng cao.

The provision of personal protective equipment (PPE) to employees is carried out by the Company according to approved standards. 100% of employees are provided with PPE, and the quality of all types of PPE is continuously improved.

Công ty thực hiện việc bồi dưỡng chống độc hại cho người lao động bằng hiện vật theo quy định của pháp luật. Công ty đã phối hợp với Viện Quân y 7 tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động với nhiều nội dung. 100% người lao động được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty mua thêm bảo hiểm tự nguyện cho CBCNV để hỗ trợ người lao động trong các trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo, điều trị bệnh lâu dài, bệnh phải phẫu thuật và những rủi ro, tai nạn không mong muốn.

The company provides employees with in-kind compensation for exposure to hazardous substances as required by law. The company has collaborated with Military Medical Institute 7 to organize periodic health check-ups and occupational disease examinations for employees, covering various aspects. 100% of employees are covered by social insurance, health insurance, and unemployment insurance in accordance with the law. In addition, the company purchases voluntary insurance for its employees to support them in cases of serious illnesses, long-term treatment, surgical procedures, and unforeseen risks and accidents.

Công ty chăm lo đời sống người lao động, thường xuyên tuyên truyền, vận động người lao động thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thăm hỏi, động viên kịp thời NLĐ khi ốm đau, hiếu hỉ, sinh con, tặng quà kết hôn, trợ cấp cho NLĐ mắc bệnh hiểm nghèo... Tặng quà cho con NLĐ nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, khen thưởng con NLĐ đạt thành tích cao trong năm học 2024-2025. Kịp thời biểu dương, khen thưởng NLĐ ngành Điện tiêu biểu, An toàn vệ sinh viên (ATVSV) giỏi, gia đình CBCNV tiêu biểu cấp Công ty. Phối hợp tổ chức kiện toàn mạng lưới ATVSV nhiệm kỳ 2025-2027, tổ chức tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho các ATVSV.

The company cares for the well-being of its employees, regularly promoting and encouraging them to perform and complete their assigned tasks. It provides timely support and encouragement to employees during times of illness, bereavement, childbirth, weddings, and provides financial assistance to employees suffering from serious illnesses. Gifts are given to employees' children on Children's Day (June 1st) and Mid-Autumn Festival, and awards are given to employees' children who achieve high academic results in the 2024-2025 school year. Outstanding employees in the electricity sector, excellent occupational safety and health officers, and exemplary employee families are promptly recognized and rewarded. The company collaborates in strengthening the occupational safety and health officer network for the 2025-2027 term, and organizes training to improve the professional skills of occupational safety and health officers.

Tổ chức hoạt động văn hóa thể thao nhân dịp Tết nguyên đán Ất Tỵ cho NLĐ để nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho NLĐ, tăng cường sự giao lưu, đoàn kết giữa các đơn vị, ca vận hành.

Cultural and sports activities are organized for employees during the Lunar New Year (Year of the Snake) to improve their health and well-being, and to strengthen interaction and solidarity among units and operating shifts.

Tổ chức thành công Hội nghị NLĐ, hội nghị đối thoại thiết thực, không hình thức.

Successfully organizing the Workers' Conference, a practical and meaningful dialogue meeting, not just a formality.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

c) Employee training

Công ty luôn coi trọng chất lượng đầu vào và luôn coi trọng chất lượng đào tạo, đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay và các năm tiếp theo của công ty. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng; kế hoạch, chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện hiệu quả, chất lượng. Có giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo chức danh theo chương trình đã đề ra, hoàn thiện phần lý thuyết chung cho các đơn vị để thống nhất nội dung đào tạo. Tiếp tục triển khai, áp dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý và đánh giá lao động.

The Company always values the quality of input and training, recognizing it as a crucial factor in improving the quality of human resources to meet the current and future production and business needs of the company. Recruitment plans, training plans, and programs are developed and implemented effectively and with quality. Solutions are in place to enhance the quality of job-specific training according to the established program, and the general theoretical framework for all units is being finalized to standardize training content. The deployment and application of

information technology and specialized software in labor management and evaluation continue.

Nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Công ty cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo do EVN; EVNGENCO2 và các đơn vị có thẩm quyền tổ chức.

To enhance professional expertise, the Company sends its employees to participate in training courses, workshops, and seminars organized by EVN, EVNGENCO2, and other authorized units.

Năm 2025, Công ty đã mời các đơn vị có chức năng về Công ty tổ chức nhiều khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV như: Đấu thầu, nghiệp vụ xây dựng; Kỹ năng xây dựng bài giảng điện tử, Chuyển đổi số và AI cho CBCNV...

In 2025, the Company invited relevant units to organize numerous professional training courses for its employees, such as: Bidding, construction operations; skills in building electronic lectures, digital transformation and AI for employees...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on the local community responsibility*

Song song với mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh Công ty luôn quan tâm và thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động từ thiện. Hưởng ứng các đợt phát động của Tổng công ty Phát điện 2, Công đoàn Tổng công ty Phát điện 2 và địa phương.

Alongside its production and business development goals, the Company consistently prioritizes and effectively implements social welfare, gratitude, and charitable activities, responding to initiatives launched by Power Generation Corporation 2, the Trade Union of Power Generation Corporation 2, and local authorities.

Trong năm 2025, tổng số tiền chi cho hoạt động an sinh xã hội: 2 tỷ đồng.

In 2025, the total expenditure on social welfare activities was VND 2 billion.

Một số hoạt động tiêu biểu như sau:

Some typical activities include:

Công tác đền ơn đáp nghĩa: thăm hỏi, phụng dưỡng, Mẹ Việt Nam Anh hùng. Đóng góp xây dựng các quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Thăm và tặng quà thương bệnh binh tại Thuận Thành, Bắc Ninh: 350.000.000 đồng.

Gratitude and Remembrance Activities: Visiting and caring for Heroic Vietnamese Mothers. Contributing to the Gratitude and Remembrance Funds, visiting and giving gifts to wounded soldiers in Thuan Thanh, Bac Ninh: 350,000,000 VND.

Hỗ trợ kinh phí xây nhà 02 căn nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, mái ấm tình thương, nhà chữ thập đỏ cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn tổng số tiền đã ủng hộ: 200.000.000 đồng.

Providing financial support for the construction of 2 houses of gratitude, solidarity houses, shelters of love, and Red Cross houses for poor households with difficult circumstances, total amount donated: 200,000,000 VND.

Duy trì trợ cấp thường xuyên cho 15 đối tượng nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tặng quà cho các đối tượng nghèo trong dịp Tết Nguyên Đán, tặng quà trẻ em nghèo Tết Trung thu, Tết thiếu nhi, tổng chi: 330.000.000 đồng.

Maintaining regular allowances for 15 poor individuals with particularly difficult circumstances. Giving gifts to poor individuals during the Lunar New Year, giving gifts to poor children during the Mid-Autumn Festival and Children's Day, total expenditure: 330,000,000 VND.

Tổ chức chương trình hoạt động hè, Tết Trung thu, khen thưởng động viên con CBCNV Công ty đạt thành tích cao trong học tập: 350.000.000 đồng.

Organizing summer activities, Mid-Autumn Festival, and rewarding and encouraging children of company employees who achieved high academic results: 350,000,000 VND.

Ủng hộ đồng bào khắc phục bão lũ thiên tai và giúp đỡ nhân dân Cuba tổng tiền: 482.000.000 đồng.

Donations to support people in overcoming the effects of storms, floods, and natural disasters, and assistance to the people of Cuba: a total of 482,000,000 VND.

Hỗ trợ các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn phường Chí Linh và các tỉnh lân cận.

Support for agencies and organizations in Chi Linh ward and neighboring provinces.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities as guided by SSC: Không có/None.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ REPORT AND EVALUATION OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Evaluation of Production and Business Performance

1.1. Tình hình sản xuất / Production Situation

Năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động đáng kể từ các yếu tố khách quan của hệ thống điện. Trước diễn biến của thủy điện và biến động phụ tải, NSMO đã điều chỉnh giảm kế hoạch huy động đối với các nhà máy nhiệt điện, trong đó có NMD Phả Lại 1 và Phả Lại 2, làm sản lượng điện huy động theo kế hoạch giảm 1,64 tỷ kWh so với kế hoạch đầu năm. Đây là nguyên nhân chính khiến sản lượng điện sản xuất không đạt chỉ tiêu đề ra.

In 2025, the company's production and business activities were significantly impacted by objective factors in the power system. Due to developments in hydropower and load fluctuations, NSMO adjusted its dispatch plan for thermal power plants, including Pha Lai 1 and Pha Lai 2, resulting in a reduction of 1.64 billion kWh in

planned electricity output compared to the initial plan. This was the main reason why electricity production did not meet the set target.

Tuy nhiên, Ban điều hành đã chủ động, linh hoạt trong công tác chỉ đạo sản xuất, kịp thời điều chỉnh phương thức vận hành nhằm thích ứng với điều kiện thị trường điện. Công ty đã tối ưu cơ cấu huy động giữa các tổ máy, do việc khai thác sản lượng cao ở PL1 sẽ kém hiệu quả, nên PPC đã tăng cường khai thác sản lượng ở PL2. Khai thác sản lượng PL2 với giá bán bình quân cao hơn chi phí biến đổi để tăng lợi nhuận sản xuất điện, qua đó góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh. Kết quả, sản lượng điện bán của Phả Lại 2 đạt 3.029,74 triệu kWh, tương đương 126,76% sản lượng hợp đồng (Qc), vượt xa kế hoạch được giao.

However, the management board proactively and flexibly directed production, promptly adjusting operating methods to adapt to electricity market conditions. The company optimized the dispatch structure between generating units; since exploiting high output at PL1 would be less efficient, PPC increased output at PL2. Exploiting PL2 output at an average selling price higher than variable costs increased electricity production profits, thereby contributing to improved production and business efficiency. As a result, Pha Lai 2's electricity sales reached 3,029.74 million kWh, equivalent to 126.76% of the contracted output (Qc), far exceeding the assigned plan.

Trong năm 2025 với sự quyết liệt chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của Hội đồng Quản trị, sự phối hợp của Ban Điều hành, sự chung tay của các đơn vị trong Công ty đã đạt được một số chỉ tiêu chính đã thực hiện trong năm 2025 như sau:

In 2025, with the decisive direction and support of the Board of Directors, the coordination of the Executive Board, and the joint efforts of the units within the Company, several key targets were achieved as follows:

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 6.615,78 tỷ đồng bằng 72,98 % so với kế hoạch năm 2025, bằng 82,83% so với cùng kỳ năm 2024;
- *Total revenue in 2025 reached VND 6,615.78 billion, equivalent to 72.98% of the 2025 plan and 82.83% compared to the same period in 2024;*
- Tổng chi phí năm 2025 là 6.420,65 tỷ đồng bằng 74,06% so với kế hoạch năm 2025, bằng 84,51% so với cùng kỳ năm 2023;
- *Total expenses in 2025 were VND 6,420.65 billion, equivalent to 74.06% of the 2025 plan and 84.51% compared to the same period in 2023;*
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 195,13 tỷ đồng, bằng 49,37% so với kế hoạch năm 2025, bằng 44,54% so với cùng kỳ năm 2024.
- *Total pre-tax profit in 2025 is projected to reach VND 195.13 billion, equivalent to 49.37% of the 2025 plan and 44.54% compared to the same period in 2024.*

2. Tình hình tài chính/Financial status:

a) Tình hình tài sản/ Assets:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Unit: Million Dong

Chỉ tiêu <i>Item</i>	31/12/2024	Tỷ trọng trong tổng TS năm 2024 <i>Percentage in Total asset year 2024</i>	31/12/2025	Tỷ trọng trong tổng TS năm 2025 <i>Percentage in Total asset year 2025</i>	% tăng giảm 2025/2024 <i>% change 2025/2024</i>
Tài sản ngắn hạn <i>Current Assets</i>	2.730.492,70	49,34%	2.490.349,54	47,47%	-8,79%
Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and cash equivalents</i>	25.465,52	0,46%	395.414,67	7,54%	1452,47%
Đầu tư tài chính ngắn hạn <i>Short-term financial investment</i>	-	0,00%	40.000,00	0,76%	-
Các khoản phải thu ngắn hạn <i>Short-term receivables</i>	1.837.988,30	33,21%	1.102.042,82	21,01%	-40,04%
Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	682.317,98	12,33%	725.512,95	13,83%	6,33%
Tài sản ngắn hạn khác <i>Other current assets</i>	184.720,91	3,34%	227.379,09	4,33%	23,09%
Tài sản dài hạn <i>Non-current assets</i>	2.803.195,46	50,66%	2.756.255,04	52,53%	-1,67%
Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	219.362,89	3,96%	192.968,29	3,68%	-12,03%
Tài sản dở dang dài hạn <i>Long-term assets in progress</i>	25.939,60	0,47%	26.487,19	0,50%	2,11%
Đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term financial investments</i>	2.497.440,89	45,13%	2.495.424,19	47,56%	-0,08%
Tài sản dài hạn khác <i>Other current assets</i>	60.452,08	1,09%	41.375,37	0,79%	-31,56%
Tổng tài sản <i>Total assets</i>	5.533.688,17	100%	5.246.604,58	100%	-5,19%

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty là 5.246,60 tỷ đồng, giảm 287,08 tỷ đồng, tương đương giảm 5,19% so với thời điểm 31/12/2024.

As of December 31, 2025, the Company's total assets were VND 5,246.60 billion, a decrease of VND 287.08 billion, equivalent to a 5.19% decrease compared to December 31, 2024.

Trong đó, cơ cấu tài sản cụ thể:

Specifically, the asset structure is as follows:

(i) Tài sản ngắn hạn: 2.490,35 tỷ đồng, chiếm 47,47% tổng tài sản, giảm 8,79% so với đầu năm, chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn giảm mạnh 40,04%.

(i) Current assets: VND 2,490.35 billion, accounting for 47.47% of total assets, a decrease of 8.79% compared to the beginning of the year, mainly due to a sharp 40.04% decrease in short-term receivables.

(ii) Tài sản dài hạn: 2.756,26 tỷ đồng, chiếm 52,53% tổng tài sản, giảm 1,67% so với đầu năm, chủ yếu do tài sản cố định và tài sản dài hạn khác giảm lần lượt 12,03% và 31,56%, trong khi đầu tư tài chính dài hạn gần như ổn định.

(ii) Long-term assets: VND 2,756.26 billion, accounting for 52.53% of total assets, a decrease of 1.67% compared to the beginning of the year, mainly due to a decrease of 12.03% and 31.56% respectively in fixed assets and other long-term assets, while long-term financial investments remained almost stable.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Status of Liabilities*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Unit: Million Dong

Chỉ tiêu <i>Item</i>	31/12/2024	Tỷ trọng trong tổng Nợ phải trả năm 2024 <i>Percentage of total liability in 2024</i>	31/12/2025	Tỷ trọng trong tổng Nợ phải trả năm 2025 <i>Percentage of totl liability in 2025</i>	% tăng giảm 2025/2024 <i>% change 2025/2024</i>
Nợ ngắn hạn <i>Current liabilities</i>	1.009.356,20	100,00%	780.223,78	100,00%	-22,70%
Phải trả người bán ngắn hạn <i>Short-term trade payables</i>	798.613,43	79,11%	663.788,69	85,08%	-16,87%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn <i>Short-term advances from customers</i>	350,5	0,03%	7,52	0,00%	-97,85%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.851,80	1,17%	13.729,92	1,76%	15,84%

<i>Taxes and payables to the State</i>					
Phải trả người lao động <i>Payables to employees</i>	96.919,99	9,60%	52.033,75	6,67%	-46,33%
Chi phí phải trả ngắn hạn <i>Short-term accrued expenses</i>	4.438,95	0,44%	5.767,02	0,74%	29,94%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác <i>Other short-term payables</i>	74.253,17	7,36%	7.639,54	0,98%	-89,72%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi <i>Bonus and welfare fund</i>	22.928,36	2,27%	37.257,33	4,78%	62,50%
Nợ dài hạn <i>Long-term liabilities</i>	0	0,00%	0	0,00%	-
Tổng nợ phải trả <i>Total liabilities</i>	1.009.356,20	100%	780.223,78	100%	-22,70%

Tại ngày 31/12/2025, nợ phải trả của Công ty giảm 22,70% so với thời điểm 31/12/2024, chủ yếu do sự giảm mạnh của các khoản phải trả ngắn hạn.

As of December 31, 2025, the Company's liabilities decreased by 22.70% compared to December 31, 2024, primarily due to a significant reduction in short-term payables.

Trong đó, khoản phải trả người bán ngắn hạn là 663,79 tỷ đồng, giảm 16,87% so với đầu năm do Công ty đã thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản phải trả khác giảm mạnh, đặc biệt là phải trả ngắn hạn khác giảm 89,72% và phải trả người lao động giảm 46,33% so với thời điểm 31/12/2024. Nguyên nhân khoản phải trả người lao động giảm là do quỹ lương thực hiện năm 2025 thấp. Các khoản phải nộp, phải trả ngắn hạn khác giảm là do khoản phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty đã thực hiện chi trả cho cổ đông.

Specifically, short-term payables to suppliers amounted to VND 663.79 billion, a decrease of 16.87% from the beginning of the year as the Company settled its due debts. Other payables decreased significantly, particularly other short-term payables which decreased by 89.72% and employee payables which decreased by 46.33% compared to December 31, 2024. The decrease in employee payables is due to the low payroll fund for 2025. The decrease in other short-term payables and liabilities is due to the Company having already paid dividends to shareholders.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in Organizational Structure, Policies, and Management*

Thực hiện chủ trương triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của EVN/EVNGENCO2, Công ty đã xây dựng phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy quản lý điều hành và trình HĐQT phê duyệt. Theo đó, Công ty đã ban hành Quyết định hợp nhất phòng Kỹ thuật và phòng An toàn và Môi trường thành phòng Kỹ thuật và An toàn, hợp nhất phân xưởng Vận hành 1 và phân xưởng Vận hành 2 thành phân xưởng Vận hành.

In line with the policy of streamlining the organizational structure and management of EVN/EVNGENCO2, the Company has developed a plan for streamlining the organizational structure and management and submitted it to the Board of Directors for approval. Accordingly, the Company has issued a Decision to merge the Technical Department and the Safety and Environment Department into the Technical and Safety Department, and to merge Operation Workshop 1 and Operation Workshop 2 into the Operation Workshop.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ban hành Quyết định phê duyệt mô hình tổ chức và định biên lao động Trung tâm dịch vụ sửa chữa (trong đó sáp nhập phân xưởng Sản xuất phụ vào Trung tâm dịch vụ sửa chữa từ ngày 01/01/2026).

In addition, the Company has also issued a Decision approving the organizational model and staffing of the Repair Service Center (including the merger of the Auxiliary Production Workshop into the Repair Service Center from January 1, 2026).

Năm 2025, Công ty đã tiến hành thủ tục trình ĐHCĐ thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 Kiểm soát viên (Trưởng BKS); bổ nhiệm mới 02 Phó TGD, 01 Kế toán trưởng, 01 Trưởng đơn vị và 05 Phó Trưởng đơn vị (chưa bao gồm các trường hợp bố trí cán bộ do tinh gọn sáp nhập và bố trí cán bộ Trung tâm dịch vụ sửa chữa).

In 2025, the Company proceeded with the procedures to submit to the General Meeting of Shareholders for approval the dismissal and election of one additional Supervisory Board Member (Head of the Supervisory Board). New appointments include 2 Deputy General Directors, 1 Chief Accountant, 1 Head of Unit, and 5 Deputy Heads of Unit (excluding personnel reassignment due to streamlining through mergers and reassignment of personnel at the Repair Service Center).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Future development plan*

Để hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, Công ty tập trung triển khai các định hướng chiến lược gồm: thúc đẩy đầu tư các nguồn điện mới theo hướng linh hoạt, thân thiện môi trường; nghiên cứu chuyển đổi nhiên liệu sang các dạng ít phát thải hơn và nâng cấp hệ thống xử lý khí thải nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe.

To realize its sustainable development goals, the Company focuses on implementing strategic directions including: promoting investment in new, flexible,

and environmentally friendly power sources; researching the conversion of fuels to less emitting forms and upgrading exhaust gas treatment systems to meet increasingly stringent environmental standards.

Song song đó, Công ty duy trì vận hành an toàn, kinh tế các tổ máy, nâng cao độ sẵn sàng thiết bị; thực hiện linh hoạt chiến lược chào giá để tối ưu cơ hội thị trường, đảm bảo các tổ máy luôn bám lưới, qua đó gia tăng doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư, góp vốn và đầu tư tài chính có chọn lọc, tạo nền tảng cho tăng trưởng ổn định và bền vững.

Simultaneously, the Company maintains safe and economical operation of its generating units, enhances equipment availability; implements flexible pricing strategies to optimize market opportunities, ensuring that generating units remain connected to the grid, thereby increasing revenue and business efficiency. At the same time, the Company continues to promote investment, capital contributions, and selective financial investments, creating a foundation for stable and sustainable growth.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán/Explanation of the Board of General Directors regarding the Auditor's opinion: không có/*None*.

6. Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Report on the Company's Environmental and Social Responsibility Impacts.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường/ Assessment Related to Environmental Indicators

Công ty tuân thủ thực hiện các quy định của pháp luật và chỉ đạo của các cấp; xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện các yêu cầu về công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định. Thực hiện vận hành hệ thống xử lý các nguồn nước thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo các thông số chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Thực hiện công tác thu gom, phân loại chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định. Duy trì thực hiện quan trắc giám sát môi trường định kỳ hằng tháng và hàng quý theo quy định.

The company complies with all legal regulations and directives from relevant authorities; develops and issues guiding documents and implements environmental protection requirements in accordance with regulations. It operates the wastewater treatment system according to established procedures and designs, ensuring that wastewater quality parameters meet permitted standards and regulations before discharge into receiving water sources. It collects and sorts solid waste and hazardous waste according to regulations. It maintains regular monthly and quarterly environmental monitoring as required.

6.2. Đánh giá liên quan đến người lao động/Assessment related to employees

Trong năm Công ty thực hiện tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao năng suất và chủ động điều tiết tiền lương, thu nhập một cách công bằng, hợp lý trong bối cảnh

áp lực nhân sự gia tăng. Kết hợp với Công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của NLĐ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của NLĐ, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với NLĐ theo quy định, qua đó giúp NLĐ yên tâm công tác.

Throughout the year, the company strengthened labor discipline, improved productivity, and proactively adjusted wages and income fairly and reasonably amidst increasing personnel pressure. In collaboration with the Trade Union, the company cared for the material, spiritual, and health well-being of employees, resolving difficulties, obstacles, and requests from employees, and fully implementing all regulations and policies for employees, thereby helping employees feel secure in their work.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Assessment Related to Responsibility to the Local Community*

Bên cạnh các hoạt động chăm lo cho CNVCLĐ, Công đoàn Công ty đã phối hợp với chuyên môn làm tốt các hoạt động an sinh xã hội, tích cực tham gia các cuộc vận động quyên góp, ủng hộ các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo do các tổ chức đoàn thể tổ chức vận động; hỗ trợ kinh phí cho nhiều chương trình, hoạt động xã hội...qua đó góp phần xây dựng, phát triển cộng đồng địa phương.

Besides caring for employees, the Company's Trade Union has coordinated with the professional departments to effectively carry out social welfare activities, actively participating in fundraising campaigns and supporting activities of gratitude and for the poor organized by various organizations; providing financial support for many social programs and activities... thereby contributing to the building and development of the local community.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY/ *EVALUATION OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE COMPANY*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/ *Evaluation of the Board of Directors on the Company's Operational Aspects*

- Sản lượng điện sản xuất năm 2025 là 4.035,24 triệu KWh bằng 81,31% so với kế hoạch và bằng 88,09% so với cùng kỳ năm 2024.

- Electricity production in 2025 is 4,035.24 million kWh, equivalent to 81.31% of the plan and 88.09% compared to the same period in 2024.

- Về tài chính: Trong năm, Công ty luôn đảm bảo kịp thời nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đúng hạn quy định. Công tác tài chính của Công ty có những thời điểm khó khăn như: việc thu hồi tiền bán điện một số thời điểm bị chậm, không kịp thời đáp ứng giữa tiền điện thu về và các khoản phải trả nhà cung cấp, giá trị hàng tồn kho lớn gây ứ đọng vốn; chi phí nhiên liệu, thuế tài nguyên và chi phí dịch vụ mua ngoài đều tăng; nhu cầu về vốn để Công ty thực hiện các Dự án môi trường hai dây chuyền là rất lớn.

- *Regarding finances: During the year, the Company always ensured timely capital for production and business activities, and paid taxes and other amounts due to the state budget on time. The Company's financial situation faced difficulties at times, such as: delays in recovering electricity sales revenue at certain times, failing to meet the balance between revenue collected and payments to suppliers; large inventory causing capital stagnation; increased fuel costs, resource taxes, and outsourced service costs; and a significant need for capital to implement the two-line environmental projects.*

- Về trách nhiệm môi trường: Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước; các kế hoạch, chương trình môi trường được ban hành và triển khai đầy đủ, đồng bộ. Công ty duy trì vận hành ổn định các hệ thống xử lý nước thải và khí thải, đảm bảo các thông số môi trường cơ bản đáp ứng quy chuẩn hiện hành; công tác thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý chất thải được thực hiện đúng quy định, cùng với việc quan trắc, giám sát môi trường định kỳ.

- *Regarding environmental responsibility: The Company has strictly complied with the legal regulations on environmental protection and the directives of state management agencies; Environmental plans and programs have been fully and comprehensively implemented. The company maintains stable operation of wastewater and exhaust gas treatment systems, ensuring that basic environmental parameters meet current standards; waste collection, sorting, storage, and treatment are carried out in accordance with regulations, along with regular environmental monitoring and supervision.*

Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp kỹ thuật và từng bước thực hiện các dự án liên quan đến xử lý khí thải như nâng cấp, cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện, duy trì hiệu quả vận hành hệ thống FGD và chuẩn bị đầu tư các dự án nâng cấp đáp ứng quy chuẩn mới. Mặc dù vẫn còn một số khó khăn về cơ chế và hướng dẫn, các dự án đã và đang được triển khai theo lộ trình, góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát phát thải.

In addition, the company has proactively implemented technical solutions and is gradually carrying out projects related to exhaust gas treatment, such as upgrading and renovating the electrostatic precipitator system, maintaining the efficient operation of the FGD system, and preparing to invest in upgrade projects to meet new standards. Although some difficulties remain regarding mechanisms and guidelines, the projects have been and are being implemented according to schedule, contributing to improved emission control efficiency.

- Về trách nhiệm xã hội: Công ty đã tích cực, chủ động tham gia các hoạt động an sinh xã hội với tinh thần trách nhiệm cao, tổng giá trị đóng góp trong năm tương đương khoảng 2 tỷ đồng, qua đó thể hiện vai trò và cam kết của doanh nghiệp đối với cộng đồng và xã hội.

- *Regarding social responsibility: The company has actively and proactively participated in social welfare activities with a high sense of responsibility, contributing approximately 2 billion VND in total this year, thereby demonstrating the company's role and commitment to the community and society.*

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty/ *Evaluation of the Board of Directors on the Activities of the Company's Board of General Directors*

Năm 2025 là năm Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ bối cảnh bên ngoài. Thị trường điện tiếp tục biến động với nhu cầu huy động từ các nhà máy nhiệt điện ở mức thấp, phương thức vận hành nhiều thời điểm không trong dải kinh tế, làm giảm hiệu quả khai thác. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, tăng trưởng chậm, các xung đột địa chính trị kéo dài và chính sách thương mại, thuế quan thay đổi đã tác động đến chuỗi cung ứng, khiến giá vật tư, thiết bị biến động mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất và công tác sửa chữa, bảo dưỡng của Công ty. Đồng thời, các quy định pháp luật về môi trường ngày càng được siết chặt với yêu cầu cao hơn cũng tạo thêm áp lực trong quá trình vận hành và đầu tư.

In 2025, the company will face numerous difficulties and challenges from the external environment. The electricity market continues to be volatile, with low demand from thermal power plants and operating modes often outside the economic range, reducing operational efficiency. Furthermore, the complex global and regional economic situation, slow growth, prolonged geopolitical conflicts, and changing trade and tariff policies have impacted the supply chain, causing significant fluctuations in the prices of materials and equipment, directly affecting the company's production costs and maintenance and repair activities. Simultaneously, increasingly stringent environmental regulations and higher requirements also add pressure to the company's operations and investment.

Trong bối cảnh đó, cùng với các khó khăn nội tại như tình trạng suy giảm công suất của các tổ máy và yêu cầu đầu tư nâng cấp, chuyển đổi nhiên liệu theo định hướng Quy hoạch điện VIII, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành, bám sát diễn biến thị trường để tối ưu vận hành, đảm bảo hệ số khả dụng cao nhất, đảm bảo công suất phát tối đa khi hệ thống yêu cầu, kiểm soát chi phí và duy trì hoạt động sản xuất ổn định, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các dự án đầu tư trong thời gian tới, đẩy mạnh việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống người lao động.

In this context, along with internal difficulties such as the declining capacity of generating units and the need for investment in upgrading and switching fuels according to the Power Development Plan VIII, the Board of Directors has proactively and flexibly managed operations, closely monitoring market developments to optimize operations, ensure the highest availability factor, guarantee maximum power output when the

system requires it, control costs, and maintain stable production. They have also prepared the necessary conditions for future investment projects, promoted the implementation of digital transformation tasks, and applied science and technology to practical situations, bringing efficiency to production and business and ensuring the livelihoods of employees.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị/ *Plans and Orientations of the Board of Directors*

Hội đồng quản trị sẽ bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

The Board of Directors will closely follow the resolutions of the General Meeting of Shareholders and direct the Executive Board to implement the following key issues:

- Đảm bảo tiến độ và chất lượng công tác sửa chữa lớn, tập trung thực hiện các giải pháp duy tu, sửa chữa đảm bảo độ tin cậy, tiếp tục duy trì khai thác có hiệu quả các tổ máy. Đảm bảo khả dụng và đáp ứng cung ứng điện theo huy động của hệ thống.

- *Ensure the progress and quality of major overhauls, focusing on implementing maintenance and repair solutions to ensure reliability and continue to effectively operate the generating units. Ensure availability and meet electricity supply according to system dispatch.*

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

- *Improve production and business efficiency and labor productivity.*

- Phân đầu hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của cổ đông Công ty.

- *Strive for profitable production and business operations, ensuring the interests of the Company's shareholders.*

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; đẩy nhanh chuyển đổi số trong một số hoạt động sản xuất của Công ty.

- *Continue to promote the application of science and technology; accelerate digital transformation in several of the Company's production activities.*

- Mục tiêu phát triển bền vững đi kèm an sinh, xã hội, đảm bảo lợi nhuận tối đa cho cổ đông nhưng cũng phải đảm bảo quyền lợi của NLĐ và sự phát triển chung lâu dài của Công ty.

- *The goal of sustainable development goes hand in hand with social welfare, ensuring maximum profit for shareholders while also safeguarding the rights of employees and the long-term overall development of the Company.*

- Một số chỉ tiêu của KH SXKD năm 2026, cụ thể:

- *Some specific targets of the 2026 Production and Business Plan:*

a) Điện năng sản xuất/*Electricity Generation* : 4.865,00 triệu kWh.

Trong đó/*Including*: + Dây chuyền 1/*Line 1* : 1.259,48 triệu kWh

+ Dây chuyền 2/*Line 2* : 3.605,52 triệu kWh

b) Điện năng bán cho EVN/*Electricity solve to EVN* : 4.423,22 triệu kWh.

Trong đó/Including: + Dây chuyền 1/Line 1 : 1.120,56 triệu kWh

+ Dây chuyền 2/Line 2 : 3.302,66 triệu kWh

c) Suất tiêu hao nhiệt tịnh/Net heat zero

Trong đó/Including: + Dây chuyền 1/Line 1 : 14.649 kJ/kWh

+ Dây chuyền 2/Line 2 : 11.019 kJ/kWh

d) Tỷ lệ điện tự dùng (bao gồm cả tổn thất)/ Self-Consumption Rate (including losses):

+ Dây chuyền 1/Line 1 : 11,03 %

+ Dây chuyền 2/Line 2 : 8,40 %

e) Doanh thu/Revenue : 8.253,49 tỷ VND

f) Chi phí/Cost : 8.068,85 tỷ VND

g) Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax : 184,65 tỷ VND

h) Cổ tức/Dividend: dự kiến 4,5% vốn điều lệ/ Expected 4.5% of charter capital.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY/COPERATE GOVERNANCE

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị/ Board members and structures of the Board of Directors

Ông/Mr. Mai Quốc Long

Chủ tịch/Chairman

Ông/Mr. Nguyễn Quang Quyền

Thành viên/Board member

Ông/Mr. Lê Tuấn Hải

Thành viên/Board member

Ông/Mr. Nguyễn Xuân Diện

Thành viên/Board member

Ông/Mr. Nguyễn Hoàng Hải

Thành viên/Board member

Ông/Mr. Nguyễn Văn Thanh

Thành viên/Board member

Ông/Mr. Ngô Nguyên Đồng

Thành viên/Board member

- Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

- Structures of the Board of Directors

STT No.	Danh sách List	Cổ phần sở hữu/đại diện Shares Owned / Represented	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác Position held in other organisations
I	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành/Independent non-executive board members		
1	Ông/Mr. Nguyễn Văn Thanh		
2	Ông/Mr. Lê Tuấn Hải		Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE Technical Director of REE Mechanical and Electrical Engineering Joint Stock Company
II	Thành viên Hội đồng quản trị khác/Other board members		

<i>STT No.</i>	<i>Danh sách List</i>	<i>Cổ phần sở hữu/đại diện Shares Owned / Represented</i>	<i>Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác Position held in other organisations</i>
1	Ông/Mr. Mai Quốc Long	49.917.569	ĐD phần vốn của EVNGENCO2 và chiếm 30% phần vốn góp của EVNGENCO2 tại PPC <i>Representing EVNGENCO2's capital contribution and accounting for 30% of EVNGENCO2's contributed capital in PPC.</i>
2	Ông/Mr. Nguyễn Hoàng Hải	7000 CP cá nhân /49.917.569 7000 individual shares//49.917.569	ĐD phần vốn của EVNGENCO2 và chiếm 30% phần vốn góp của EVNGENCO2 tại PPC <i>Representing EVNGENCO2's capital contribution and accounting for 30% of EVNGENCO2's contributed capital in PPC.</i>
3	Ông/Mr. Nguyễn Xuân Diện	33.278.379	ĐD phần vốn của EVNGENCO2 và chiếm 20% phần vốn góp của EVNGENCO2 tại PPC <i>Representing EVNGENCO2's capital contribution and accounting for 20% of EVNGENCO2's contributed capital in PPC.</i>
4	Ông/Mr. Ngô Nguyên Đồng	33.278.379	ĐD phần vốn của EVNGENCO2 và chiếm 20% phần vốn góp của EVNGENCO2 tại PPC <i>Representing EVNGENCO2's capital contribution and accounting for 20% of EVNGENCO2's contributed capital in PPC.</i>
5	Ông/Mr. Nguyễn Quang Quyền		ĐD phần vốn của Công ty CP Năng lượng REE tại PPC <i>Representing the capital contribution of REE Energy Joint Stock Company in PPC.</i>

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

b) Subcommittees of the Board of Directors:

Công ty đã thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

The Company has established an internal audit department directly under the Board of Directors to perform the internal audit function.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị

c) Activities of the Board of Directors:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại Căn cứ Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/6/2025: Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định.

Based on the Enterprise Law, the Company's Charter, and the Operating Regulations of the Board of Directors of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, and based on the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders on June 25, 2025: The Board of Directors has properly performed its functions, duties, and powers regarding supervision, direction, and the issuance of Resolutions and Decisions.

Từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 06 năm 2025, căn cứ vào kết quả các cuộc họp và văn bản xin ý kiến Hội đồng Quản trị, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 276 Nghị quyết. Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã tổ chức 8 cuộc họp bao gồm trực tiếp và trực tuyến. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự quy định.

Since the Annual General Meeting of Shareholders on June 25, 2025, based on the results of meetings and written requests for opinions from the Board of Directors, on behalf of the Board of Directors, the Chairman of the Board of Directors has signed and issued 276 Resolutions. In 2025, the Company's Board of Directors held 8 meetings, both in person and online. All Board of Directors meetings were convened and organized in accordance with regulations, ensuring the participation of all Board members as stipulated, with high consensus on all voting matters, and with written consultations conducted in accordance with prescribed procedures.

Các phiên họp HĐQT đều mời Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham gia. Đối với các vấn đề quan trọng, HĐQT mời trưởng các đơn vị, phòng ban có liên quan trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT kịp thời, tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả SXKD cho Công ty.

Board of Directors meetings always invite the General Director and the Supervisory Board to participate. For important issues, the Board of Directors invites the heads of relevant units and departments within the Company to attend for consultation and additional information. The resolutions and decisions of the Board of Directors are timely, creating favorable conditions for the Executive Board to operate more effectively and bringing production and business efficiency to the Company.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025 được liệt kê tại phụ lục 1 đính kèm.

The resolutions/decisions of the Board of Directors for 2025 are listed in Appendix 1 attached.

Nội dung các Nghị quyết/Quyết định: phê duyệt các dự thảo Hồ sơ mời thầu; Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt các phụ lục hợp đồng, Dự thảo hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị Quyết đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao biểu quyết tán thành.

The content of the resolutions/decisions includes: approving draft tender documents; approving the results of contractor selection; approving contract appendices; and approving draft contracts related to the Company's production and business. All resolutions were subject to written consultation and received high consensus through voting.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Công ty, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

With a sense of responsibility towards shareholders, employees, and the company's development, it can be assessed that the Board of Directors has fulfilled its duties and responsibilities as stipulated by law in supervising the Executive Board and its supporting staff in the implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders, as well as resolutions and decisions of the Board of Directors.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và độc lập: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 02 thành viên HĐQT độc lập không điều hành là Ông Nguyễn Văn Thanh và Ông Lê Tuấn Hải là người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT này đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

d) Activities of non-executive and independent members of the Board of Directors: The current Board of Directors of the Joint Stock Company has two independent non-executive members, Mr. Nguyen Van Thanh and Mr. Le Tuan Hai, who have extensive experience in leading, managing, and operating joint stock companies, possessing in-depth knowledge and rich experience in the fields of investment, finance, and currency. These members of the Board of Directors have actively contributed to building the strategic vision, strategic decisions, and production and operational plans of the Company.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Ban Kiểm toán nội bộ tham gia hỗ trợ HĐQT trong việc kiểm tra, giám sát tính tuân thủ trong hoạt động của ban điều hành Công ty.

e) Activities of the Board of Directors' subcommittees: The Internal Audit Committee assists the Board of Directors in inspecting and monitoring compliance in the Company's executive activities.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khoá học về Quản trị Doanh Nghiệp.

f) List of Board members with corporate governance training certificates: All members of the Company's Board of Directors have participated in a Corporate Governance training course.

2. Ban Kiểm soát/ Supervisory Board

a) Cơ cấu và thành viên của Ban Kiểm soát: gồm 4 thành viên:

a) Structure and Members of the Supervisory Board: Consists of 4 members:

Số TT No	Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BSK <i>Start Date / No Longer a Member of the Supervisory Board</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Quách Vĩnh Bình	TV BKS <i>Member</i>	Ngày bắt đầu là thành viên BKS 23/4/2021 <i>Start Date as Supervisory Board Member: April 23, 2021</i>	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính - Tín dụng <i>Bachelor of Economics, major in Finance - Credit</i>
2	Lương Trường Luân	Trưởng BKS <i>Head</i>	Ngày không là thành viên BKS 25/6/2025; <i>End Date as Supervisory Board Member 25/06/2025</i>	Thạc sỹ quản lý kinh tế. <i>Master of Economics</i>
3	Cao Xuân Khương	TV BKS <i>Member</i>	Ngày bắt đầu là TV BKS ngày 10/06/2024 <i>Start Date as Supervisory Board Member 10/06/2024</i>	Kỹ sư kinh tế; Cử nhân tài chính kế toán <i>Engineer of Economics; Bachelor of Finance and Accounting.</i>

4	Trần Thị Thanh Huyền	Trưởng BKS <i>Head</i>	Ngày bắt đầu là TV BKS ngày 25/06/2025 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty <i>Start Date as Supervisory Board Member 25/06/2025, Date as Head of the Supervisory Board</i>	Cử nhân Tài chính - Ngân Hàng <i>Bachelor of Finance - Banking</i>
---	----------------------	---------------------------	--	--

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

b) Activities of the Supervisory Board:

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị.

- In 2025, the Supervisory Board held 3 meetings, supervising the Board of Directors and the Executive Board of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in accordance with the Company Charter and the Resolutions of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, as well as the resolutions and decisions of the Board of Directors.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Attended meetings of the Board of Directors.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác: tham gia xây dựng các quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Coordinated activities between the Supervisory Board and the Board of Directors, the Executive Board, and other management staff: participated in developing internal management regulations to serve the management and operation of the Company's production and business activities.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát *Transactions, Remuneration, and Benefits of the Board of Directors, Board of General Directors, and Supervisory Board.*

a) Lương, thưởng, thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2025:

a) Salaries, Bonuses, and Remuneration of the Board Members, General Director, and Supervisory Board of the Company in 2025:

	Năm 2025 Year 2025	Năm 2024 Year 2024
	VND	VND
Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị <i>Remuneration and Income of the Board of Directors</i>	1.686.086.300	1.090.948.000
Ông/Mr. Mai Quốc Long	720.190.000	578.627.700
Ông/Mr. Nguyễn Quang Quyền	118.212.000	96.000.000
Ông/Mr. Lê Tuấn Hải	118.212.000	96.000.000
Ông/Mr. Ngô Nguyên Đồng	551.250.200	266.720.300
Ông/Mr. Nguyễn Văn Thanh	118.212.000	53.600.000
Ông/Mr. Nguyễn Xuân Diện	60.010.100	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, (Quyền Kế toán trưởng) <i>Remuneration and Income of the Board of Management (General Directors), Chief Accountant, and Acting Chief Accountant</i>	2.734.478.060	1.314.171.100
Ông/Mr. Nguyễn Hoàng Hải	769.246.304	556.952.200
Thành viên khác Ban Tổng Giám đốc	1.649.129.904	493.338.800
<i>Other members of the Board of Management</i>		
Ông/Mr. Phạm Hồng Vân - Kế toán trưởng/Chief Accountant	118.757.700	-
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh – Quyền kế toán trưởng (đến ngày 23 tháng 8 năm 2025) / Acting Chief Accountant (until 23/8/2025)	197.344.152	263.880.100
Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát <i>Remuneration and Income of the Board of Supervisory</i>	1.022.239.077	907.625.100
Trưởng Ban Kiểm soát <i>Head of the Board of Supervisory</i>	417.895.400	502.394.700
Thành viên khác <i>Other members</i>	604.343.677	405.230.400

b) Giao dịch Cổ phiếu của người nội bộ:

b) Insider Share Transactions:

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Person Conducting Transaction</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship to Insider</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of Shares Held at Beginning of Period</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at End of Period</i>	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reason for Increase/Decrease (Buy, Sell, Conversion, Bonus...)</i>
------------	---	---	---	--	---

			Số cổ phiếu <i>Number of Shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of Shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Công ty TNHH Năng lượng REE <i>REE Energy Company Limited</i>	Nguyễn Quang Quyền – TV. HĐQT <i>Nguyễn Quang Quyền – Board member</i>	64.744.960	20,19%	64.494.960	20,11%	Bán (ngày báo cáo kết quả giao dịch: 13/01/2025) <i>(Transaction Result Reporting Date: 13/01/2025)</i> Tỷ lệ được xác định trên (Vốn điều lệ - Cổ phiếu quỹ) <i>The ratio is determined based on (Charter capital - Treasury shares)</i>

c) Contracts and Transactions with Insiders (Unit: Vietnamese Dong):

	Năm 2025 <i>Year 2025</i>	Năm 2024 <i>Year 2024</i>
Bán điện/<i>Power sales</i>		
Công ty Mua bán điện/ <i>Electricity Trading Company</i>	6.536.919.478.101	7.656.675.282.029
	6.536.919.478.101	7.656.675.282.029
Mua hàng/ <i>Purchasing</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam/ <i>Vietnam Electricity Group (EVN)</i>	62.304.635.264	57.035.535.522
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần/ <i>Dong Anh Electrical Equipment Corporation - Joint Stock Company</i>	5.155.574.112	-
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 4/ <i>Electric Construction Consulting Joint Stock Company 4</i>	1.815.256.842	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)/ <i>Electricity Telecommunications and Information Technology Company (EVNICT)</i>	969.707.291	
Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc/ <i>Thanh Hoa Power Company - Branch of Northern Power Corporation</i> <i>Northern Power Testing Company Limited</i>	861.400.000	
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc/ <i>Northern Power Testing Company Limited</i>	831.893.007	80.626.495
Công ty điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc/ <i>Hai Phong Power Company - Branch of Northern Power Corporation</i>	198.623.005	77.418.084
Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Power College</i>	82.455.556	
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần/ <i>Power Generation Corporation 2 - Joint Stock Company</i>	43.056.000	-

	Năm 2025 Year 2025	Năm 2024 Year 2024
	72.262.601.077	57.193.580.101
Cổ tức được chia/ <i>Dividends Income</i>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn/ <i>Buon Don Hydropower Joint Stock Company</i>	15.041.745.060	10.027.830.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>	14.717.458.200	128.777.759.250
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng/ <i>Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company</i>	12.985.000.000	130.109.700.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam/ <i>Vietnam Power Development Joint Stock Company</i>	2.262.331.400	38.459.633.800
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa/ <i>Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company</i>	221.100.000	1.870.640.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế/ <i>EVN International Joint Stock Company</i>	-	16.284.000.000
	45.227.634.660	325.529.563.050
Chia cổ tức/ <i>Dividends decalared</i>		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần/ <i>Power Generation Corporation 2 - Joint Stock Company</i>	33.278.379.200	33.279.635.005
Công ty TNHH Năng lượng REE/ <i>REE Energy Company Limited</i>	12.879.252.000	-
	46.157.631.200	33.279.635.005

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

d) Evaluation of Corporate Governance Compliance:

Công ty luôn nỗ lực tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến Quản trị Công ty và công bố thông tin, bao gồm Luật Doanh nghiệp, luật chứng khoán, điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

The Company consistently strives to comply with current legal regulations related to Corporate Governance and information disclosure, including the Enterprise Law, Securities Law, the Company's Charter, and other relevant legal provisions.

Đồng thời thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho cổ đông, cơ quan quản lý và các bên liên quan dựa trên cơ sở minh bạch, chính xác và kịp thời.

It also ensures the disclosure of information regarding business operations to shareholders, regulatory authorities, and related parties based on principles of transparency, accuracy, and timeliness.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/FINANCIAL REPORT

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinion

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

The accompanying financial statements present fairly and reasonably, in all material respects, the financial position of the Company as of December 31, 2025, as well as the results of operations and cash flows for the fiscal year ending on the same date, in accordance with Vietnamese accounting standards, corporate accounting regulations, and relevant legal provisions regarding the preparation and presentation of financial statements.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ Audited Financial Statement:

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại (file đính kèm) được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

The 2025 financial statements, audited by Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (attached file), were prepared in accordance with the current legal regulations on accounting and auditing.

Trân trọng, Sincerely./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR**

Nơi nhận: Recipients

- Như trên/As above;
- Genco2, HĐQT, BKS (thay B/c)/Genco2,
Board of director, Supervisory board
(in replacement of report);
- Phòng KTAT;
Safety and Technical department (disclosure on the website);
- Lưu: VT,TCKT.
/Filed: Office, Accounting and Finance Department.



Nguyễn Hoàng Hải

Phụ lục 1: Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025

TT	Ngày văn bản	Số ký hiệu	Trích yếu nội dung	Tỷ lệ tán thành
1	02/01/2025	01/NQ-HĐQT	NQ Về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ	7/7 tỷ lệ 100%
2	03/01/2025	02/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2026	7/7 tỷ lệ 100%
3	8/1/2025	03/NQ-HĐQT	NQ Về việc huỷ thông báo mời thầu của gói thầu: Đại tu Trạm bơm thải xỉ, trạm bơm thải tro xỉ - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
4	08/01/2025	04/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (từ ngày 28/12/2024 - đến ngày 28/01/2025)	7/7 tỷ lệ 100%
5	08/01/2025	05/NQ-HĐQT	NQ Về việc tạm thời áp dụng “Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn trong Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần” tại PPC	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
6	09/01/2025	07/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập Tổ thẩm định Bản vẽ thiết kế thi công Công trình: Trạm quan trắc khí thải Dây chuyền 2- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” Thuộc Dự án: “Trạm quan trắc khí thải Dây chuyền 2 (nâng cấp) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
7	09/01/2025	08/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập tổ thẩm định đấu thầu, thẩm định KHLCNT, HSMT, KQLCNT các gói thầu có giá gói thầu từ 5 tỷ đồng trở lên và Tổ thẩm tra dự toán	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không tán thành (Ông Điện) chiếm tỷ lệ 14,29%
8	09/01/2025	09/NQ-HĐQT	NQ Về việc tạm thời áp dụng “Quy chế quản trị trong Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần” tại PPC	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
9	14/01/2025	10/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại VNPD xin ý kiến: về việc tạm phê duyệt Kế hoạch năm 2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%

10	15/01/2025	11/NQ-HĐQT	NQ Về việc Người đại diện phần vốn của PPC tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) xin ý kiến để biểu quyết các nội dung	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
11	20/01/2025	12/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu Lò hơi 3A và Lò hơi 3B - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 (chuyển tiếp năm 2024) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
12	20/01/2025	13/NQ-HĐQT	NQ Về việc triển khai sớm hạng mục công việc trước khi phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2025 và gói thầu dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện	7/7 tỷ lệ 100%
13	20/01/2025	14/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 11 Hợp đồng mua bán than năm 2024 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
14	20/01/2025	15/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập Ban chỉ đạo lập dự án khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy; công tác sửa chữa lớn; công tác đảm bảo cung ứng điện mùa khô năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
15	20/01/2025	16/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua Quy chế quản lý và sử dụng dòng tiền áp dụng trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
16	22/01/2025	17/NQ-HĐQT	NQ NĐDPV của PPC tại QTP xin ý kiến: phê duyệt Dự toán các khoản mục chi phí và Kế hoạch LCNT đợt 5 các gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 của QTP	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
17	22/01/2025	18/NQ-HĐQT	NQ NĐDPV của PPC tại QTP xin ý kiến: phê duyệt Dự toán, Kế hoạch LCNT gói thầu Cung cấp động cơ máy nghiền than của QTP	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
18	22/01/2025	19/NQ-HĐQT	NQ Về việc ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
19	22/01/2025	20/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại QTP xin ý kiến: phê duyệt kết quả LCNT gói thầu số 32MSHH-SCTX-2024 Cung cấp dầu, mỡ bôi trơn các loại thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1 các gói thầu phục vụ SXKD năm 2024 của QTP	5/7 tán thành tỷ lệ 71,42%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
20	23/01/2025	21/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua ban hành Quy chế cử và quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại các doanh nghiệp khác	7/7 tỷ lệ 100%

21	3/2/2025	22/NQ-HĐQT	Về việc hiệu chỉnh bản vẽ thiết kế thi công Công trình: Trạm quan trắc khí thải Dây chuyền 2 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” Thuộc Dự án: “Trạm quan trắc khí thải Dây chuyền 2 (nâng cấp) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
22	03/02/2025	23/NQ-HĐQT	NQ Về việc cho phép Chuyển đổi chiều dài ống lò hơi, chuyển đổi xuất xứ thiết bị và thông qua dự thảo Phụ lục Hợp đồng số theo hợp đồng số 1050/2023/HĐ-PPC-NARIME ngày 07/3/2023	5/7 tán thành tỷ lệ 71,42%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
23	03/02/2025	24/NQ-HĐQT	NQ Về việc cho phép Chuyển đổi mác thép và thông qua dự thảo Phụ lục hợp đồng số 4899/2022/HĐ-PPC-NARIME ngày 27/10/2022	5/7 tán thành tỷ lệ 71,42%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
24	04/02/2025	25/NQ-HĐQT	NQ Về việc tạm thời áp dụng Quy chế về hoạt động mua sắm sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
25	04/02/2025	26/NQ-HĐQT	NQ Về việc tạm thời áp dụng Quy chế về Công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
26	05/02/2025	27/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán “SCTX-2025-05 Cung cấp các chủng loại hóa chất phục vụ sản xuất điện Quý 2, 3, 4 năm 2025 và Quý 1 năm 2026”	7/7 tỷ lệ 100%
27	05/02/2025	28/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu trúng chào giá đợt 3 gói thầu SXĐ-2024-14-Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện đợt I năm 2024 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
28	05/02/2025	29/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại QTP xin ý kiến: phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (LCNT) gói thầu số 33MSHH-SCTX-2024 - Cung cấp hóa chất và vật tư phục vụ thí nghiệm các loại thuộc Kế hoạch LCNT đợt 1 các gói thầu phục vụ SXKD năm 2024 của QTP	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
29	06/02/2025	30/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại VNPD xin ý kiến: Phương án thực hiện tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
30	06/02/2025	31/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 01 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Công ty Cổ	7/7 tỷ lệ 100%

			phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	
31	07/02/2025	32/NQ-HĐQT	NQ Về việc tạm thời áp dụng “Quy chế về công tác sản xuất kinh doanh điện trong Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần” tại PPC	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
32	07/02/2025	33/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua phê duyệt dự toán: Sửa chữa bộ sấy không khí cấp 1 và bộ sấy không khí cấp 2 lò hơi 2AB – Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
33	07/02/2025	34/NQ-HĐQT	Về việc thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (từ ngày 03/02/2025 – đến ngày 03/03/2025)	7/7 tỷ lệ 100%
34	11/02/2025	35/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự toán điều chỉnh công trình “Tủ PLC điều khiển thổi bụi lò 5 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2023”	7/7 tỷ lệ 100%
35	11/02/2025	36/NQ-HĐQT	NQ Về việc phương án khắc phục sự cố máy biến áp kích từ khối 6	7/7 tỷ lệ 100%
36	14/02/2025	37/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 01 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
37	14/02/2025	38/NQ-HĐQT	NQ Về việc tạm thời áp dụng “Quy chế về công cán bộ trong Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần” tại PPC	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
38	14/02/2025	39/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo phụ lục hợp đồng số 12 Hợp đồng mua bán than năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7/7 tỷ lệ 100%
39	20/02/2025	40/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua phê duyệt dự toán công trình “Xử lý khắc phục sự cố máy biến áp kích từ khối 6 - Nguồn vốn sản xuất kinh doanh”	7/7 tỷ lệ 100%
40	21/02/2025	41/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 03 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7/7 tỷ lệ 100%
41	21/02/2025	42/NQ-HĐQT	NQ Về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Thuê dịch vụ gác chắn, Tuân đường tuyến đường sắt chuyên dùng - Nguồn vốn sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
42	22/02/2025	43/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Xử lý khắc phục sự cố máy biến áp kích từ khối 6 - Nguồn vốn sản xuất kinh doanh”	7/7 tỷ lệ 100%

43	24/02/2025	44/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2024-17 Cung cấp các loại dầu, mỡ bôi trơn phục vụ sửa chữa thường xuyên quý 2,3,4 năm 2024 và quý 1 năm 2025 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
44	25/02/2025	45/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX - 2024 - 57 Cung cấp rơ le BU bảo vệ so lệch thanh cái, Aptomat phục vụ sửa chữa thường xuyên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
45	25/02/2025	46/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: SCTX-2025-22 Sửa chữa bộ sấy không khí cấp 1 và bộ sấy không khí cấp 2 lò hơi 2AB - Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
46	26/02/2025	47/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ năm 2024 đối với Trưởng phòng, Quản đốc và tương đương	7/7 tỷ lệ 100%
47	26/02/2025	48/NQ-HĐQT	NQ Về việc chương trình làm việc với HĐQT năm 2025	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không tán thành (Ông Đồng) chiếm tỷ lệ 14,29%
48	26/02/2025	49/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua phê duyệt dự toán "SCTX-2025-46 Sửa chữa, khắc phục hư hỏng các khối bộ sấy không khí cấp 1, cấp 2 lò hơi 4A và lò hơi 4B- Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại"	7/7 tỷ lệ 100%
49	28/02/2025	50/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 02 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7/7 tỷ lệ 100%
50	28/02/2025	51/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
51	28/02/2025	52/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Tư vấn đánh giá thực trạng thiết bị và xây dựng phương án sửa chữa bảo dưỡng phù hợp nhằm nâng cao độ tin cậy, hiệu quả vận hành, phục hồi công suất thiết kế, giảm suất hao nhiệt các tổ máy phát điện dây chuyền 2 về phương án giá điện - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
52	06/03/2025	53/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua phê duyệt dự toán: SCTX - 2025 - 55 Cung cấp bi máy nghiền phục vụ sản xuất điện đot 2 năm 2025 và đot 1 năm 2026	7/7 tỷ lệ 100%

53	07/03/2025	54/NQ-HĐQT	NQ Về việc chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
54	10/03/2025	55/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập lại Ban chỉ đạo lập dự án khôi phục công suất, hiệu quả các tổ máy; công tác sửa chữa lớn; công tác đảm bảo cung ứng điện mùa khô năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
55	10/03/2025	56/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua bổ sung phát sinh khối lượng và giá trị dự toán công trình “Sửa chữa khắc phục sự cố Tuabin- máy phát S6 dây chuyền 2 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
56	12/03/2025	57/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa thường xuyên thiết bị nhà máy năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
57	12/3/2025	58/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại BSA xin ý kiến: Triển khai các bước tiếp theo để bổ sung dự án Nhà máy điện mặt trời Buôn Đôn vào Quy hoạch phát triển điện VIII điều chỉnh	7/7 tỷ lệ 100%
58	12/3/2025	59/NQ-HĐQT	Về việc Kế hoạch triển khai cung ứng điện các tháng cao điểm mùa khô và các tháng còn lại năm 2025 của PPC	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không tán thành (Ông Điện) chiếm tỷ lệ 14,29%
59	14/03/2025	60/NQ-HĐQT	NQ Về việc xếp loại chất lượng cán bộ năm 2024 đối với Thành viên HĐQT chuyên trách, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	7/7 tỷ lệ 100%
60	14/03/2025	61/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự thảo báo cáo Đề xuất phát triển điện khí linh hoạt 1.200MW Công ty CP nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
61	17/03/2025	62/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (từ ngày 04/03/2025 - đến ngày 03/04/2025)	7/7 tỷ lệ 100%
62	17/03/2025	63/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu cầu trục bốc than số 2, số 4- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 (chuyển tiếp năm 2024) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
63	18/03/2025	64/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập Ban Tổ chức và các tiêu ban giúp việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
64	19/03/2025	65/NQ-HĐQT	NQ Về việc không tiếp tục triển khai gói thầu SCTX2024-07-Cung cấp các chủng loại hóa chất phục vụ sản xuất điện Quý 2, 3, 4 năm 2024 và Quý I năm 2025 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%

65	19/03/2025	66/NQ-HĐQT	NQ Về việc chủ trương đầu tư Dự án: Mở rộng ngăn lộ 220kV tại sân phân phối 220kV Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
66	20/03/2025	67/NQ-HĐQT	NQ Về việc chủ trương kiện toàn nhân sự chức danh Quản đốc phân xưởng Vận hành 2	7/7 tỷ lệ 100%
67	20/03/2025	68/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2025-27 Thuê đơn vị giám định độc lập chất lượng, khối lượng than năm 2025”	7/7 tỷ lệ 100%
68	25/03/2025	69/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 04 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7/7 tỷ lệ 100%
69	26/03/2025	70/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu hệ thống xử lý sơ bộ nhánh A, B và đại tu tự dùng hạ thế phụ - xử lý nước - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
70	27/03/2025	71/NQ-HĐQT	NQ Về việc triển khai thực hiện gói thầu SCTX-2024-74 Sửa chữa tầng sơ bộ của bộ sấy không khí cấp 1 và bộ sấy không khí cấp 2 lò hơi 4A/B Dây chuyền 1	7/7 tỷ lệ 100%
71	29/03/2025	72/NQ-HĐQT	NQ Về việc phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao, an toàn điện thực hiện năm 2024	7/7 tỷ lệ 100%
72	03/04/2025	73/NQ-HĐQT	NQ Về việc triển khai sớm hạng mục công việc trước khi phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2025 đồng thời phê duyệt KHLCNT gói thầu "SCTX-2025-56 Cung cấp máy biến áp kích từ cho máy phát 5 và máy phát 6 phục vụ sửa chữa thường xuyên"	7/7 tỷ lệ 100%
73	03/04/2025	74/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua ủy quyền cho Tổng Giám đốc phê duyệt điều chỉnh dự toán sau khi đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt	7/7 tỷ lệ 100%
74	03/04/2025	75/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán điều chỉnh công trình: Đại tu Cấp than lên lò tuyến B (Băng tải 4B và thiết bị phụ; Băng tải 3B và thiết bị phụ; Băng tải 2B và thiết bị phụ; Băng tải 6/3B và thiết bị phụ; Băng tải 1/2B và thiết bị phụ; Băng tải 6/1B và thiết bị phụ) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không tán thành (Ông NX Diện) chiếm tỷ lệ 14,29%
75	04/04/2025	76/NQ-HĐQT	NQ Về việc triển khai sớm các hạng mục công việc trước khi phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2025 (lần 2)	7/7 tỷ lệ 100%
76	08/04/2025	77/NQ-HĐQT	NQ Về việc Người đại diện phần vốn của PPC tại Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) xin ý kiến: Thông qua các nội dung biểu quyết tại cuộc họp HĐQT Công ty CP EVN Quốc tế ngày 24/02/2025	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%

77	09/04/2025	78/NQ-HĐQT	NQ Về việc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT số 4750/QĐ-PPC ngày 22/8/2024 gói thầu “SXĐ-2024-15-Cung cấp Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện đợt II năm 2024 và đợt I năm 2025 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” và Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT số 5491/QĐ-PPC ngày 25/9/2024 “các gói thầu phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2024 có giá trị dưới 01 tỷ đồng (SCTX-2024-128; SCTX-2024-144)”	7/7 tỷ lệ 100%
78	09/04/2025	79/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua bổ sung chức danh trong định biên lao động của phân xưởng Nhiên Liệu trong Công ty	7/7 tỷ lệ 100%
79	09/04/2025	80/NQ-HĐQT	NQ Về việc điều chỉnh các dự toán “điều chỉnh dự toán công trình Đại tu thiết bị điện sau máy phát số 1”; “Tủ PLC điều khiển thổi bụi lò 5 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2023”; “Đại tu Trạm điện 220kV (Phần các máy cắt, dao cách ly và các thiết bị nhất thứ); “Đại tu điều hòa không khí phòng điều khiển trung tâm”; “Đại tu các kho than (kho than kín số 1) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2025” tại các tờ trình số 935/TTr-PPC; 951/TTr-PPC; 1052/TTr-PPC; 1054/TTr-PPC; 1066/TTr-PPC	7/7 tỷ lệ 100%
80	09/04/2025	81/NQ-HĐQT	NQ Về việc Ban hành Quy chế về Công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
81	11/04/2025	82/NQ-HĐQT	NQ Về việc phê duyệt tăng định biên các chức danh Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư và Phó Quản đốc PX Nhiên liệu	7/7 tỷ lệ 100% đối với P.QĐ PX nhiên liệu chiếm tỷ lệ 100%; 6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không tán thành (Ông NX Điện) các phó còn lại chiếm tỷ lệ 14,29%
82	10/04/2025	83/NQ-HĐQT	Nghị quyết v/v Hợp Hội đồng quản trị quý 4 năm 2024, nhiệm vụ quý 1 năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
83	15/04/2025	84/NQ-HĐQT	NQ NĐDPV của PPC tại QTP xin ý kiến: Báo cáo các nội dung biểu quyết thông qua trong HĐQT QTP để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thực hiện biểu quyết	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%

84	15/04/2025	85/NQ-HĐQT	NQ NĐDPV của PPC tại QTP xin ý kiến: Báo cáo các nội dung biểu quyết thông qua trong HĐQT QTP để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thực hiện biểu quyết	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
85	15/04/2025	86/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán SXĐ-2024-14- Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện đợt I năm 2024 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (đợt 4)	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không tán thành (Ông NX Điện) chiếm tỷ lệ 14,29%
86	15/04/2025	87/NQ-HĐQT	NQ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu KHLCNT số 7 - Gói thầu Sửa chữa lớn năm 2025 có giá gói thầu dưới 05 tỷ đồng	7/7 tỷ lệ 100%
87	15/04/2025	88/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 05 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7/7 tỷ lệ 100%
88	15/04/2025	89/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (từ ngày 04/04/2025 đến ngày 04/05/2025)	7/7 tỷ lệ 100%
89	15/04/2025	90/NQ-HĐQT	NQ Về việc chủ trương thuê Tư vấn khảo sát, lập đề án, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền bổ sung quy hoạch/kế hoạch điện VIII điều chỉnh Nhà máy điện linh hoạt 1.200 MW - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
90	16/04/2025	91/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu hệ thống PLC nhiên liệu DC2 (Gồm 16 hệ thống PLC: Các trạm A, B, C, D và 09 máy) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2024”	7/7 tỷ lệ 100%
91	16/04/2025	92/NQ-HĐQT	Về việc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Đại tu các máy thổi bụi lò hơi số 6 - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
92	16/04/2025	93/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán dự toán “SCTX-2025-08 Cung cấp vật tư thiết bị điện dây chuyên 2 phục vụ sửa chữa thường xuyên quý 2,3,4 năm 2025 và quý 1 năm 2026 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
93	16/04/2025	94/NQ-HĐQT	Về việc NĐDPV của PPC tại BSA báo cáo và xin ý kiến biểu quyết tại HĐQT BSA và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của BSA	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
94	22/04/2025	95/NQ-HĐQT	NQ Về việc đề cử nhân sự tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	7/7 tỷ lệ 100%

95	22/04/2025	96/NQ-HĐQT	NQ Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
96	23/04/2025	97/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại VNPD báo cáo và xin ý kiến biểu quyết tại HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của VNPD	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
97	23/04/2025	98/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 02 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
98	23/04/2025	99/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại QTP báo cáo và xin ý kiến biểu quyết trong HĐQT và Đại hội đồng cổ đông năm thường niên 2025 của QTP	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
99	23/04/2025	100/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX - 2024 - 71 Cung cấp bi máy nghiền, tấm lót và các chi tiết bắt xiết thùng nghiền phục vụ sản xuất điện đợt 1 năm 2024 và Quý I năm 2025”	7/7 tỷ lệ 100%
100	23/04/2025	101/NQ-HĐQT	NQ Về việc Người đại diện phần vốn của PPC tại Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo và xin ý kiến biểu quyết trong HĐQT và ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của EVNI	7/7 tỷ lệ 100%
101	24/04/2025	102/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2025 có giá trị trên 1 tỷ đồng (SCTX-2025-02, SCTX-2025-07, SCTX-2025-54)	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không tán thành (Ông NN Đồng) chiếm tỷ lệ 14,29%
102	24/04/2025	103/NQ-HĐQT	NQ Về việc điều chỉnh dự toán công trình “Đại tu nước tuần hoàn khối 5 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2025”	7/7 tỷ lệ 100%
103	24/04/2025	104/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dừng vĩnh viễn và Xử lý chi phí chuẩn bị đầu tư dự án dừng vĩnh viễn	7/7 tỷ lệ 100%
104	29/04/2025	105/NQ-HĐQT	NQ Về việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung của quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 2491/QĐ-PPC ngày 17/5/2024 gói thầu “SXĐ-2024-14 Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện đợt I năm 2024 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” và ủy quyền cho Tổng Giám đốc	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông NX Điện; NV Thanh) chiếm tỷ lệ 28,57%
105	29/04/2025	106/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị trên 5 tỷ đồng (SCTX-2025-22)	7/7 tỷ lệ 100%

106	07/05/2025	107/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 có giá trị trên 1 tỷ đồng (SCTX-2025-37)	7/7 tỷ lệ 100%
107	07/05/2025	108/NQ-HĐQT	NQ Về việc phê duyệt phương án bố trí cán bộ (bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty)	7/7 tỷ lệ 100%
108	07/05/2025	109/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua phê duyệt lại dự toán "SCTX-2025-46 Sửa chữa, khắc phục hư hỏng các khối bộ sấy không khí cấp 1, cấp 2 lò hơi 4A và lò hơi 4B- Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại"	7/7 tỷ lệ 100%
109	07/05/2025	110/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại QTP báo cáo và xin ý kiến biểu quyết về nhân sự bầu TV HĐQT trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của QTP	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không có ý kiến (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
110	08/05/2025	111/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT “Đại tu thiết bị trong kho than (Đánh/phá đồng A và B)- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
111	09/05/2025	112/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu Đại tu các máy biến áp trung thế chung TD10, hạ thế chung, hạ áp nhà BCB, hạ áp nhóm 1,2,3 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
112	09/05/2025	113/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2025-05 Cung cấp các chủng loại hóa chất phục vụ sản xuất điện Quý 2, 3, 4 năm 2025 và Quý 1 năm 2026”	7/7 tỷ lệ 100%
113	12/05/2025	114/NQ-HĐQT	NQ Về việc bổ nhiệm Quản đốc phân xưởng Vận hành 2	7/7 tỷ lệ 100%
114	13/05/2025	115/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật “Thiết kế hệ thống giám sát áp quy và hệ thống giám sát chạm đất nguồn một chiều DC tại Dây chuyền 2”	7/7 tỷ lệ 100%
115	14/05/2025	116/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT “Đại tu cấp than lên lò tuyến B- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không tán thành (Ông NX Diện) chiếm tỷ lệ 14,29%
116	14/05/2025	117/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập Tổ thẩm định đấu thầu, HSMT, KQLCNT các gói thầu có giá gói thầu trên 5 tỷ đồng (SCTX-2025-22, SCTX-2025-46)	7/7 tỷ lệ 100%
117	15/05/2025	118/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán: SCTX-2025-85 Cung cấp vật tư phục vụ sản xuất điện và dự phòng cho Hệ thống EX2100e dây chuyền 2	7/7 tỷ lệ 100%

118	16/05/2025	119/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị trên 5 tỷ đồng (SCTX-2025-46)	7/7 tỷ lệ 100%
119	19/05/2025	120/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Mở rộng ngăn lộ 220kV tại sân phân phối 220kV Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
120	19/05/2025	121/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2024-80: Cung cấp các loại vật tư thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên dây chuyền 2”	7/7 tỷ lệ 100%
121	21/05/2025	122/NQ-HĐQT	NQ Về việc cho phép triển khai sớm hạng mục công việc trước khi phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2025, đồng thời phê duyệt KHLCNT gói thầu: SCTX-2025-59 Cung cấp, thay thế các ống áp lực mòn mỏng lò hơi số 6	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 không tán thành một phần (Ông NX Điện) chiếm tỷ lệ 14,29%
122	26/05/2025	123/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 03 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
123	27/05/2025	124/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán công trình: Đại tu Thiết bị điện sau máy phát số 5 (Máy cắt đầu cực 905) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2025	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông NX Điện; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
124	27/05/2025	125/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu SXĐ-2024-15-Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện đợt I năm 2025 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
125	29/05/2025	126/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo phụ lục hợp đồng số 13 Hợp đồng mua bán than năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7/7 tỷ lệ 100%
126	30/05/2025	127/NQ-HĐQT	NQ Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 – lần 2	7/7 tỷ lệ 100%
127	03/06/2025	128/NQ-HĐQT	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	
127.1			Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình đầu tư xây dựng năm 2024 của Công ty: (có báo cáo kèm theo)	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
127.2			Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch mức cổ tức năm 2025:	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%

127.3			Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2025 (có tờ trình và báo cáo kèm theo)	7/7 tỷ lệ 100%
127.4			Báo cáo tài chính năm 2024 (sau kiểm toán)	7/7 tỷ lệ 100%
127.5			Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2025 (có KH chi tiết kèm theo)	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
127.6			Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và dự kiến năm 2025 đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
127.7			Giao dịch nội bộ giữa Công ty với người có liên quan	7/7 tỷ lệ 100%
127.8			Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát; (có báo cáo kèm theo)	7/7 tỷ lệ 100%
127.9			Thông qua báo cáo của HĐQT; (có báo cáo kèm theo)	7/7 tỷ lệ 100%
127.10			Thông qua báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (có báo cáo kèm theo).	7/7 tỷ lệ 100%
127.11			Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (có phụ lục sửa đổi kèm theo)	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
127.12			Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên	7/7 tỷ lệ 100%
127.13			Nội dung khác: Để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty được thực hiện liên tục, đề nghị “ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch SXKD năm 2025 của PPC, đồng thời giao HĐQT Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD của năm 2026 và phải báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất”	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
127.14			Các quy chế, nội quy, quy định tại đại hội cổ đông năm 2025 (có dự thảo kèm theo)	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%

128	04/06/2025	129/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “SCTX-2025-22 Sửa chữa bộ sấy không khí cấp 1 và bộ sấy không khí cấp 2 lò hơi 2AB – Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị trên 5 tỷ đồng; thuộc dự án/dự toán mua sắm: Sản xuất kinh doanh	7/7 tỷ lệ 100%
129	04/06/2025	130/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ Sản xuất kinh doanh năm 2025 có giá trị dưới 5 tỉ đồng và triển khai sớm các hạng mục phục vụ Sản xuất kinh doanh năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
130	04/06/2025	131/NQ-HĐQT	NQ Về việc chủ trương thuê Tư vấn khảo sát, lập dự án khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy dây chuyền 2 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
131	04/06/2025	132/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu Sửa chữa lớn dây chuyền 2 năm 2025	4/7 tán thành tỷ lệ 57,14%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải); 1/7 không Tán thành một phần (Ông NX Diện)
132	05/06/2025	133/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua bổ sung nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
133	06/06/2025	134/NQ-HĐQT	NQ Về việc cho phép triển khai sớm hạng mục công việc trước khi phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2025, đồng thời phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động đợt I năm 2025 và gói thầu khám phát hiện Bệnh nghề nghiệp cho Người lao động năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
134	06/06/2025	135/NQ-HĐQT	NQ Về việc triển khai sớm hạng mục công việc trước khi phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2025, đồng thời phê duyệt KHLCNT gói thầu: SCTX-2025-73 Sửa chữa, bảo trì định kỳ, kiểm định, đảm bảo an toàn cho thiết bị và độ tin cậy của hệ thống quan trắc khí thải dây chuyền 1- Năm 2025"	7/7 tỷ lệ 100%
135	07/06/2025	136/NQ-HĐQT	NQ Về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu SCTX-2025-08 Cung cấp vật tư thiết bị điện dây chuyền 2 phục vụ sửa chữa thường xuyên quý 2,3,4 năm 2025 và quý 1 năm 2026 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
136	07/06/2025	137/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục bổ sung phát sinh Hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 19/9/2022, Phụ lục Hợp đồng số 5770/2023/PLHĐ-PPC-	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông

			GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 03/11/2023	Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
137	07/06/2025	138/NQ-HĐQT	NQ Về việc bổ sung điều khoản Hợp đồng số 1171/2023/HĐ-PPC-NPS&LONGBIEN ngày 14/3/2023 và cho phép ký dự thảo phụ lục hợp đồng	4/7 tán thành tỷ lệ 57,14%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%; 1/7 không Tán thành một phần (Ông NV Thanh) chiếm tỷ lệ 14,29%
138	09/06/2025	139/NQ-HĐQT	NQ Về việc cho phép Thay đổi ký mã hiệu, xuất xứ hàng hóa và thông qua dự thảo Phụ lục hợp đồng số 6047/2022/HĐ-PPC-LLM69-1 PL-NPS ngày 28/12/2022	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
139	09/06/2025	140/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua bổ sung phát sinh khối lượng và giá trị dự toán công trình “Đại tu tuabin hơi số 3- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 (chuyển tiếp năm 2024) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	4/7 tán thành tỷ lệ 57,14%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%; 1/7 không Tán thành một phần (Ông NXDien) chiếm tỷ lệ 14,29%
140	09/06/2025	141/NQ-HĐQT	NQ Về việc cho phép thay đổi hăng, xuất xứ, điều chỉnh giá các mục hàng hóa thay đổi hăng, xuất xứ và thông qua dự thảo Phụ lục Hợp đồng số 3268/2021/HĐ-PPC-NPS&TA ngày 23/6/2021 và số 7766/2020/HĐ-PPC-NPS ngày 23/12/2020	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
141	09/06/2025	142/NQ-HĐQT	NQ Về việc cho phép hiệu chỉnh tên hăng sản xuất, thay đổi thông số kỹ thuật, hăng sản xuất và thông qua dự thảo Phụ lục hợp đồng số 4978/2022/HĐ-PPC-LILAMA 69.1PL - NPS ngày 01/11/2022	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
142	16/06/2025	143/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu cấp than vào kho (Băng tải 5/2B và thiết bị phụ; băng tải 1/1 và thiết bị phụ; băng tải 5/1 và thiết bị phụ; máy cấp 1 lật toa; máy cấp 2 lật toa; băng tải 5/2A và thiết bị phụ)- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không tán thành (Ông Diện) chiếm tỷ lệ 14,29%
143	16/06/2025	144/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi	7/7 tỷ lệ 100%

			suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (từ ngày 06/06/2025 đến ngày 06/07/2025)	
144	16/06/2025	145/NQ-HĐQT	NQ Về việc giải trình Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 có giá trị dưới 5 tỉ đồng	7/7 tỷ lệ 100%
145	16/06/2025	146/NQ-HĐQT	NQ Về việc ban hành Quy chế Quản trị trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
146	16/06/2025	147/NQ-HĐQT	NQ Về việc ban hành Quy chế về công tác cán bộ trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	4/7 tán thành tỷ lệ 57,14%; 2/7 Không tán thành (Ông Quyền; LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%; 1/7 không Tán thành một phần (Ông NN Đồng) chiếm tỷ lệ 14,29%
147	16/06/2025	148/NQ-HĐQT	NQ Về việc ban hành Quy chế về Công tác SXKD điện trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%;
148	18/06/2025	149/NQ-HĐQT	Nghị quyết v/v Hợp Hội đồng quản trị quý 1 năm 2025, nhiệm vụ quý 2 năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
149	20/06/2025	150/NQ-HĐQT	NQ Về việc chủ trương kiện toàn chức danh Kế toán trưởng Công ty	7/7 tỷ lệ 100%
150	21/06/2025	151/NQ-HĐQT	NQ Về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Khôi phục công suất hiệu suất các Tổ máy Dây chuyền 2 - Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
151	23/06/2025	152/NQ-HĐQT	NQ Về việc Người đại diện phần vốn của PPC tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) xin ý kiến để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tại HND	6/7 tán thành tỷ lệ 85,71%; 1/7 Không tán thành (Ông Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
152	24/06/2025	153/NQ-HĐQT	NQ Về việc bổ nhiệm Phó Quản đốc phân xưởng Nhiên liệu	7/7 tỷ lệ 100%
153	24/06/2025	154/NQ-HĐQT	NQ Về việc bổ nhiệm Phó Quản đốc phân xưởng Vận hành 2	7/7 tỷ lệ 100%
154	25/06/2025	155/NQ-HĐQT	NQ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI	

154.1			Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán tại tờ trình số 2771/TTr-PPC ngày 04/6/2025.	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,99 %; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 0 %; Không có ý kiến là 0 %;
154.2			Thông qua tờ trình về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2024, kế hoạch SXKD và đầu tư xây dựng năm 2025; tại tờ trình số 2776/TTr-PPC ngày 04/06/2025 và Báo cáo số 2699/BC-PPC ngày 02/06/2025.	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 68,4 % /tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 31,56 %; Không có ý kiến là 0 %.
154.3			Thông qua báo cáo sử dụng vốn đầu tư phát triển năm 2024 và kế hoạch vốn ĐTPT năm 2025 tại Báo cáo số 2788/BC-PPC ngày 04/06/2025.	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,84 %; /tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 0,13 %; Không có ý kiến là 0,02 %.
154.4			Thông qua Tờ trình xử lý chi phí chuẩn bị đầu tư dự án dừng vĩnh viễn, phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến mức cổ tức năm 2025 tại Tờ trình 2773/TTr-PPC ngày 04/6/2025	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 68,28 %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 31,69 %; Không có ý kiến là 0 %.
154.5			Thông qua mức lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2024; Dự kiến mức lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2025 tại Tờ trình số 2767/TTr-PPC ngày 04/6/2025	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,84 %/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 0,12%; Không có ý kiến là 0,02%.
154.6			Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 tại Tờ trình số 12/TTr-PPC ngày 30/5/2025	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,78%/tổng số cổ

				phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 0,21%; Không có ý kiến là 0%.
154.7			Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Ban kiểm soát tại Báo cáo số 13/BC-BKS ngày 1/6/2025	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,99 %/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 0 %; Không có ý kiến là 0 %.
154.8			Thông qua báo cáo của TV độc lập HĐQT.	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,99%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 0 %; Không có ý kiến là 0 %
154.9			Thông qua báo cáo của HĐQT kết quả hoạt động năm 2024; chương trình mục tiêu năm 2025 và các năm tiếp theo tại Báo cáo số 2749/BC-PPC ngày 03/06/2025.	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,89%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là 0,1 %; Không có ý kiến là 0 %
154.10			Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;	Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) rà soát hoàn thiện và phát hành theo quy định khi 100% Thành viên HĐQT thông qua.
154.11			Thông qua chủ trương nghiên cứu đầu tư dự án Nhà máy điện linh hoạt 1.200 MW tại Tờ trình số 2818/TTr-PPC ngày 05/06/2025.	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,74 %/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán

				thành là 0,23 %; Không có ý kiến là 0,02%.
154.12 .1			Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Lương Trường Luân.	Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100 %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội
154.12 .2			Thông qua bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát đối với bà Trần Thị Thanh Huyền.	Tỷ lệ phiếu tán thành là 99,76% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
155	26/06/2025	156/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu SCTX-2025-05 Cung cấp các chủng loại hóa chất phục vụ sản xuất điện Quý 2, 3, 4 năm 2025 và Quý 1 năm 2026	7/7 tỷ lệ 100%
156	26/06/2025	157/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “SCTX-2025-46 Sửa chữa, khắc phục hư hỏng các khối bộ sấy không khí cấp 1, cấp 2 lò hơi 4A và lò hơi 4B- Dây chuyền 1” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị trên 5 tỷ đồng; thuộc dự án/dự toán mua sắm: Sản xuất kinh doanh	7/7 tỷ lệ 100%
157	26/06/2025	158/NQ-HĐQT	NQ Về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	5/7 tán thành tỷ lệ 71,43%; 2/7 Không có ý kiến (Ông Quyền; Ô LT Hải) chiếm tỷ lệ 28,57%
158	30/06/2025	160/NQ-HĐQT	NQ Về việc chủ trương đầu tư dự án khôi phục công suất và hiệu suất các tổ máy dây chuyền 2 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 tỷ lệ 100%
159	30/06/2025	162/NQ-HĐQT	NQ Về việc phê duyệt tăng định biên Phó Tổng giám đốc Công ty	7/7 tỷ lệ 100%
160	30/06/2025	163/NQ-HĐQT	NQ Về việc ban hành Quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	Ban hành quy chế 7/7 tỷ lệ 100%; Giao TGD phụ trách ban QLDA 6/7 tán thành tỷ lệ 85,73%; 1/7 Không tán thành (Ông Điện) chiếm tỷ lệ 14,29%
161	30/06/2025	164/NQ-HĐQT	NQ Về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty	7/7 tỷ lệ 100%
162	30/06/2025	165/NQ-HĐQT	NQ Về việc thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình “Lắp mới kháng	6/7 tán thành tỷ lệ 85,73%; 1/7 Không tán thành (Ông

			hạn chế dòng điện ngắn mạch sân phân phối 220kV Nhiệt điện Phả Lại”)	Quyền) chiếm tỷ lệ 14,29%
163	30/06/2025	166/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025	7/7 tỷ lệ 100%
164	30/06/2025	167/NQ-HĐQT	NQ Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 tỷ lệ 100%
165	12/05/2025	2362/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (từ ngày 05/05/2025 đến ngày 05/06/2025)	7/7 tỷ lệ 100%
166	03/07/2025	168/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “SXĐ-2024-15-Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện đợt I năm 2025 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
167	03/07/2025	170/NQ-HĐQT	NQ Về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
168	04/07/2025	171/NQ-HĐQT	NQ Về việc bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
169	04/07/2025	172/NQ-HĐQT	NQ Về việc bổ nhiệm Phó Quản đốc phân xưởng Hóa	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
170	04/07/2025	173/NQ-HĐQT	NQ Về việc bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Kỹ thuật	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
171	07/07/2025	174/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 04 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
172	11/07/2025	175/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự thảo Phụ lục bổ sung phát sinh Hợp đồng số 12/2025/HĐ-PPC-NPS&ROTES ngày 03/01/2025	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%

173	11/07/2025	176/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2025-22 Sửa chữa bộ sấy không khí cấp 1 và bộ sấy không khí cấp 2 lò hơi 2AB - Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
174	11/07/2025	177/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo phụ Phụ lục số 06 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
175	12/07/2025	178/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (từ ngày 07/07/2025 đến ngày 07/08/2025)	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
176	13/07/2025	179/NQ-HĐQT	NQ Về việc hiệu chỉnh Phụ lục Hợp đồng số 34/2025/PLHĐ-PPC-NARIME ngày 10/02/2025	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
177	13/07/2025	180/NQ-HĐQT	NQ Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
178	14/07/2025	181/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị trên 1 tỷ đồng	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Ngô Nguyên Đồng không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
179	15/07/2025	182/NQ-HĐQT	NQ Về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Đại tu cầu trục - Pa lăng khu vực Lò 5, Lò 6 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 2/7 Ông Nguyễn Xuân Diện và Ông Ngô Nguyên Đồng Không tán thành chiếm tỷ lệ 28,57%,
180	15/07/2025	183/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu các máy thổi bụi lò hơi số 6 - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
181	15/07/2025	184/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo Hồ sơ mời thầu qua mạng gói thầu: Sửa chữa thường xuyên thiết bị nhà máy năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
182	16/07/2025	185/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu khí nén đo lường và phục vụ - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện

				không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
183	17/07/2025	186/NQ- HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu thiết bị trong kho than (Đánh/phá đồng A và B)- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
184	21/07/2025	187/NQ- HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu SCTX-2025-08 Cung cấp vật tư thiết bị điện dây chuyên 2 phục vụ sửa chữa thường xuyên quý 2,3,4 năm 2025 và quý 1 năm 2026 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
185	22/07/2025	188/NQ- HĐQT	Về việc dự thảo phụ lục hợp đồng số 05 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
186	22/07/2025	189/NQ- HĐQT	NQ Về việc dự thảo Phụ lục hợp đồng số 07 Hợp đồng mua bán than năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
187	22/07/2025	190/NQ- HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán công trình: Đại tu Lò hơi 1B (Hiệu chỉnh lần 3) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại Năm 2025	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Lê Tuấn Hải không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
188	22/07/2025	192/NQ- HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu các máy biến áp trung thế chung TD10, hạ thế chung, hạ áp nhà ĐCB, hạ áp nhóm 1,2,3 -Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
189	22/07/2025	193/NQ- HĐQT	NQ Về việc ban hành Quy chế sửa chữa lớn tài sản cố định trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Lê Tuấn Hải không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
190	23/07/2025	194/NQ- HĐQT	NQ Về việc ban hành Quy chế về hoạt động mua sắm sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%

191	24/07/2025	195/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán công trình: Đại tu Lò hơi 1A (Hiệu chỉnh lần 3) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại Năm 2025	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
192	25/07/2025	196/NQ-HĐQT	NQ Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu cầu cảng (Sửa chữa, thay thế các tấm đệm, móc neo, phao neo sà lan cảng Dây chuyền 2)”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
193	26/07/2025	197/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu Trạm sản xuất hydro - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
194	28/07/2025	198/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT “Đại tu Lò hơi số 5, tuabin hơi số 5, nước làm mát thứ cấp tuabin 5, nước tuần hoàn khối 5, nước tuần hoàn-phần chung, hệ thống xử lý Clo, Trung tu Bộ sấy không khí kiểu quay nhánh A/B lò 6 (phần đo lường-điều khiển) -Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
195	28/07/2025	199/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu Hệ thống quản lý dữ liệu PI và Đại tu Phòng điều khiển FCS khối 5 và phần chung - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
196	28/07/2025	200/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu Đại tu thiết bị sau máy phát 5 và các tự dùng khối 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
197	28/07/2025	201/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu Lò hơi số 5 (Phần hệ thống thổi bụi) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
198	28/07/2025	202/NQ-HĐQT	NQ Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Cải tạo, nâng cấp hệ thống SOx	4/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 57,14%; 2/7 Ông

			NOx Dây chuyền 2”- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Nguyễn Xuân Diện và Ông Nguyễn Quang Quyền không tán thành chiếm tỷ lệ 28,57%; 1/7 Ông Lê Tuấn Hải không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
199	28/07/2025	203/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán “Đại tu Máy phát điện số 5” Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2025	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Lê Tấn Hải không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
200	28/07/2025	204/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua dự toán công trình “Đại tu tuabin hơi số 5- Phần bản thể Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2025”	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 2/7 Ông Nguyễn Quang Quyền và Ông Lê Tấn Hải Không có ý kiến chiếm tỷ lệ 28,57%
201	28/07/2025	205/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại QTP báo cáo và xin ý kiến về phê duyệt phương án sắp xếp, tinh gọn cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và phê duyệt định biên lao động Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
202	28/07/2025	206/NQ-HĐQT	NQ Về việc Người đại diện phần vốn của PPC tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) xin ý kiến để biểu quyết tại HND	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 2/7 Ông Nguyễn Quang Quyền và Ông Lê Tấn Hải Không có ý kiến chiếm tỷ lệ 28,57%,
203	28/07/2025	207/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu sửa chữa lớn năm 2023 chuyển tiếp năm 2025 và sửa chữa lớn năm 2025	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
204	29/07/2025	208/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua con dấu của Công ty	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%

205	30/07/2025	209/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu Lò hơi số 5 (Các trường lọc bụi) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
206	30/07/2025	210/NQ-HĐQT	NQ Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu Thiết bị điện sau máy phát số 5 (Máy cắt đầu cực 905) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2025” trong tờ trình số 2859/TTr-PPC ngày 09/6/2025	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Hoàng Hải không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
207	03/08/2025	211/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo -HSMT gói thầu “Đại tu lò hơi số 5 (Đại tu máy nghiền than và các máy cấp than nguyên lò hơi số 5) và Trung tu lò hơi số 6 (Phần máy nghiền than) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
208	05/08/2025	212/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu lò hơi số 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Lê Tấn Hải không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
209	05/08/2025	213/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: Đại tu Trạm điện 220KV (Phần các máy cắt, dao cách ly và thiết bị nhất thứ) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
210	05/08/2025	214/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT “Đại tu tuabin hơi số 5- phần thiết bị phụ, phần bơm nước cấp, nước làm mát thứ cấp, nước tuần hoàn khối 5, nước tuần hoàn phần chung (Bơm nước tuần hoàn chung và các thiết bị liên quan) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
211	05/08/2025	215/NQ-HĐQT	NQ Về việc dự thảo E-HSMT gói thầu “Đại tu lò hơi số 5 (Phần bộ sấy không khí kiểu quay nhánh A và B) và Trung tu lò hơi số 6 (Phần bộ sấy không khí kiểu quay nhánh A và B) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
212	05/08/2025	216/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua xếp lại lương đối với Người quản lý Công ty	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
213	05/08/2025	217/NQ-HĐQT	NQ Về việc Ban hành Chương trình tổng thể Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%

214	13/08/2025	218/NQ-HĐQT	NQ Về việc kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
215	13/08/2025	219/NQ-HĐQT	NQ Về việc điều chỉnh tên dự án tại Quyết định số 3410/QĐ-PPC ngày 30/06/2025 về việc phê duyệt chủ trương nghiên cứu đầu tư dự án Nhà máy điện linh hoạt Hải Dương	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
216	13/08/2025	220/NQ-HĐQT	NQ Về việc giao nhiệm vụ Thư ký công ty kiêm nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Ngô Nguyên Đồng không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
217	13/08/2025	221/NQ-HĐQT	NQ Về việc thông qua giao kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
218	13/08/2025	222/NQ-HĐQT	NQ Về việc NĐDPV của PPC tại EVNI báo cáo xin ý kiến nội dung: phê duyệt bổ nhiệm Tổng Giám đốc của công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI)	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
219	23/08/2025	223/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
220	28/08/2025	224/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc thông qua phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
221	30/08/2025	225/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc NĐDPV của PPC tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) báo cáo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 của QTP	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
222	30/08/2025	226/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc NĐDPV của PPC tại Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn (BSA) báo cáo và xin ý về nội dung vay ngân hàng bổ sung bù đắp vốn của BSA	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang

				Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
223	30/08/2025	227/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
224	31/08/2025	228/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2025-28 Cung cấp Bánh động cho bơm tuần hoàn tháp hấp thụ 1FGD-P1A- dây chuyền 2 năm 2025 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
225	03/09/2025	229/NQ-HĐQT	Nghị quyết v/v Họp Hội đồng quản trị quý 2 năm 2025, nhiệm vụ quý 3 năm 2025	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
226	05/09/2025	230/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu Thiết bị điện sau máy phát số 5 (Máy cắt đầu cực 905) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2025” trong tờ trình số 2859/TTr-PPC ngày 09/6/2025	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 2/7 ông Nguyễn Xuân Diện và Lê Tấn Hải không tán thành chiếm tỷ lệ 28,58%
227	05/09/2025	231/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Đại tu hệ thống xử lý nước sơ bộ nhánh A, B và Đại tu tự dùng hạ thế phụ - Xử lý nước - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
228	05/09/2025	232/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lái suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (kể từ ngày 08/08/2025 đến ngày 08/09/2025)	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
229	05/09/2025	233/NQ-HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc thông qua các nhận xét, đánh giá và đề xuất kiến nghị của NĐDPV của PPC tại BSA tại văn bản số 807.	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến. chiếm tỷ lệ 14,29%
230	16/09/2025	234/NQ-HĐQT	Về việc không phản đối với đề xuất tại văn bản số 16/ĐT ngày 07/9/2025 của NĐDPV của PPC tại HND về báo cáo các nội dung thông qua ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của HND.	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Nguyễn Văn Thanh

				không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
231	21/09/2025	235/NQ- HĐQT	NGHỊ QUYẾT Về việc thông qua danh sách ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn tại PPC áp dụng cho chu kỳ tháng kể từ ngày 09/09/2025 đến ngày 09/10/2025	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
232	26/09/2025	236/NQ- HĐQT	Thông qua nội dung báo cáo số 4629/BC-PPC ngày 26/8/2025 và báo cáo số 4943/BC-PPC ngày 12/9/2025 của Tổng Giám đốc Công ty	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 2/7 ông Nguyễn Quang Quyền và Lê Tấn Hải không có ý kiến chiếm tỷ lệ 28,58%
233	27/09/2025	237/NQ- HĐQT	Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và xóa bỏ một số khoản/mục của Quy định chi tiêu nội bộ trong Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
234	27/09/2025	238/NQ- HĐQT	Về việc thông qua nội dung đề xuất NĐDPV của PPC tại EVNI báo cáo nội dung: Báo cáo dừng thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài của EVNI	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
235	27/09/2025	239/NQ- HĐQT	Thông qua Quy định Bảo vệ môi trường trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
236	27/09/2025	240/NQ- HĐQT	Thống nhất với ý kiến của NĐDPV của PPC tại BSA trong văn bản số 926/HCLĐ ngày 16/9/2025 báo cáo Về việc phương án chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024 cho cổ đông CTCP Thủy điện Buôn Đôn.	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến. chiếm tỷ lệ 14,29%
237	27/09/2025	241/NQ- HĐQT	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng hồ sơ an toàn thông tin cấp độ 4 cho hệ thống điều khiển nhà máy Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
238	01/10/2025	242/NQ- HĐQT	Về việc không phản đối các nhận xét, đánh giá và đề xuất kiến nghị của NĐDPV của PPC tại EVNI tại văn bản số 221/TCKT ngày 04/8/2025 về nội dung: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 của EVNI.	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ

				14,29%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
239	13/10/2025	243/NQ-HĐQT	Về việc Thông qua dự thảo, giao Tổng Giám đốc tổ chức ký MOU với đối tác BGRIMM để hợp tác, tìm kiếm cơ hội triển khai thực hiện Dự án Nhà máy điện linh hoạt Hải Dương	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 2/7 Ông Nguyễn Quang Quyền và Lê Tấn Hải Không có ý kiến chiếm tỷ lệ 28,57%
240	13/10/2025	244/NQ-HĐQT	V/v Thông qua thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
241	13/10/2025	245/NQ-HĐQT	Về việc ban hành Quy chế về công tác kiểm toán, giám sát trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
242	13/10/2025	246/NQ-HĐQT	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Xây dựng phòng thí nghiệm Hóa đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
243	13/10/2025	247/NQ-HĐQT	Về việc thông qua Quy định về công tác thanh tra, kiểm tra trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
244	15/10/2025	249/NQ-HĐQT	Về việc triển khai thực hiện kết luận của chủ tịch HĐQT EVNGENCO2 tại Thông báo số 3602/TB-EVNGENCO2	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Lê Tấn Hải không ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
245	16/10/2025	250/NQ-HĐQT	Về việc kiện toàn Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB)	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
246	17/10/2025	251/NQ-HĐQT	Về việc phê duyệt trả cổ tức còn lại năm 2024 bằng tiền	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
247	17/10/2025	252/NQ-HĐQT	Về việc thông qua việc chi Quỹ thưởng Người quản lý để thưởng cho Người quản lý công ty, Kiểm soát viên từ nguồn thưởng năm 2024	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
248	22/10/2025	253/NQ-HĐQT	Về việc thông qua danh sách ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn tại PPC	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%

			áp dụng cho chu kỳ tháng kể từ 10/10/2025 đến ngày 10/11/2025	
249	22/10/2025	254/NQ-HĐQT	Phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư Dự án hoàn thành Dự án: “Trạm quan trắc khí thải Dây chuyền 2 (Nâng cấp) – Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
250	27/10/2025	255/NQ-HĐQT	Về việc thành lập Tổ thẩm định phê duyệt điều chỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: “Chuyển đổi sử dụng nhiên liệu phụ trợ từ dầu FO sang dầu DO Dây chuyền 1, Dây chuyền 2 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
251	07/11/2025	257/NQ-HĐQT	Về việc tăng định mức tồn kho than Quý IV năm 2025 trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
252	07/11/2025	258/NQ-HĐQT	Về việc thông qua Quy định về công tác văn phòng trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
253	13/11/2025	259/NQ-HĐQT	V/v phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại phụ trách các lĩnh vực công việc của HĐQT Công ty	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
254	19/11/2025	260/NQ-HĐQT	Về việc phê duyệt Chương trình tổng thể về thực hành Tiết kiệm chống lãng phí năm 2025 của Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
255	20/11/2025	261/NQ-HĐQT	V/v thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (kể từ ngày 11/11/2025 đến ngày 11/12/2025)	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
256	22/11/2025	262/NQ-HĐQT	Về việc không phản đối ý kiến của Người đại diện phần vốn của PPC tại BSA nêu trong Văn bản số 1090/HCLĐ ngày 03/11/2025 về việc báo cáo Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của BSA	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
257	28/11/2025	263/NQ-HĐQT	V/v bổ sung hạng mục công trình “Thiết kế hệ thống giám sát ác quy và hệ thống giám sát chạm đất nguồn một chiều DC tại Dây chuyền 2” vào Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
258	28/11/2025	264/NQ-HĐQT	V/v ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (sửa đổi, bổ sung)	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%

259	28/11/2025	265/NQ-HĐQT	V/v thông qua Quy định Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong Công ty	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
260	01/12/2025	266/NQ-HĐQT	V/v thông qua ý kiến NĐDPV của PPC tại EVNI báo cáo: 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của 02 dự án 2. Miễn nhiệm chức danh thành viên BKS của EVNI	1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của 02 dự án 6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29% 2. Miễn nhiệm chức danh thành viên BKS của EVNI 7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
261	08/12/2025	267/NQ-HĐQT	V/v thành lập lại Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc công tác lập và triển khai thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
262	11/12/2025	268/NQ-HĐQT	V/v phê duyệt nâng bậc lương đối với Phó Tổng Giám đốc Công ty	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
263	11/12/2025	269/NQ-HĐQT	V/v phê duyệt chủ trương lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường điện đối với Nhà máy điện Phả Lại 1 – Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 2/7 Ông Nguyễn Quang Quyền và Lê Tân Hải Không tán thành chiếm tỷ lệ 28,57%
264	11/12/2025	270/NQ-HĐQT	V/v thông qua Quy định quản lý tài sản, nguồn vốn và huy động vốn trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
265	12/12/2025	271/NQ-HĐQT	V/v Phê duyệt ban hành Quy chế sửa chữa lớn tài sản cố định trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
266	12/12/2025	272/NQ-HĐQT	V/v chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PPC tại QTP biểu quyết phê duyệt quyết toán hoàn thành Dự án NMNĐ Quảng Ninh 2	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
267	15/12/2025	273/NQ-HĐQT	V/v thông qua Quy định Thi đua khen thưởng trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
268	18/12/2025	275/NQ-HĐQT	V/v thông qua Quy trình xây dựng định mức - đơn giá trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
269	19/12/2025	276/NQ-HĐQT	V/v thông qua tăng định mức tồn kho than tháng 12 năm 2025	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%

270	19/12/2025	277/NQ-HĐQT	V/v thông qua danh sách Ngân hàng có đủ năng lực và kinh nghiệm để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn (kể từ ngày 12/12/2025 đến ngày 12/01/2026)	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
271	19/12/2025	278/NQ-HĐQT	Về việc phê duyệt mô hình tổ chức và phương án bố trí nhân sự Trung tâm dịch vụ sửa chữa	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
272	19/12/2025	279/NQ-HĐQT	V/v chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PPC tại EVNI biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của EVNI	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%
273	23/12/2025	280/NQ-HĐQT	V/v phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ diện Công ty quản lý giai đoạn 2021-2026 và 2026-2031	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Xuân Diện không tán thành chiếm tỷ lệ 14,29%
274	24/12/2025	281/NQ-HĐQT	V/v thông qua ý kiến của Người đại diện phần vốn của PPC tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) về việc biểu quyết phê duyệt tạm thời phương án kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của QTP	6/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 85,71%; 1/7 Ông Nguyễn Quang Quyền không có ý kiến chiếm tỷ lệ 14,29%
275	26/12/2025	282/NQ-HĐQT	V/v phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương sản xuất kinh doanh điện năm 2025 của Người lao động và Ban điều hành	5/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 71,43%; 2/7 Ông Nguyễn Quang Quyền và Lê Tấn Hải Không tán thành chiếm tỷ lệ 28,57%
276	28/12/2025	283/NQ-HĐQT	V/v thông qua bổ sung thêm 01 tổ chức tín dụng có năng lực và kinh nghiệm tốt, để tham gia chào lãi suất cạnh tranh nhận tiền gửi có kỳ hạn, áp dụng cho chu kỳ 01 tháng từ ngày 12/12/2025 đến ngày 12/01/2026	7/7 Tán thành chiếm tỷ lệ 100%

Appendix 1: Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Date	Resolution/ Decision No.	Content	Approval rate
1	January 02, 2025	01/NQ- HDQT	Resolution on the Transfer and Appointment of Personnel	7/7 ratio 100%
2	January 03, 2025	02/NQ- HDQT	Resolution on the Approval of the List of Major Repairs to Fixed Assets of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in 2026	7/7 ratio 100%
3	January 08, 2025	03/NQ- HDQT	Resolution on the Cancellation of the Invitation for Bids for the Package: Overhaul of Slag Discharge Pumping Station and Ash-Slag Discharge Pumping Station – 2024 Major Repair Plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
4	January 08, 2025	04/NQ- HDQT	Resolution on the Approval of the List of Qualified and Experienced Banks Eligible to Participate in Competitive Interest Rate Bidding for Term Deposit Placement (from December 28, 2024 to January 28, 2025)	7/7 ratio 100%
5	January 08, 2025	05/NQ- HDQT	Resolution on the Temporary Application of the “Regulation on Asset and Capital Management of Power Generation Corporation 2 – Joint Stock Company” at PPC	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
6	January 09, 2025	07/NQ- HDQT	Resolution on the Establishment of the Appraisal Team for the Construction Design Drawings of the Project: Flue Gas Monitoring Station for Unit 2 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, under the Project: Upgraded Flue Gas Monitoring Station for Unit 2 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
7	January 09, 2025	08/NQ- HDQT	Resolution on the establishment of a bidding appraisal team, appraisal of the contractor selection plan, bidding documents, contractor selection results for bid packages with a package price of 5 billion VND or more and a budget appraisal team	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove (Mr. Dien) (14.29%).
8	January 09, 2025	09/NQ- HDQT	Resolution on the Temporary Application of the “Corporate Governance Regulation of Power Generation Corporation 2 – Joint Stock Company” at PPC	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
9	January 14, 2025	10/NQ- HDQT	Resolution on Seeking Approval by PPC's Capital Representative at Vietnam Power Development Joint Stock Company regarding the Temporary Approval of the Company's 2025 Business Plan	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).

10	January 15, 2025	11/NQ-HDQT	Resolution on Seeking Approval for the Capital Representative of PPC at Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company (HND) to Vote on Certain Matters	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
11	January 20, 2025	12/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Result for the Package: Overhaul of Boiler 3A and Boiler 3B – 2023 Major Repair Plan (Carried Over to 2024) of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
12	January 20, 2025	13/NQ-HDQT	Resolution on the Early Implementation of Certain Tasks Prior to the Approval of the 2025 Business Plan and the Procurement Package for FO 3.5%S Mazut Oil for Power Generation	7/7 ratio 100%
13	January 20, 2025	14/NQ-HDQT	Resolution on the Draft of Appendix No. 11 to the 2024 Coal Sales and Purchase Contract between Dong Bac Corporation and Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
14	January 20, 2025	15/NQ-HDQT	Resolution on the Establishment of a Steering Committee for the Development of a Project to Restore the Capacity and Efficiency of Generating Units; Major Overhaul Works; and Ensuring Power Supply for the 2025 Dry Season	7/7 ratio 100%
15	January 20, 2025	16/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Regulation on Cash Flow Management and Utilization Applicable to Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
16	January 22, 2025	17/NQ-HDQT	Resolution on Seeking Approval for PPC's Capital Representative at QTP to Approve the Cost Estimates and the 5th Contractor Selection Plan for Business Operation Procurement Packages in 2024 of QTP	6/7 approve 85,7%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
17	January 22, 2025	18/NQ-HDQT	Resolution on Seeking Approval for PPC's Capital Representative at QTP to Approve the Cost Estimate and Contractor Selection Plan for the Procurement Package of Coal Mill Motors of QTP	6/7 approve 85,7%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
18	January 22, 2025	19/NQ-HDQT	Resolution on the Promulgation of the Environmental Protection Regulation at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
19	January 22, 2025	20/NQ-HDQT	Resolution on Seeking Approval for PPC's Capital Representative at QTP to Approve the Contractor Selection Result for Package No. 32MSHH-SCTX-2024 – Supply of Various Lubricating Oils and Greases under the 1st Contractor Selection Plan for Business Operation Packages in 2024 of QTP	5/7 approve 71,42%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
20	January 23, 2025	21/NQ-HDQT	Resolution on the Approval and Promulgation of the Regulation on Nomination and Management of	7/7 ratio 100%

			Capital Representatives of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company at Other Enterprises	
21	February 03, 2025	22/NQ-HDQT	Resolution on the Adjustment of Construction Design Drawings for the Project: Flue Gas Monitoring Station – Unit 2 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, under the Project: Upgraded Flue Gas Monitoring Station – Unit 2 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
22	February 03, 2025	23/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Conversion of Boiler Tube Length, Change of Equipment Origin, and the Draft Appendix to Contract No. 1050/2023/HD-PPC-NARIME dated March 7, 2023	5/7 approve 71,42%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
23	February 03, 2025	24/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Steel Grade Conversion and the Draft Appendix to Contract No. 4899/2022/HD-PPC-NARIME dated October 27, 2022	5/7 approve 71,42%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
24	February 04, 2025	25/NQ-HDQT	Resolution on the Temporary Application of the Regulation on Procurement Activities Using Business Operating Expenses of Power Generation Corporation 2 – Joint Stock Company at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
25	February 04, 2025	26/NQ-HDQT	Resolution on the Temporary Application of the Regulation on Investment and Construction Activities Applicable to Power Generation Corporation 2 – Joint Stock Company	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
26	February 05, 2025	27/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Cost Estimate for “SCTX-2025-05: Supply of Various Types of Chemicals for Power Generation in Quarters 2, 3, and 4 of 2025 and Quarter 1 of 2026”	7/7 ratio 100%
27	February 05, 2025	28/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Result for the 3rd Quotation Round of Package No. SXD-2024-14 – Supply and Transportation of FO 3.5%S Mazut Oil for Power Generation, Phase I of 2024 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
28	February 05, 2025	29/NQ-HDQT	Resolution on Seeking Approval for PPC’s Capital Representative at QTP to Approve the Contractor Selection Result for Package No. 33MSHH-SCTX-2024 – Supply of Chemicals and Materials for Various Testing Activities under the 1st Contractor Selection Plan for Business Operation Packages in 2024 of QTP	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).

29	February 06, 2025	30/NQ-HDQT	Resolution on Seeking Approval for PPC's Capital Representative at VNPD Regarding the Implementation Plan for Remuneration and Salaries of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2024 and the Proposed Plan for 2025	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
30	February 06, 2025	31/NQ-HDQT	Resolution on the Draft Appendix No. 01 to the 2025 Coal Sales and Purchase Contract between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal – Mineral Industries Group	7/7 ratio 100%
31	February 07, 2025	32/NQ-HDQT	Resolution on the Temporary Application of the “Regulation on Electricity Production and Business Activities of Power Generation Corporation 2 – Joint Stock Company” at PPC	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
32	February 07, 2025	33/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Cost Estimate for the Repair of Primary and Secondary Air Preheaters of Boiler 2AB – Unit 1 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
33	February 07, 2025	34/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the List of Banks Qualified and Experienced to Participate in the Competitive Interest Rate Offering for Term Deposits (from February 3, 2025 to March 3, 2025)	7/7 ratio 100%
34	February 11, 2025	35/NQ-HDQT	Resolution on the Adjusted Cost Estimate for the Project “PLC Control Cabinet for Boiler No. 5 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, 2023”	7/7 ratio 100%
35	February 11, 2025	36/NQ-HDQT	Resolution on the Remedial Plan for the Incident of the Excitation Transformer of Unit 6	7/7 ratio 100%
36	February 14, 2025	37/NQ-HDQT	Resolution on the Draft Appendix No. 01 to the 2025 Coal Sales and Purchase Contract between Dong Bac Corporation and Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
37	February 14, 2025	38/NQ-HDQT	Resolution on the Temporary Application of the “Regulation on Cadre and Personnel Affairs in Power Generation Corporation 2 – Joint Stock Company” at PPC	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
38	February 14, 2025	39/NQ-HDQT	Resolution on the Draft Appendix No. 12 to the 2024 Coal Sales and Purchase Contract between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal – Mineral Industries Group	7/7 ratio 100%
39	February 20, 2025	40/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Cost Estimate for the Project “Remediation of the Excitation Transformer Incident of Unit 6 – Funded by Business Operating Capital”	7/7 ratio 100%

40	February 21, 2025	41/NQ-HDQT	Resolution on the Draft Appendix No. 03 to the 2025 Coal Sales and Purchase Contract between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal – Mineral Industries Group	7/7 ratio 100%
41	February 21, 2025	42/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Plan for the “Service Contract for Guarding and Patrolling the Dedicated Railway Line – Funded by the Business Operating Capital of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	7/7 ratio 100%
42	February 22, 2025	43/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Result for the Package “Remediation of the Excitation Transformer Incident of Unit 6 – Funded by Business Operating Capital”	7/7 ratio 100%
43	February 24, 2025	44/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Result for the Package “SCTX-2024-17: Supply of Lubricating Oils and Greases for Regular Maintenance in Q2, Q3, Q4 of 2024 and Q1 of 2025 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	7/7 ratio 100%
44	February 25, 2025	45/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Result for the Package “SCTX-2024-57: Supply of Busbar Differential Protection Relays, and Circuit Breakers for Regular Maintenance – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	7/7 ratio 100%
45	February 25, 2025	46/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Adjusted Cost Estimate for the Project: SCTX-2025-22 – Repair of Primary and Secondary Air Preheaters of Boiler 2AB – Unit 1, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
46	February 26, 2025	47/NQ-HDQT	Resolution on the Results of the 2024 Performance Evaluation and Ranking of Department Heads, Workshop Managers, and Equivalent Positions	7/7 ratio 100%
47	February 26, 2025	48/NQ-HDQT	Resolution on the 2025 Working Program with the Board of Directors	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove (Mr. Dong) (14.29%).
48	February 26, 2025	49/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Cost Estimate for the Project “SCTX-2025-46: Repair and Remediation of Damages to Primary and Secondary Air Preheater Blocks of Boiler 4A and Boiler 4B – Unit 1, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	7/7 ratio 100%
49	February 28, 2025	50/NQ-HDQT	Resolution on the Draft Appendix No. 02 to the 2025 Coal Sales and Purchase Contract between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal – Mineral Industries Group	7/7 ratio 100%

50	February 28, 2025	51/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Plan for the Package: Mandatory Fire and Explosion Insurance in 2025 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
51	February 28, 2025	52/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Plan for the Package: Consulting on Equipment Status Assessment and Development of Maintenance and Repair Plans to Improve Reliability, Operational Efficiency, Restore Design Capacity, and Reduce Heat Loss of Generating Units in Production Line 2 Regarding the Electricity Pricing Method – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
52	March 06, 2025	53/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Cost Estimate: SCTX-2025-55 – Supply of Mill Bearings for Power Generation, Phase 2 in 2025 and Phase 1 in 2026	7/7 ratio 100%
53	March 07, 2025	54/NQ-HDQT	Resolution on Finalizing the Time and Venue for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders	7/7 ratio 100%
54	March 10, 2025	55/NQ-HDQT	Resolution on the Reestablishment of the Steering Committee for the Project to Restore Capacity and Efficiency of Generating Units; Major Repair Works; and Ensuring Power Supply During the 2025 Dry Season	7/7 ratio 100%
55	March 10, 2025	56/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of Additional Quantities and Cost Estimate for the Project “Repair and Remediation of the Turbine-Generator S6 Incident on Production Line 2 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
56	March 12, 2025	57/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Plan for the Package: Routine Maintenance of Plant Equipment in 2025 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
57	March 12, 2025	58/NQ-HDQT	Resolution on Requesting Opinions from PPC’s Capital Representative at BSA: Implementing the Next Steps to Supplement the Buôn Dôn Solar Power Plant Project into the Revised Power Development Plan VIII	7/7 ratio 100%
58	March 12, 2025	59/NQ-HDQT	Regarding the Implementation Plan for Power Supply during Peak Dry Season Months and the Remaining Months of 2025 by PPC	6/7 approve 85,7%; 1/7 Disapprove (Mr. Dien) (14.29%).
59	March 14, 2025	60/NQ-HDQT	Resolution on the 2024 Performance Evaluation of Full-time Board Members, Deputy General Directors, and Chief Accountants	7/7 ratio 100%

60	March 14, 2025	61/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Draft Report Proposing the Development of a 1,200 MW Flexible Gas Power Project – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
61	March 17, 2025	62/NQ-HDQT	Resolution on Approving the List of Banks Qualified and Experienced to Participate in Competitive Interest Rate Bidding for Term Deposits (from March 4, 2025 to April 3, 2025)	7/7 ratio 100%
62	March 17, 2025	63/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Results for the Package: “Overhaul of Coal Handling Cranes No. 2 and No. 4 – Major Repair Plan 2023 (Carried Over to 2024) – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	7/7 ratio 100%
63	March 18, 2025	64/NQ-HDQT	Resolution on the Establishment of the Organizing Committee and Subcommittees to Assist the Annual General Meeting of Shareholders 2025	7/7 ratio 100%
64	March 19, 2025	65/NQ-HDQT	Resolution on Discontinuing the Implementation of Package SCTX2024-07 – Supply of Various Chemicals for Power Production in Quarters 2, 3, 4 of 2024 and Quarter 1 of 2025 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
65	March 19, 2025	66/NQ-HDQT	Resolution on the Investment Policy for the Project: Expansion of the 220kV Busbar Section at the 220kV Distribution Yard of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
66	March 20, 2025	67/NQ-HDQT	Resolution on the Policy for Personnel Consolidation of the Position of Workshop Manager, Operation Workshop 2	7/7 ratio 100%
67	March 20, 2025	68/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Plan for Package “SCTX-2025-27: Hiring an Independent Unit for Quality and Quantity Inspection of Coal in 2025”	7/7 ratio 100%
68	March 25, 2025	69/NQ-HDQT	Resolution on the Draft of Appendix No. 04 to the 2025 Coal Sales Contract between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal and Mineral Industries Group	7/7 ratio 100%
69	March 26, 2025	70/NQ-HDQT	Resolution on the Draft of the Electronic Bidding Documents for the Package “Overhaul of Preliminary Treatment System Branches A and B and Overhaul of Auxiliary Low-Voltage Self-Use – Water Treatment – Major Repair Plan 2024 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	7/7 ratio 100%
70	March 27, 2025	71/NQ-HDQT	Resolution on the Implementation of Package SCTX-2024-74: Repair of the Primary Stage of Air Dryer 1 and Air Dryer 2 for Boiler 4A/B, Production Line 1	7/7 ratio 100%

71	March 29, 2025	72/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of the Final Settlement of the Salary, Remuneration, and Electrical Safety Fund Implemented in 2024	7/7 ratio 100%
72	April 03, 2025	73/NQ-HDQT	Resolution on the Early Implementation of Work Items Prior to Approval of the 2025 Production and Business Plan and Concurrent Approval of the Contractor Selection Plan for Package "SCTX-2025-56: Supply of Excitation Transformers for Generator 5 and Generator 6 for Regular Maintenance"	7/7 ratio 100%
73	April 03, 2025	74/NQ-HDQT	Resolution on Approving the Authorization for the General Director to Approve Budget Adjustments After Approval by the Board of Directors	7/7 ratio 100%
74	April 03, 2025	75/NQ-HDQT	Resolution on Approval of the Adjusted Budget for the Project: Major Overhaul of Coal Supply to Boiler Line B (Conveyor 4B and Auxiliary Equipment; Conveyor 3B and Auxiliary Equipment; Conveyor 2B and Auxiliary Equipment; Conveyor 6/3B and Auxiliary Equipment; Conveyor 1/2B and Auxiliary Equipment; Conveyor 6/1B and Auxiliary Equipment) – 2024 Major Repair Plan	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove (Mr. Dien) (14.29%).
75	April 04, 2025	76/NQ-HDQT	Resolution on the Early Implementation of Work Items Prior to the Approval of the 2025 Production and Business Plan (Second Time)	7/7 ratio 100%
76	April 08, 2025	77/NQ-HDQT	Draft Resolution on the Request for Opinion from PPC's Capital Representative at EVNI: Approval of Voting Contents at the EVNI Board of Directors Meeting on February 24, 2025	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
77	April 09, 2025	78/NQ-HDQT	Resolution on Adjusting the Contractor Selection Plan in the Approval Decision No. 4750/QD-PPC dated August 22, 2024, for the Package "SXD-2024-15 – Supply of Mazut FO 3.5%S Fuel Oil for Power Production Phase II in 2024 and Phase I in 2025 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company" and in the Approval Decision No. 5491/QD-PPC dated September 25, 2024, for "Regular Maintenance Packages in 2024 with Value under 1 Billion VND (SCTX-2024-128; SCTX-2024-144)"	7/7 ratio 100%
78	April 09, 2025	79/NQ-HDQT	Resolution on Approving the Addition of Positions in the Labor Staffing of the Fuel Workshop within PPC	7/7 ratio 100%
79	April 09, 2025	80/NQ-HDQT	Resolution on Adjusting the Budgets for the Projects: Major Overhaul of Electrical Equipment After Generator No. 1; PLC Control Cabinet for	7/7 ratio 100%

			Furnace 5 Dust Blowing, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in 2023; Major Overhaul of 220kV Substation (Circuit Breakers, Disconnectors, and Primary Equipment); Major Overhaul of Central Control Room Air Conditioning; Major Overhaul of Coal Storage Facilities (Sealed Coal Storage No. 1), Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in 2025, as per Proposals No. 935/TTr-PPC; 951/TTr-PPC; 1052/TTr-PPC; 1054/TTr-PPC; 1066/TTr-PPC	
80	April 09, 2025	81/NQ-HDQT	Resolution on Issuing the Regulation on Investment and Construction Management Applicable in Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
81	April 11, 2025	82/NQ-HDQT	Resolution on Approving the Increase in Staffing Norms for the Positions of Deputy Head of Technical Department, Deputy Head of Materials Planning Department, and Deputy Manager of Fuel Workshop	7/7 ratio 100% for the Deputy Workshop Manager – Fuel Division; 6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Dien) (14.29%) for other contents
82	April 10, 2025	83/NQ-HDQT	Resolution on the Fourth Quarter 2024 Board of Directors Meeting and Tasks for the First Quarter of 2025	7/7 ratio 100%
83	April 15, 2025	84/NQ-HDQT	Resolution on the PPC Capital Representative at QTP Requesting Opinions: Report on the Voting Contents Approved by the QTP Board of Directors to be Submitted to the 2025 General Meeting of Shareholders for Voting Implementation	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
84	April 15, 2025	85/NQ-HDQT	Resolution on the PPC Capital Representative at QTP Requesting Opinions: Report on the Voting Contents Approved by the QTP Board of Directors to be Submitted to the 2025 General Meeting of Shareholders for Voting Implementation	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
85	April 15, 2025	86/NQ-HDQT	Resolution on Approving the Budget SXD-2024-14 for Supply and Transportation of FO 3.5%S Mazut Oil for Electricity Production Phase I in	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove

			2024 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (Phase 4)	(Mr. Dien) (14.29%).
86	April 15, 2025	87/NQ-HDQT	Resolution on Procurement Plan No. 7 – Major Repair Package in 2025 with Contract Value Under 5 Billion VND	7/7 ratio 100%
87	April 15, 2025	88/NQ-HDQT	Resolution on the Drafting of Appendix No. 05 to the 2025 Coal Purchase Contract Between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal - Mineral Industries Group	7/7 ratio 100%
88	April 15, 2025	89/NQ-HDQT	Resolution on Approving the List of Banks with Sufficient Capacity and Experience to Participate in Competitive Interest Rate Bidding for Fixed-term Deposits (From April 4, 2025 to May 4, 2025)	7/7 ratio 100%
89	April 15, 2025	90/NQ-HDQT	Resolution on the Policy to Hire Consultants for Surveying, Preparing the Proposal, and Submitting to the Competent State Authorities for the Supplement of the Revised Power Development Plan VIII — Flexible 1,200 MW Power Plant Project — Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
90	April 16, 2025	91/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Results for the Package "Overhaul of DC2 Fuel PLC System (Including 16 PLC Systems: Stations A, B, C, D and 09 Units) of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in 2024"	7/7 ratio 100%
91	April 16, 2025	92/NQ-HDQT	Resolution on Adjusting the Contractor Selection Plan for the Package: Overhaul of Boiler Dust Blowers No. 6 – Major Repair Capital Source in 2025 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
92	April 16, 2025	93/NQ-HDQT	Draft Resolution on Approving the Budget for “SCTX-2025-08: Supply of Electrical Materials and Equipment for Line 2 to Serve Regular Maintenance in Quarters 2, 3, 4 of 2025 and Quarter 1 of 2026 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	7/7 ratio 100%
93	April 16, 2025	94/NQ-HDQT	Regarding the Representative of PPC’s Capital Contribution at BSA Reporting and Requesting Voting Opinions at the BSA Board of Directors Meeting and the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of BSA	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
94	April 22, 2025	95/NQ-HDQT	Resolution on the Nomination of Candidates for the Supervisory Board Members of Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
95	April 22, 2025	96/NQ-HDQT	Resolution on Changing the Date of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders	7/7 ratio 100%

96	April 23, 2025	97/NQ-HDQT	Resolution Regarding the Representative of PPC's Capital Contribution at VNPD Reporting and Requesting Voting Opinions at the VNPD Board of Directors Meeting and the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of VNPD	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
97	April 23, 2025	98/NQ-HDQT	Resolution on the Draft Appendix No. 02 to the 2025 Coal Purchase Contract between Northeast Corporation and Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
98	April 23, 2025	99/NQ-HDQT	Resolution on the Report and Request for Voting Opinions of the Representative of PPC's Capital Contribution at QTP in the Board of Directors Meeting and the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of QTP	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
99	April 23, 2025	100/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Results for Package "SCTX - 2024 - 71: Supply of Grinding Balls, Liners, and Fastening Components for the Grinding Mill Serving Electricity Production in Phase 1 of 2024 and Quarter 1 of 2025"	7/7 ratio 100%
100	April 23, 2025	101/NQ-HDQT	Resolution on the Report and Request for Voting Opinions of the Representative of PPC's Capital Contribution at EVN International Joint Stock Company (EVNI) in the Board of Directors Meeting and the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of EVNI	7/7 ratio 100%
101	April 24, 2025	102/NQ-HDQT	Resolution on the Plan for Contractor Selection for Regular Maintenance Packages in 2025 with Values Exceeding 1 Billion VND (SCTX-2025-02, SCTX-2025-07, SCTX-2025-54)	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove (Mr. Dong) (14.29%).
102	April 24, 2025	103/NQ-HDQT	Resolution on Adjusting the Cost Estimate for the Project: "Overhaul of Circulating Water System Unit 5 - Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in 2025"	7/7 ratio 100%
103	April 24, 2025	104/NQ-HDQT	Resolution on the Approval of Permanent Project Termination and Handling of Investment Preparation Costs for the Permanently Stopped Project	7/7 ratio 100%
104	April 29, 2025	105/NQ-HDQT	Resolution on the Adjustment and Supplementation of Certain Contents of the Decision Approving the Adjustment of the Contractor Selection Plan No. 2491/QD-PPC dated May 17, 2024, for the Package "SXD-2024-14 Supply and Transportation of Mazut FO 3.5%S Oil for Power Production Phase I in 2024 – Pha Lai	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Dien, Mr. Thanh) (28,57%).

			Thermal Power Joint Stock Company” and Authorization for the General Director	
105	April 29, 2025	106/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Plan for Bidding Packages Serving Business Production with a Value Over VND 5 Billion (SCTX-2025-22)	7/7 ratio 100%
106	May 07, 2025	107/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Plan for Bidding Packages Serving Business Production in 2025 with a Value Over VND 1 Billion (SCTX-2025-37)	7/7 ratio 100%
107	May 07, 2025	108/NQ-HDQT	Resolution on Approving the Personnel Arrangement Plan (Appointment of the Company’s Deputy General Director)	7/7 ratio 100%
108	May 07, 2025	109/NQ-HDQT	Resolution on Re-Approval of the Estimate "SCTX-2025-46 Repair and Remediation of Damages to Air Dryer Blocks Level 1 and Level 2 of Boiler 4A and Boiler 4B – Production Line 1 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company"	7/7 ratio 100%
109	May 07, 2025	110/NQ-HDQT	Resolution on the Report and Request for Voting Opinion by the Capital Representative of PPC at QTP Regarding Personnel for the Election of Members of the Board of Directors at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of QTP	6/7 approve 85,71%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
110	May 08, 2025	111/NQ-HDQT	Resolution on the Draft Electronic Bidding Document for the “Major Overhaul of Equipment in the Coal Yard (Breaking/Removing Stockpiles A and B) – Major Repair Plan 2025 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	7/7 ratio 100%
111	May 09, 2025	112/NQ-HDQT	Resolution on the Draft Electronic Bidding Document for the Package: Major Overhaul of Medium Voltage Transformers TD10 Common, Common Low Voltage, Low Voltage of BSV House, Low Voltage Groups 1, 2, 3 – Major Repair Plan 2025 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
112	May 09, 2025	113/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Plan for the Package “SCTX-2025-05: Supply of Various Chemicals for Power Production in Quarters 2, 3, 4 of 2025 and Quarter 1 of 2026”	7/7 ratio 100%
113	May 12, 2025	114/NQ-HDQT	Resolution on the Appointment of the Manager of Operation Workshop 2	7/7 ratio 100%
114	May 13, 2025	115/NQ-HDQT	Resolution on the Establishment of the Appraisal Committee for the Economic-Technical Report on the “Design of Battery Monitoring System and DC Ground Fault Monitoring System at Production Line 2”	7/7 ratio 100%

115	May 14, 2025	116/NQ-HDQT	Resolution on the Drafting of the Electronic Bidding Documents for the “Overhaul of Coal Feeding to Furnace Line B – Major Repair Plan 2025 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove (Mr. Dien) (14.29%).
116	May 14, 2025	117/NQ-HDQT	Resolution on the Establishment of the Appraisal Committee for Tender Evaluation, Bidding Documents, and Contractor Selection Results for Packages with Contract Values Exceeding VND 5 Billion (SCTX-2025-22, SCTX-2025-46)	7/7 ratio 100%
117	May 15, 2025	118/NQ-HDQT	Resolution on Approval of the Estimate: SCTX-2025-85 Supply of Materials for Power Production and Spare Parts for EX2100e System, Line 2	7/7 ratio 100%
117	May 16, 2025	119/NQ-HDQT	Resolution on the Plan for Contractor Selection for Bidding Packages Serving Business Production with a Value Over 5 Billion VND (SCTX-2025-46)	7/7 ratio 100%
119	May 19, 2025	120/NQ-HDQT	Resolution on the Establishment of the Appraisal Team for the Feasibility Study Report of the Project “Expansion of 220kV Bay at the 220kV Switching Station of Pha Lai Thermal Power Plant”	7/7 ratio 100%
120	May 19, 2025	121/NQ-HDQT	Resolution on the Contractor Selection Results for the Bidding Package “SCTX-2024-80: Supply of Materials and Equipment for Routine Maintenance of Production Line 2”	7/7 ratio 100%
121	May 21, 2025	122/NQ-HDQT	Resolution on the Early Implementation of Work Items Before Approval of the 2025 Business Production Plan, and Simultaneous Approval of the Contractor Selection Plan for the Package: SCTX-2025-59 Supply and Replacement of Thin-Walled Pressure Pipes of Boiler No. 6	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove (Mr. Dien) (14.29%).
122	May 26, 2025	123/NQ-HDQT	Resolution on the Draft of Appendix No. 03 to the Coal Purchase Contract for 2025 between Northeast Corporation and Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 ratio 100%
123	May 27, 2025	124/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the construction budget: Overhaul of electrical equipment after Generator No. 5 (Breaker 905) - Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in 2025.	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Dien, Mr. Hai) (28,57%).
124	May 27, 2025	125/NQ-HDQT	Resolution on the draft Electronic bidding documents for Package SXD-2024-15 - Supply and transportation of Mazut FO 3.5%S for	7/7 ratio 100%

			electricity production in the first phase of 2025 - Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	
125	May 29, 2025	126/NQ-HDQT	Resolution on the draft Appendix No. 13 of the Coal Purchase Agreement for 2024 between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal and Mineral Industries Group.	7/7 ratio 100%
126	May 30, 2025	127/NQ-HDQT	Resolution on the change of the date for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders – Second time.	7/7 ratio 100%
127	June 03, 2025	128/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the voting items at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.	
127.1			Results of the Company's business operations and investment in construction in 2024 (report enclosed).	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
127.2			Proposed profit distribution for 2024 and dividend plan for 2025.	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Dien, Mr. Hai) (28,57%).
127.3			Selection of the auditing firm for the 2025 financial year (proposal and supporting reports enclosed).	7/7 ratio 100%
127.4			Audited financial statements for the year 2024.	7/7 ratio 100%
127.5			Business and construction investment plan for 2025 (detailed plan enclosed).	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
127.6			Approval of remuneration and allowances for members of the Board of Directors and the Supervisory Board for 2024, and the proposed plan for 2025.	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
127.7			Approval of related-party transactions between the Company and related persons.	7/7 ratio 100%
127.8			Approval of the report of the Supervisory Board (report enclosed).	7/7 ratio 100%

127.9			Approval of the report of the Board of Directors (report enclosed).	7/7 ratio 100%
127.10			Approval of the report of the Independent Member of the Board of Directors (report enclosed).	7/7 ratio 100%
127.11			Amendments and supplements to the Company's Charter, Internal Corporate Governance Regulations, and the Regulations on the Operation of the Board of Directors (with appended amendments).	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
127.12			Approval of the dismissal and additional election of a Supervisory Board member.	7/7 ratio 100%
127.13			Other matters: To ensure the Company's business operations are carried out continuously, it is proposed that the General Meeting of Shareholders approve the Company's 2025 business plan, and authorize the Board of Directors to organize its implementation and decide on any matters arising beyond the approved 2025 business plan, or urgent matters that need to be implemented before the General Meeting of Shareholders approves the 2026 business plan, provided that such matters shall be reported to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting.	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
127.14			Internal regulations, rules and policies to be approved at the 2025 General Meeting of Shareholders (drafts enclosed).	5/7 approve 71,43%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%).
128	June 04, 2025	129/NQ-HDQT	Resolution on the draft Electronic bidding documents for Package "SCTX-2025-22 - Repair of Primary and Secondary Air Dryers of Boiler 2AB – Line 1, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company" under the contractor selection plan: Business Production Package with a value over 5 billion VND; under the procurement project/budget: Business Production.	7/7 ratio 100%
129	June 04, 2025	130/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for business production packages in 2025 with a value under 5 billion VND and the early implementation of business production items for 2025.	7/7 ratio 100%
130	June 04, 2025	131/NQ-HDQT	Resolution on the policy to hire a consulting firm for surveying and developing a project to restore the capacity and efficiency of the units in Line 2 - Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 ratio 100%

131	June 04, 2025	132/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for major repair packages of Line 2 in 2025.	4/7 approve 57,14%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai); 1/7 Partially disapproved (Mr.Dien)
132	June 05, 2025	133/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the additional voting items at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.	7/7 ratio 100%
133	June 06, 2025	134/NQ-HDQT	Resolution on the approval to early implement tasks prior to the approval of the 2025 Business Production Plan, and to approve the contractor selection plan for the following packages: Periodic Health Check-up for employees in the first phase of 2025 and Occupational Disease Detection for employees in 2025.	7/7 ratio 100%
134	June 06, 2025	135/NQ-HDQT	Resolution on the early implementation of tasks prior to the approval of the 2025 Business Production Plan, and to approve the contractor selection plan for Package SCTX-2025-73: Periodic repair, maintenance, inspection, and ensuring the safety and reliability of the flue gas monitoring system in Line 1 - 2025.	7/7 ratio 100%
135	June 07, 2025	136/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for Package SCTX-2025-08: Supply of electrical equipment and materials for Line 2 to serve regular repairs in Q2, Q3, Q4 of 2025 and Q1 of 2026 - Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 ratio 100%
136	June 07, 2025	137/NQ-HDQT	Resolution on the draft Supplemental Appendix to Contract No. 4063/2022/HD-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN dated September 19, 2022, and Appendix to Contract No. 5770/2023/PLHD-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN dated November 3, 2023.	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%)
137	June 07, 2025	138/NQ-HDQT	Resolution on the addition of a clause to Contract No. 1171/2023/HD-PPC-NPS&LONGBIEN dated March 14, 2023, and the approval to sign the draft contract appendix.	4/7 approve 57,14%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%); 1/7 Partially disapproved (Mr. Thanh) (14,29%)

138	June 09, 2025	139/NQ-HDQT	Resolution on the approval to change the product code, origin of goods, and the draft Appendix to Contract No. 6047/2022/HD-PPC-LLM69-1 PL-NPS dated December 28, 2022.	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%);
139	June 09, 2025	140/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the additional workload and estimated value for the project "Overhaul of Steam Turbine No. 3 - Major Repair Plan for 2023 (carried over to 2024), Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company."	4/7 approve 57,14%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%); 1/7 Partially disapproved (Mr. Dien) (14,29%);
140	June 09, 2025	141/NQ-HDQT	Resolution on the approval to change the brand, origin, and adjust the price for items with changes in brand and origin, and to approve the draft Appendix to Contract No. 3268/2021/HD-PPC-NPS&TA dated June 23, 2021, and Contract No. 7766/2020/HD-PPC-NPS dated December 23, 2020.	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%);
141	June 09, 2025	142/NQ-HDQT	Resolution on the approval to amend the manufacturer name, change technical specifications, manufacturer, and to approve the draft Appendix to Contract No. 4978/2022/HD-PPC-LILAMA 69.1PL - NPS dated November 1, 2022.	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%);
142	June 16, 2025	143/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection results for the package "Overhaul of coal feeding to storage (Conveyor 5/2B and auxiliary equipment; Conveyor 1/1 and auxiliary equipment; Conveyor 5/1 and auxiliary equipment; Hopper feeder 1; Hopper feeder 2; Conveyor 5/2A and auxiliary equipment) - Major Repair Plan for 2024, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company."	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove (Mr. Dien) (14,29%);
143	June 16, 2025	144/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the list of banks with sufficient capacity and experience to participate in offering competitive interest rates for term deposits (from June 6, 2025, to July 6, 2025).	7/7 ratio 100%
144	June 16, 2025	145/NQ-HDQT	Resolution on the explanation of the contractor selection plan for business production packages in 2025 with a value under 5 billion VND.	7/7 ratio 100%
145	June 16, 2025	146/NQ-HDQT	Resolution on the issuance of the Governance Regulation at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion

				(Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%);
146	June 16, 2025	147/NQ-HDQT	Resolution on the issuance of the Personnel Work Regulation at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	4/7 approve 57,14%; 2/7 Disapprove (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%); 1/7 Partially disapproved (Mr. Dong) (14,29%);
147	June 16, 2025	148/NQ-HDQT	Resolution on the issuance of the Electricity Production and Business Regulation at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) (28,57%);
148	June 18, 2025	149/NQ-HDQT	Resolution on the Board of Directors meeting for Q1 2025 and the tasks for Q2 2025.	7/7 ratio 100%
149	June 20, 2025	150/NQ-HDQT	Resolution on the policy to strengthen the position of Chief Accountant at the Company.	7/7 ratio 100%
159	June 21, 2025	151/NQ-HDQT	Resolution on the establishment of the Evaluation Team for the Feasibility Study Report of the project: Restoration of capacity and efficiency for the units in Line 2 - Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 ratio 100%
151	June 23, 2025	152/NQ-HDQT	Resolution on the representative of PPC's capital at Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company (HND) seeking opinions for voting at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders at HND.	6/7 approve 85,71%; 1/7 Disapprove (Mr. Quyen) (14,29%);
152	June 24, 2025	153/NQ-HDQT	Resolution on the appointment of the Deputy Foreman of the Fuel Workshop.	7/7 ratio 100%
153	June 24, 2025	154/NQ-HDQT	Resolution on the appointment of the Deputy Foreman of the Operation Workshop 2.	7/7 ratio 100%
154	June 25, 2025	155/NQ-HDQT	Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	
154.1			Approval of the audited financial statements for the year 2024 as set out in Proposal No. 2771/TTr-PPC dated June 4, 2025.	The approval rate was 99.99% of the total voting shares present at the General Meeting of

				Shareholders; the disapproval rate was 0%; and no opinion accounted for 0%.
154.2			Approval of the proposal on the results of business operations and construction investment in 2024, and the business operations and construction investment plan for 2025, as set out in Proposal No. 2776/TTr-PPC dated June 4, 2025, and Report No. 2699/BC-PPC dated June 2, 2025.	The approval rate was 68.40% of the total voting shares present at the General Meeting of Shareholders; the disapproval rate was 31.56%; and no opinion accounted for 0%.
154.3			Approval of the report on the use of development investment capital in 2024 and the development investment capital plan for 2025, as set out in Report No. 2788/BC-PPC dated June 4, 2025.	The approval rate was 99.84% of the total voting shares present at the General Meeting of Shareholders; the disapproval rate was 0.13%; and no opinion accounted for 0.02%.
154.4			Approval of the proposal on the settlement of pre-investment expenses for permanently suspended projects, the profit distribution for 2024, and the proposed dividend level for 2025, as set out in Proposal No. 2773/TTr-PPC dated June 4, 2025.	The approval rate was 68.28% of the total voting shares present at the General Meeting of Shareholders; the disapproval

				rate was 31.69%; and no opinion accounted for 0%.
154.5			Approval of the remuneration and allowances of the Board of Directors and the Supervisory Board for 2024, and the proposed remuneration and allowances for 2025, as set out in Proposal No. 2767/TTr-PPC dated June 4, 2025.	The approval rate was 99.84% of the total voting shares present at the General Meeting of Shareholders; the disapproval rate was 0.12%; and no opinion accounted for 0.02%.
154.6			Approval of the proposal on the selection of the auditing firm for the 2025 financial statements, as set out in Proposal No. 12/TTr-PPC dated May 30, 2025.	The approval rate was 99.78% of the total voting shares present at the General Meeting of Shareholders; the disapproval rate was 0.21%; and no opinion accounted for 0%.
154.7			Approval of the report on the performance results for 2024 and the work plan for 2025 of the Supervisory Board, as set out in Report No. 13/BC-BKS dated June 1, 2025.	The approval rate was 99.99% of the total voting shares present at the General Meeting of Shareholders; the disapproval rate was 0%; and no opinion

				accounted for 0%.
154.8			Approval of the report of the Independent Member of the Board of Directors.	The approval rate was 99.99% of the total voting shares present at the General Meeting of Shareholders; the disapproval rate was 0%; and no opinion accounted for 0%.
154.9			Approval of the report of the Board of Directors on performance results for 2024, the target program for 2025 and subsequent years, as set out in Report No. 2749/BC-PPC dated June 3, 2025.	The approval rate was 99.89% of the total voting shares present at the General Meeting of Shareholders; the disapproval rate was 0.10%; and no opinion accounted for 0%.
154.10			Approval of amendments and supplements to the Company's Charter, Internal Corporate Governance Regulations, and the Regulations on the Operation of the Board of Directors.	The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to review, finalize, and issue the relevant documents in accordance with regulations upon approval by

				100% of the members of the Board of Directors.
154.11			Approval of the in-principle policy to conduct investment research for the 1,200 MW Flexible Power Plant Project, as set out in Proposal No. 2818/TTr-PPC dated June 5, 2025.	Approval of the in-principle policy to conduct investment research for the 1,200 MW Flexible Power Plant Project, as set out in Proposal No. 2818/TTr-PPC dated June 5, 2025.
154.12.1			Dismissal of Mr. Luong Truong Luan from his position as a member of the Supervisory Board.	Dismissal of Mr. Luong Truong Luan from his position as a member of the Supervisory Board.
154.12.2			Approval of the additional election of Ms. Tran Thi Thanh Huyen as a member of the Supervisory Board.	Approval of the additional election of Ms. Tran Thi Thanh Huyen as a member of the Supervisory Board.
155	June 26, 2025	156/NQ-HDQT	Resolution on the draft ELECTRONIC BIDDING DOCUMENTS for Package SCTX-2025-05: Supply of chemical types for electricity production in Q2, Q3, Q4 of 2025 and Q1 of 2026.	7/7 ratio 100%
156	June 26, 2025	157/NQ-HDQT	Resolution on the draft ELECTRONIC BIDDING DOCUMENTS for Package “SCTX-2025-46: Repair and remediation of damages in primary and secondary air preheater blocks of Boiler 4A and Boiler 4B – Line 1,” under the contractor selection plan: Business production package with a value	7/7 ratio 100%

			over 5 billion VND; under the procurement project/budget: Business Production.	
157	June 26, 2025	158/NQ-HDQT	Resolution on the issuance of the Asset and Capital Management Regulation at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	5/7 approve 71,43%; 2/7 no opinion (Mr. Quyen, Mr. Hai) 28,57%;
158	June 30, 2025	160/NQ-HDQT	Resolution on the investment policy for the project to restore the capacity and efficiency of the units in Line 2 - Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 ratio 100%
159	June 30, 2025	162/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the increase in the headcount for the position of Deputy General Director of the Company.	7/7 ratio 100%
160	June 30, 2025	163/NQ-HDQT	Resolution on the issuance of the Delegation Regulation of the Board of Directors at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 ratio 100% for Issue the regulation; 6/7 approve 85,73%; 1/7 Disapprove (Mr. Dien) for assign the General Director to be in charge of the Project Management Board. 14,29%;
161	June 30, 2025	164/NQ-HDQT	Resolution on the appointment and acceptance of the Deputy General Director of the Company.	7/7 ratio 100%
162	June 30, 2025	165/NQ-HDQT	Resolution on the design and construction implementation after the basic design phase (Approval of construction drawings and cost estimate for the project "Installation of short-circuit current-limiting resistors at the 220kV distribution yard, Pha Lai Thermal Power").	6/7 approve 85,73%; 1/7 Disapprove (Mr. Quyen) 14,29%;
163	June 30, 2025	166/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for consulting packages to serve business production in 2025.	7/7 ratio 100%
164	June 30, 2025	167/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the investment policy for the project "Upgrading the telecommunications transmission network infrastructure to support monitoring and	7/7 ratio 100%

			production management at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company."	
165	May 12, 2025	2362/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the list of banks with sufficient capacity and experience to participate in offering competitive interest rates for term deposits (from May 5, 2025, to June 5, 2025).	7/7 ratio 100%
166	July 3, 2025	168/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the contractor selection results for the bidding package "SXĐ – 2024 - 15 – Supply and transportation of Fuel Oil (Mazut FO 3.5%S) for power generation, Phase I of 2025 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company"	7/7 approve, 100%
167	July 3, 2025	170/NQ-HDQT	Resolution on the promulgation of the salary scale system, salary tables and salary allowance policies of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	6/7 approve 85,7%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) 14,29%
168	July 4, 2025	171/NQ-HDQT	Resolution on the appointment of the Deputy Head of the Planning and Materials Department.	7/7 approve, 100%
169	July 4, 2025	172/NQ-HDQT	Resolution on the appointment of the Deputy Workshop Manager of the Chemical Workshop.	7/7 approve, 100%
170	July 4, 2025	173/NQ-HDQT	Resolution on the appointment of the Deputy Head of the Technical Department.	7/7 approve, 100%
171	July 7, 2025	174/NQ-HDQT	Resolution on the draft of Appendix No. 04 to the 2025 coal purchase and sale contract between Dong Bac Corporation and Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 approve, 100%
172	July 11, 2025	175/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the draft supplementary appendix arising from Contract No. 12/2025/HĐ-PPC-NPS&ROTES dated January 3, 2025.	5/7 approve 71.43%; 1/7 disapproved (Mr. Dien) 14.29%; 1/7 no opinion (Mr. Quyen) 14.29%.
173	July 11, 2025	176/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the contractor selection results for the bidding package "SCTX-2025-22 – Repair of Primary Air Preheater No. 1 and Secondary Air Preheater No. 2 of Boiler 2AB – Line 1, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Quyen) (14.29%)
174	July 11, 2025	177/NQ-HDQT	Resolution on the draft of Appendix No. 06 to the 2025 coal purchase and sale contract between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal – Mineral Industries Group.	7/7 approve, 100%

175	July 12, 2025	178/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the list of banks with sufficient capacity and experience to participate in the competitive interest rate offering for accepting term deposits (from July 7, 2025 to August 7, 2025).	7/7 approve, 100%
176	July 13, 2025	179/NQ-HDQT	Resolution on the amendment of the Appendix to Contract No. 34/2025/PLHD-PPC-NARIME dated February 10, 2025.	7/7 approve, 100%
177	July 13, 2025	180/NQ-HDQT	Resolution on the amendment and supplementation of the Company's Charter for Organization and Operation; the Internal Regulations on Corporate Governance; and the Regulations on the Operation of the Company's Board of Directors.	7/7 approve, 100%
178	July 14, 2025	181/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for bidding packages serving production and business activities with a value exceeding VND 1 billion.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dong) (14.29%).
179	July 15, 2025	182/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for the project: Overhaul of cranes and hoists in the Boiler No. 5 and Boiler No. 6 areas of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	5/7 approved (71.43%); 2/7 disapproved (Mr. Dien and Mr. Dong) (28.57%).
180	July 15, 2025	183/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-Bidding Documents (E-HSMT) for the bidding package "Overhaul of soot blowers of Boiler No. 6 – Funded by the 2025 major repair capital of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	7/7 approve, 100%
181	July 15, 2025	184/NQ-HDQT	Resolution on the draft online bidding documents for the bidding package: Routine repair of plant equipment in 2025 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
182	July 16, 2025	185/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package "Overhaul of compressed air systems for measurement and service purposes – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
183	July 17, 2025	186/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection results for the bidding package "Overhaul of equipment in the coal yard (A and B stockpile breaking/demolition) – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	7/7 approve, 100%

184	July 21, 2025	187/NQ- HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for bidding package SCTX-2025-08: Supply of electrical materials and equipment for Line 2 serving routine maintenance in Q2, Q3, and Q4 of 2025 and Q1 of 2026 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
185	July 22, 2025	188/NQ- HDQT	Resolution on the draft Appendix No. 05 to the 2025 coal purchase and sale contract between Dong Bac Corporation and Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
186	July 22, 2025	189/NQ- HDQT	Resolution on the draft Appendix No. 07 to the 2025 coal purchase and sale contract between Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company and Vietnam National Coal – Mineral Industries Group.	7/7 approve, 100%
187	July 22, 2025	190/NQ- HDQT	Resolution on the approval of the cost estimate for the project: Overhaul of Boiler 1B (3rd revision) – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, 2025.	5/7 approved (71.43%); 1/7 disapproved (Mr. Quyen) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Hai) (14.29%).
188	July 22, 2025	192/NQ- HDQT	Resolution on the contractor selection results for the bidding package “Overhaul of common medium-voltage transformers TD10, common low-voltage systems, low-voltage systems of the ECB building, and low-voltage systems of Groups 1, 2 and 3 – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	7/7 approve, 100%
189	July 22, 2025	193/NQ- HDQT	Resolution on the promulgation of the Regulations on major repair of fixed assets of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	5/7 approved (71.43%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Hai) (14.29%).
190	July 23, 2025	194/NQ- HDQT	Resolution on the promulgation of the Regulations on procurement activities using production and	7/7 approve, 100%

			business expenses of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	
191	July 24, 2025	195/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the cost estimate for the project: Overhaul of Boiler 1A (3rd revision) – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, 2025.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Quyen) (14.29%).
192	July 25, 2025	196/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection results for the bidding package “Overhaul of the wharf (repair and replacement of fenders, mooring hooks, and barge mooring buoys of Line 2)”.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
193	July 26, 2025	197/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package “Overhaul of the Hydrogen Production Station – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
194	July 28, 2025	198/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package “Overhaul of Boiler No. 5; Steam Turbine No. 5; Secondary cooling water system of Turbine No. 5; Unit 5 circulating water system; common circulating water system; chlorine treatment system; and mid-term overhaul of rotary air preheaters Branch A/B of Boiler No. 6 (measurement and control section) – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
195	July 28, 2025	199/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package “Overhaul of the PI Data Management System and overhaul of the FCS Control Room of Unit 5 and common systems – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
196	July 28, 2025	200/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package “Overhaul of post-generator equipment of Unit 5 and auxiliary systems of Unit 5 – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).

197	July 28, 2025	201/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package “Overhaul of Boiler No. 5 (soot blowing system) – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
198	July 28, 2025	202/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the adjustment to the investment policy for the project “Renovation and upgrade of the SOx and NOx treatment system of Line 2” – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	4/7 approved (57.14%); 2/7 disapproved (Mr. Dien and Mr. Quyen) (28.57%); 1/7 no opinion (Mr. Hai) (14.29%)
199	July 28, 2025	203/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the cost estimate for the project “Overhaul of Generator No. 5” of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, 2025.	5/7 approved (71.43%); 1/7 disapproved (Mr. Quyen) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Hai) (14.29%).
200	July 28, 2025	204/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the cost estimate for the project “Overhaul of Steam Turbine No. 5 – Main Body” of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, 2025.	5/7 approved (71.43%); 2/7 no opinion (Mr. Quyen and Mr. Hai) (28.57%)
201	July 28, 2025	205/NQ-HDQT	Resolution on PPC’s capital representative at QTP reporting and seeking opinions on the approval of the plan for restructuring and streamlining the organizational structure and management apparatus, and the approval of the staffing norm of Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company.	6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
202	July 28, 2025	206/NQ-HDQT	Resolution on PPC’s capital representative at Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company (HND) seeking opinions for voting at HND.	5/7 approved (71.43%);

				2/7 no opinion (Mr. Quyen and Mr. Hai) (28.57%).
203	July 28, 2025	207/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for major repair packages carried over from 2023 to 2025 and for major repair packages in 2025.	7/7 approve, 100%
204	July 29, 2025	208/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the Company's seal.	7/7 approve, 100%
205	July 30, 2025	209/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package "Overhaul of Boiler No. 5 (dust collector fields) – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
206	July 30, 2025	210/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for the bidding package "Overhaul of post-generator electrical equipment of Generator No. 5 (Main Circuit Breaker 905) – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, 2025", as set out in Submission No. 2859/TTr-PPC dated June 9, 2025.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Hai) (14.29%).
207	August 3, 2025	211/NQ-HDQT	Resolution on the draft Bidding Documents (E-HSMT) for the bidding package "Overhaul of Boiler No. 5 (overhaul of coal mills and coal feeders of Boiler No. 5) and mid-term overhaul of Boiler No. 6 (coal mill section) – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	7/7 approve, 100%
208	August 5, 2025	212/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package "Overhaul of Boiler No. 5 – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Hai) (14.29%).
209	August 5, 2025	213/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-Bidding Documents for the bidding package: "Overhaul of the 220 kV Substation (circuit breakers, disconnectors and primary equipment) – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	7/7 approve, 100%
210	August 5, 2025	214/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package "Overhaul of Steam Turbine No. 5 – auxiliary equipment; feedwater pumps; secondary cooling water system; Unit 5 circulating water system; common circulating water system (common circulating water pumps and related	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).

			equipment) – 2025 major repair plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	
211	August 5, 2025	215/NQ-HDQT	Resolution on the draft E-HSMT for the bidding package: “Major overhaul of Boiler No. 5 (Rotary Air Preheater branches A & B) and Medium overhaul of Boiler No. 6 (Rotary Air Preheater branches A & B)” – Major Repair Plan 2025 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
212	August 5, 2025	216/NQ-HDQT	Resolution on the approval of salary reclassification for the Company’s Managers.	7/7 approve, 100%
213	August 5, 2025	217/NQ-HDQT	Resolution on the promulgation of the Master Program on Prevention and Control of Corruption, Wastefulness and Negativity in 2025 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (PPC).	7/7 approve, 100%
214	August 13, 2025	218/NQ-HDQT	Resolution on the 2025 labor recruitment plan.	6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%)
215	August 13, 2025	219/NQ-HDQT	Resolution on the adjustment of the project name in Decision No. 3410/QĐ-PPC dated 30 June 2025 approving the investment research policy for the Hai Duong Flexible Power Plant Project.	7/7 approve, 100%
216	August 13, 2025	220/NQ-HDQT	Resolution on the assignment of concurrent duties as Company Secretary and Person in charge of Corporate Governance.	5/7 approved (71.43%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Dong) (14.29%).
217	August 13, 2025	221/NQ-HDQT	Resolution on the approval of concurrent appointment to the position of Director of the Project Management Board of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
218	August 13, 2025	222/NQ-HDQT	Resolution on PPC’s Authorized Representative at EVNI reporting and seeking opinions on the approval of the appointment of the General Director of EVN International Joint Stock Company (EVNI).	7/7 approve, 100%
219	August 23, 2025	223/NQ-HDQT	Resolution on the acceptance and appointment of the Company’s Chief Accountant.	7/7 approve, 100%

220	August 28, 2025	224/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the plan for restructuring and streamlining the organizational structure and management system of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
221	August 30, 2025	225/NQ-HDQT	Resolution on PPC's Authorized Representative at Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company (QTP) reporting on the production and business performance for the first six months of 2025 of QTP.	6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
222	August 30, 2025	226/NQ-HDQT	Resolution on PPC's Authorized Representative at Buon Don Hydropower Joint Stock Company (BSA) reporting and seeking opinions on the bank loan for additional working capital of BSA.	6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
223	August 30, 2025	227/NQ-HDQT	Resolution on the promulgation of the Regulation on management of science and technology activities of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
224	August 31, 2025	228/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for the bidding package "SCTX-2025-28 Supply of drive gears for the circulating pump of Absorber Tower 1FGD-P1A – Unit 2, 2025, Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	6/7 approved (85.71%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%).
225	September 3, 2025	229/NQ-HDQT	Resolution on the meeting of the Board of Directors for the second quarter of 2025 and the tasks for the third quarter of 2025.	7/7 approve, 100%
226	September 5, 2025	230/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection plan for the bidding package "Major overhaul of electrical equipment after Generator No. 5 (Generator circuit breaker 905) – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, 2025" as stated in Submission No. 2859/TTr-PPC dated 09 June 2025.	5/7 approved (71.43%); 2/7 disapproved (Mr. Dien and Mr. Hai) (28.57%).
227	September 5, 2025	231/NQ-HDQT	Resolution on the contractor selection result for the bidding package: Major overhaul of the preliminary water treatment system branches A and B and major overhaul of auxiliary low-voltage self-use systems – Water Treatment – Major Repair Plan 2024 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
228	September 5, 2025	232/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the list of banks with sufficient capacity and experience to participate in competitive interest rate bidding for term deposits (from 08 August 2025 to 08 September 2025).	7/7 approve, 100%

229	September 5, 2025	233/NQ-HDQT	Resolution on the approval of comments, assessments and proposed recommendations of PPC's Authorized Representative at BSA as stated in Document No. 807.	6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
230	September 16, 2025	234/NQ-HDQT	Resolution on raising no objection to the proposal in Document No. 16/ĐT dated 07 September 2025 of PPC's Authorized Representative at HND regarding the report on matters to be submitted to the Extraordinary General Meeting of Shareholders 2025 of HND.	5/7 approved (71.43%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Thanh) (14.29%).
231	September 21, 2025	235/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the list of banks with sufficient capacity and experience to participate in competitive interest rate bidding for term deposits at PPC, applicable for a monthly cycle from 09 September 2025 to 09 October 2025.	7/7 approve, 100%
232	September 26, 2025	236/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the contents of Report No. 4629/BC-PPC dated 26 August 2025 and Report No. 4943/BC-PPC dated 12 September 2025 of the Company's General Director.	5/7 approved (71.43%); 2/7 no opinion (Mr. Quyen and Mr. Hai) (28.57%).
233	September 27, 2025	237/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the amendments, supplements and repeal of certain provisions/clauses of the Internal Expenditure Regulations of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
234	September 27, 2025	238/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the proposal of PPC's Authorized Representative at EVNI regarding the report on the suspension of the overseas investment project of EVNI.	5/7 approved (71.43%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
235	September 27, 2025	239/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the Environmental Protection Regulations of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%

236	September 27, 2025	240/NQ-HDQT	Resolution on concurring with the opinion of PPC's Authorized Representative at Buon Don Hydropower Joint Stock Company (BSA) as stated in Document No. 926/HCLĐ dated 16 September 2025 regarding the plan for cash dividend payment for the 2024 fiscal year to shareholders of Buon Don Hydropower Joint Stock Company.	6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
237	September 27, 2025	241/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the investment policy for the project "Preparation of a Level-4 Information Security Dossier for the Plant Control System of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company".	7/7 approve, 100%
238	October 1, 2025	242/NQ-HDQT	Resolution on raising no objection to the comments, assessments and proposed recommendations of PPC's Authorized Representative at EVN International Joint Stock Company (EVNI) as stated in Document No. 221/TCKT dated 04 August 2025 regarding the report on the implementation of the plan and production and business performance for the first six months of 2025 of EVNI.	5/7 approved (71.43%); 1/7 disapproved (Mr. Dien) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
239	October 13, 2025	243/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the draft and authorizing the General Director to organize the signing of an MOU with BGRIMM to cooperate and seek opportunities for implementation of the Hai Duong Flexible Power Plant Project.	5/7 approved (71.43%); 2/7 no opinion (Mr. Quyen and Mr. Hai) (28.57%).
240	October 13, 2025	244/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the establishment of the Steering Committee for the implementation of science and technology development, innovation and digital transformation in the production and business activities of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
241	October 13, 2025	245/NQ-HDQT	Resolution on the promulgation of the Regulation on audit and supervision activities of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
242	October 13, 2025	246/NQ-HDQT	Resolution on the approval of the investment policy for the project: Construction of a Chemical Laboratory meeting ISO/IEC 17025:2017 standards at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
243	October 13, 2025	247/NQ-HDQT	Resolution on approving the Regulations on inspection and examination activities within Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%

244	October 15, 2025	249/NQ-HDQT	Resolution on implementing the conclusions of the Chairman of the Board of Directors of EVNGENCO2 as stated in Notice No. 3602/TB-EVNGENCO2.	5/7 approved (71.43%); 1/7 not approved (Mr. Quyen) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Hai) (14.29%).
245	October 16, 2025	250/NQ-HDQT	Resolution on the consolidation of the position of Head of the Internal Audit Department (IA).	7/7 approve, 100%
246	October 17, 2025	251/NQ-HDQT	Resolution on approving the payment of the remaining cash dividend for the year 2024.	7/7 approve, 100%
247	October 17, 2025	252/NQ-HDQT	Resolution on approving the expenditure from the Management Bonus Fund to reward company managers and the Controller from the 2024 bonus source.	7/7 approve, 100%
248	October 22, 2025	253/NQ-HDQT	Resolution on approving the list of banks with sufficient capacity and experience to participate in competitive interest rate bidding for term deposits at PPC, applicable to the monthly cycle from 10 October 2025 to 10 November 2025.	7/7 approve, 100%
249	October 22, 2025	254/NQ-HDQT	Resolution on approving the final settlement of investment capital for the completed project: “Emission Monitoring Station for Production Line 2 (Upgrade) – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	7/7 approve, 100%
250	October 27, 2025	255/NQ-HDQT	Resolution on establishing an Appraisal Team for approving adjustments to the investment policy approval of the project: “Conversion of auxiliary fuel usage from FO oil to DO oil for Production Line 1 and Production Line 2 – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company”.	7/7 approve, 100%
251	November 7, 2025	257/NQ-HDQT	Resolution on increasing the coal inventory norm for the fourth quarter of 2025 at Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.	7/7 approve, 100%
252	November 7, 2025	258/NQ-HDQT	Resolution on approval of the Regulations on office administration within Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 approve, 100%
253	November 13, 2025	259/NQ-HDQT	Resolution on assignment of duties to members of the Board of Directors of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company in charge of the Board’s fields of work	7/7 approve, 100%
254	November 19, 2025	260/NQ-HDQT	Resolution on approval of the Master Program on practicing thrift and combating waste in 2025 of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	6/7 approved (85.71%); 1/7 not approved (Mr. Dien) (14.29%).

255	November 20, 2025	261/NQ-HDQT	Resolution on approval of the list of banks with sufficient capacity and experience to participate in competitive interest rate quotations for term deposits (from 11 November 2025 to 11 December 2025)	7/7 approve, 100%
256	November 22, 2025	262/NQ-HDQT	Resolution on non-objection to the opinion of PPC's authorized capital representative at BSA stated in Document No. 1090/HCLĐ dated 03 November 2025 regarding the report on the plan to organize the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2025 of BSA	5/7 approved (71.43%); 1/7 not approved (Mr. Dien) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
257	November 28, 2025	263/NQ-HDQT	Resolution on supplementing the work item "Design of the battery monitoring system and DC ground fault monitoring system for Unit 2" into the 2025 Construction Investment Plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 approve, 100%
258	November 28, 2025	264/NQ-HDQT	Resolution on promulgating the Regulations on management of science and technology activities in Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (amended and supplemented)	7/7 approve, 100%
259	November 28, 2025	265/NQ-HDQT	Resolution on approving the Regulations on training and human resource development in the Company	7/7 approve, 100%
260	December 1, 2025	266/NQ-HDQT	Resolution on approving the opinions of PPC's Authorized Representative at EVNI regarding the approval of the final accounts of completed investment capital for two projects and the dismissal of a member of the Supervisory Board of EVNI	- Approval of the final settlement of completed investment capital for two projects: 6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%). - Dismissal of a member of the Supervisory Board of EVNI: 7/7 approved (100%).
261	December 8, 2025	267/NQ-HDQT	Resolution on re-establishing the Steering Committee and Supporting Team for the	7/7 approve, 100%

			formulation and implementation of the annual major overhaul plan of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	
262	December 11, 2025	268/NQ-HDQT	Resolution on approving salary grade promotion for the Deputy General Director of the Company	7/7 approve, 100%
263	December 11, 2025	269/NQ-HDQT	Resolution on approving the policy for selecting a production and business plan in line with the electricity market for Pha Lai 1 Power Plant – Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	5/7 approved (71.43%); 2/7 not approved (Mr. Quyen and Mr. Hai) (28.57%).
264	December 11, 2025	270/NQ-HDQT	Resolution on approval of the Regulation on asset management, capital sources and capital mobilization of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 approve, 100%
265	December 12, 2025	271/NQ-HDQT	Resolution on approval and promulgation of the Regulation on major repair of fixed assets of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 approve, 100%
266	December 12, 2025	272/NQ-HDQT	Resolution on directing the Capital Representative of PPC at QTP to vote for approval of the final investment settlement of the Quang Ninh 2 Thermal Power Plant Project	7/7 approve, 100%
267	December 15, 2025	273/NQ-HDQT	Resolution on approval of the Regulation on emulation and commendation of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 approve, 100%
268	December 18, 2025	275/NQ-HDQT	Resolution on approval of the Procedure for development of norms and unit prices of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	7/7 approve, 100%
269	December 19, 2025	276/NQ-HDQT	Resolution on approval of the increase in coal inventory norms for December 2025	7/7 approve, 100%
270	December 19, 2025	277/NQ-HDQT	Resolution on approval of the list of qualified and experienced banks to participate in competitive interest rate quotation for term deposits (from 12 December 2025 to 12 January 2026)	7/7 approve, 100%
271	December 19, 2025	278/NQ-HDQT	Resolution on approval of the organizational model and personnel arrangement plan of the Maintenance Services Center	5/7 approved (71.43%); 1/7 not approved (Mr. Dien) (14.29%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
272	December 19, 2025	279/NQ-HDQT	Resolution on directing the Capital Representative of PPC at EVNI to vote at the Extraordinary General Meeting of Shareholders 2025 of EVNI	7/7 approve, 100%
273	December 23, 2025	280/NQ-HDQT	Resolution on approval of the review and supplementation results of the personnel planning	6/7 approved (85.71%); 1/7

			for positions under Company management for the periods 2021–2026 and 2026–2031	not approved (Mr. Dien) (14.29%).
274	December 24, 2025	281/NQ-HDQT	Resolution on approval of the opinion of the Capital Representative of PPC at Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company (QTP) regarding voting for provisional approval of the 2026 production and business plan of QTP	6/7 approved (85.71%); 1/7 no opinion (Mr. Quyen) (14.29%).
275	December 26, 2025	282/NQ-HDQT	Resolution on approval of the labor and salary plan for electricity production and business activities in 2025 for employees and the Executive Management Board	5/7 approved (71.43%); 2/7 not approved (Mr. Quyen and Mr. Hai) (28.57%).
276	December 28, 2025	283/NQ-HDQT	Resolution on approval of the addition of one qualified and experienced credit institution to participate in competitive interest rate quotation for term deposits, applicable for a one-month period from 12 December 2025 to 12 January 2026	7/7 approve, 100%



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Quốc Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Diện	Thành viên
Ông Ngô Nguyên Đồng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Kiên Quyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Nguyên Đồng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2025)
Ông Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025)



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Km 28, Quốc lộ 18, phường Chí Linh, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Hải
Thành viên Hội đồng Quản trị/
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 0023 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2023-001-1

Nguyễn Tiến Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.490.349.536.763	2.730.492.704.426
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	395.414.669.779	25.465.520.493
1. Tiền	111		20.414.669.779	25.465.520.493
2. Các khoản tương đương tiền	112		375.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	14	40.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.102.042.818.563	1.837.988.295.371
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.063.153.504.238	1.702.305.233.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.879.459.595	1.030.993.377
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.009.854.730	137.673.372.698
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(3.021.304.520)
IV. Hàng tồn kho	140	9	725.512.954.061	682.317.977.951
1. Hàng tồn kho	141		788.458.633.286	747.633.233.232
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(62.945.679.225)	(65.315.255.281)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		227.379.094.360	184.720.910.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.843.037.757	1.023.477.990
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		218.222.041.285	160.178.312.895
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	7.314.015.318	23.519.119.726
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.756.255.038.607	2.803.195.464.705
I. Tài sản cố định	220		192.968.293.380	219.362.891.872
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	191.977.519.762	219.096.718.936
- Nguyên giá	222		13.622.894.262.054	13.614.955.984.174
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.430.916.742.292)	(13.395.859.265.238)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	990.773.618	266.172.936
- Nguyên giá	228		61.419.124.730	60.334.919.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.428.351.112)	(60.068.746.294)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.487.191.217	25.939.603.933
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	26.487.191.217	25.939.603.933
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	2.495.424.187.550	2.497.440.887.550
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(40.474.700.000)	(38.458.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		41.375.366.460	60.452.081.350
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	32.756.079.756	51.276.740.340
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		631.897.970	460.648.447
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9	7.987.388.734	8.714.692.563
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.246.604.575.370	5.533.688.169.131

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		780.223.778.402	1.009.356.204.934
I. Nợ ngắn hạn	310		780.223.778.402	1.009.356.204.934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	663.788.686.477	798.613.428.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.523.350	350.501.682
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	13.729.921.186	11.851.798.718
4. Phải trả người lao động	314		52.033.753.641	96.919.991.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.767.023.191	4.438.953.206
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.639.544.038	74.253.167.209
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	37.257.326.519	22.928.363.969
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.466.380.796.968	4.524.331.964.197
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	4.466.380.796.968	4.524.331.964.197
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.692.500.615	11.692.500.615
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		320.797.352.920	302.424.679.411
4. Cổ phiếu quỹ	415		(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		768.728.447.071	658.981.464.619
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		190.200.865.081	376.271.688.271
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		25.021.366.949	13.328.779.202
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		165.179.498.132	362.942.909.069
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.246.604.575.370	5.533.688.169.131

Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu

Phạm Hồng Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	22	6.565.825.977.006	7.681.064.352.700
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		6.565.825.977.006	7.681.064.352.700
3. Giá vốn hàng bán	11	23	6.312.930.648.665	7.453.083.514.206
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		252.895.328.341	227.980.838.494
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	46.447.348.298	326.675.392.336
6. Chi phí tài chính	22		2.044.035.022	3.120.557.355
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	480.124.143
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	103.159.644.136	140.198.970.406
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		194.138.997.481	411.336.703.069
9. Thu nhập khác	31		3.510.441.970	27.958.165.428
10. Chi phí khác	32		2.520.098.561	1.154.868.345
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		990.343.409	26.803.297.083
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		195.129.340.890	438.140.000.152
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	30.121.092.281	11.374.718.083
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(171.249.523)	(300.237.800)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		165.179.498.132	427.065.519.869
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28		1.443


Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu


Phạm Hồng Vân
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	195.129.340.890	438.140.000.152
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	46.164.139.210	57.802.059.385
Các khoản dự phòng	03	(8.794.299.313)	(3.218.672.482)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(46.903.507.313)	(326.675.392.336)
Chi phí lãi vay	06	-	480.124.143
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	185.595.673.474	166.528.118.862
Thay đổi các khoản phải thu	09	407.484.651.003	98.489.335.287
Thay đổi hàng tồn kho	10	(34.677.977.488)	33.044.915.380
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(63.626.354.187)	253.359.338.752
Thay đổi chi phí trả trước	12	17.701.100.817	(11.555.675.817)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(480.124.143)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	62.000.000	62.720.300
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(45.551.175.463)	(46.315.923.057)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	466.987.918.156	493.132.705.564
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.667.933.223)	(5.431.851.707)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	456.159.015	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	100.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	173.470.290.613	303.071.808.690
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	127.258.516.405	397.639.956.983

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(224.297.285.275)	(888.793.070.072)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(224.297.285.275)</i>	<i>(888.793.070.072)</i>
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	369.949.149.286	1.979.592.475
 Tiền đầu năm	60	25.465.520.493	23.485.928.018
 Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	395.414.669.779	25.465.520.493


Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu


Phạm Hồng Văn
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006, sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023.

Ngày 26 tháng 01 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 01 năm 2007, với mã chứng khoán là PPC.

Chủ sở hữu của Công ty là Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO2).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 706 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 719 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình điện
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ- nhiệt điện
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty liên kết) là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002, sửa đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 7 năm 2021. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của công ty đặt tại Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương

pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kì. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với khối sản xuất kinh doanh) và phương pháp thực tế đích danh (đối với khối xây dựng cơ bản).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 35
Máy móc, thiết bị	05 - 36
Phương tiện vận tải	10 - 17
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu bao gồm giá trị phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị phần mềm được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn theo thực tế phát sinh. Chi phí sửa chữa lớn này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí sửa chữa lớn của các công trình sửa chữa chưa hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn, giá trị các công cụ, dụng cụ, vật tư và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư thiết bị đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện), có xác nhận của khách hàng và giá bán điện đã được thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	69.803.481	187.057.062
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.344.866.298	25.278.463.431
Các khoản tương đương tiền (*)	375.000.000.000	-
	395.414.669.779	25.465.520.493

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng mức lãi suất từ 2,1% đến 2,4%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.059.831.358.550	1.697.793.298.497
Khác	3.322.145.688	4.511.935.319
	1.063.153.504.238	1.702.305.233.816
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	1.059.831.358.550	1.697.793.298.497
(Chi tiết tại Thuyết minh số 29)		

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thanh An	18.677.287.218	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang	6.978.021.090	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật PHATECO	2.353.983.250	-
Các nhà cung cấp khác	1.870.168.037	1.030.993.377
	29.879.459.595	1.030.993.377

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức được chia	5.013.915.060	132.626.610.800
Tạm ứng cho nhân viên	1.587.100.000	840.500.000
Khác	2.408.839.670	4.206.261.898
	9.009.854.730	137.673.372.698
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	5.013.915.060	132.626.610.800
(Chi tiết tại Thuyết minh số 29)		

9. HÀNG TỒN KHO

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	786.316.996.070	(61.339.079.202)	744.795.827.572	(63.704.145.427)
Công cụ, dụng cụ	2.115.032.462	(1.606.600.023)	2.810.800.906	(1.611.109.854)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.604.754	-	26.604.754	-
	788.458.633.286	(62.945.679.225)	747.633.233.232	(65.315.255.281)

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	148.945.400.064	(140.958.011.330)	155.092.822.630	(146.378.130.067)
	148.945.400.064	(140.958.011.330)	155.092.822.630	(146.378.130.067)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 7.789.694.793 VND (năm trước: 5.831.672.482 VND) cho các mặt hàng đã được trích lập dự phòng từ các năm trước và xuất vào sử dụng trong năm.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	1.708.812.563.537	11.707.435.469.081	117.277.602.551	73.847.916.985	7.582.432.020	13.614.955.984.174
Mua sắm trong năm	-	319.733.438	4.380.954.546	1.814.517.517	-	6.515.205.501
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	12.862.093.037	-	-	-	12.862.093.037
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.863.167.664)	(1.769.306.484)	(618.691.728)	(1.187.854.782)	(11.439.020.658)
Số dư cuối năm	1.708.812.563.537	11.712.754.127.892	119.889.250.613	75.043.742.774	6.394.577.238	13.622.894.262.054
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	1.597.982.725.227	11.629.209.103.303	91.325.140.104	70.539.881.198	6.802.415.406	13.395.859.265.238
Khấu hao trong năm	21.337.233.888	17.624.402.132	5.187.372.657	1.951.585.563	395.903.472	46.496.497.712
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.863.167.664)	(1.769.306.484)	(618.691.728)	(1.187.854.782)	(11.439.020.658)
Số dư cuối năm	1.619.319.959.115	11.638.970.337.771	94.743.206.277	71.872.775.033	6.010.464.096	13.430.916.742.292
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	110.829.838.310	78.226.365.778	25.952.462.447	3.308.035.787	780.016.614	219.096.718.936
Tại ngày cuối năm	89.492.604.422	73.783.790.121	25.146.044.336	3.170.967.741	384.113.142	191.977.519.762

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 12.818.658.960.936 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12.797.582.558.041 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	2.920.017.598	60.334.919.230
Tăng trong năm	-	1.084.205.500	1.084.205.500
Số dư cuối năm	57.414.901.632	4.004.223.098	61.419.124.730
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	2.653.844.662	60.068.746.294
Khấu hao trong năm	-	359.604.818	359.604.818
Số dư cuối năm	57.414.901.632	3.013.449.480	60.428.351.112
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	266.172.936	266.172.936
Tại ngày cuối năm	-	990.773.618	990.773.618

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 60.334.919.230 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 58.779.496.632 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1	9.381.043.359	9.381.043.359
Chi phí quản lý dự án	5.550.278.491	5.550.278.491
Hệ thống khử khí NOx, SOx dây chuyền 2	3.893.580.616	3.893.580.616
Các công trình khác	7.662.288.751	7.114.701.467
	26.487.191.217	25.939.603.933

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vật tư thiết bị dài hạn xuất dùng	18.033.658.733	43.027.593.933
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	11.426.445.167	2.071.450.868
Công cụ, dụng cụ	1.788.178.140	6.074.243.129
Khác	1.507.797.716	103.452.410
	32.756.079.756	51.276.740.340

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm (*)	40.000.000.000	-
	40.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng hưởng mức lãi suất 3,4%/năm.

b) Dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055.770.150	-	1.415.365.000.000	1.451.055.770.150	-	1.675.065.000.000
(i)						
	1.451.055.770.150	-	1.415.365.000.000	1.451.055.770.150	-	1.675.065.000.000

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động kinh doanh có lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b. Đầu tư vào các đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	-	852.214.417.071	817.295.117.400	-	1.030.222.074.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam	100.000.000.000	-	291.275.167.750	100.000.000.000	-	304.283.573.300
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	70.800.000.000	-	186.204.000.000	70.800.000.000	-	154.344.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	50.250.000.000	-	157.413.150.000	50.250.000.000	-	152.622.315.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	46.498.000.000 (40.474.700.000)		6.023.300.000	46.498.000.000 (38.458.000.000)		8.040.000.000
	1.084.843.117.400 (40.474.700.000)		1.493.130.034.821	1.084.843.117.400 (38.458.000.000)		1.649.511.962.300

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 29.

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán nơi cổ phiếu được giao dịch tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/	Giá trị/
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc Phòng	352.844.224.638	82.780.514.139
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	157.660.599.527	537.760.882.899
Viện Nghiên cứu Cơ khí	52.431.044.567	56.574.692.021
Công ty Cổ phần Khoa học Kỹ thuật Châu Á	29.207.831.070	-
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 Phả Lại	26.779.440.328	18.751.677.708
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	10.152.740.288	25.198.116.751
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	-	12.963.433.499
Khác	34.712.806.059	39.385.994.646
	663.788.686.477	798.613.428.414

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	487.597.368.036	487.597.368.036	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.519.119.726)	30.121.092.281	-	6.601.972.555
Thuế thu nhập cá nhân	4.305.676.718	10.920.211.050	13.955.481.348	1.270.406.420
Thuế tài nguyên	7.546.122.000	80.006.496.660	81.741.846.060	5.810.772.600
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	16.666.663.000	16.666.663.000	-
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	10.362.151.448	17.676.166.766	(7.314.015.318)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	360.250.937	313.481.326	46.769.611
	(11.667.321.008)	636.034.233.412	617.951.006.536	6.415.905.868
Trong đó:				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	23.519.119.726			7.314.015.318
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.851.798.718			13.729.921.186

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cố tức chưa chi trả	5.730.618.716	69.721.376.991
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.908.925.322	4.531.790.218
	7.639.544.038	74.253.167.209
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	2.540.138.381	33.278.379.200

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	22.928.363.969	21.977.636.453
Tăng trong năm	60.572.101.333	45.615.893.593
Giảm trong năm	(46.243.138.783)	(44.665.166.077)
Sử dụng trong năm	(45.551.175.463)	(43.973.202.757)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm	(691.963.320)	(691.963.320)
Số dư cuối năm	37.257.326.519	22.928.363.969

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày							
31 tháng 12 năm 2024							
Số dư đầu năm	3.262.350.000.000	11.692.500.615	298.170.049.781	(87.388.368.719)	619.581.459.281	906.411.942.763	5.010.817.583.721
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	427.065.519.869	427.065.519.869
Trích Quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	-	43.654.634.968	(43.654.634.968)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(47.895.893.593)	(47.895.893.593)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	-	(801.532.635.000)	(801.532.635.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	-	(64.122.610.800)	(64.122.610.800)
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	4.254.629.630	-	(4.254.629.630)	-	-
Số dư cuối năm	3.262.350.000.000	11.692.500.615	302.424.679.411	(87.388.368.719)	658.981.464.619	376.271.688.271	4.524.331.964.197
Cho năm tài chính kết thúc ngày							
31 tháng 12 năm 2025							
Số dư đầu năm	3.262.350.000.000	11.692.500.615	302.424.679.411	(87.388.368.719)	658.981.464.619	376.271.688.271	4.524.331.964.197
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	165.179.498.132	165.179.498.132
Trích Quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	-	128.119.655.961	(128.119.655.961)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(60.510.101.333)	(60.510.101.333)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 (iii)	-	-	-	-	-	(160.306.527.000)	(160.306.527.000)
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	18.372.673.509	-	(18.372.673.509)	-	-
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	(2.314.037.028)	(2.314.037.028)
Số dư cuối năm	3.262.350.000.000	11.692.500.615	320.797.352.920	(87.388.368.719)	768.728.447.071	190.200.865.081	4.466.380.796.968

- (i) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25 tháng 6 năm 2025 đã thông qua phương án trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 với số tiền lần lượt là 128.119.655.961 VND và 60.510.101.333 VND.
- (ii) Ngày 25 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT thông qua tờ trình số 2773/TTr-PPC ngày 04 tháng 6 năm 2025 về xử lý chi phí chuẩn bị đầu tư dự án dừng vĩnh viễn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.
- (iii) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25 tháng 6 năm 2025 đã thông qua phương án trả cổ tức còn lại năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ thực hiện 5%. Theo đó, tổng số tiền thực hiện chi trả là 160.306.527.000 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	VND	%	Số lượng cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%
Công ty TNHH Năng lượng REE	64.494.960	644.949.600.000	20,11%	77.396.260	773.962.600.000	24,14%
Các cổ đông khác	89.726.198	897.261.980.000	27,99%	76.824.898	768.248.980.000	23,96%
	320.613.054	3.206.130.540.000	100%	320.613.054	3.206.130.540.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Số cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.206.130.540.000	320.613.054	3.206.130.540.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phải thu từ Công ty TNHH Bê Tông Asean Hà Nội	150.190.114	150.190.114
	150.190.114	150.190.114

Tài sản thuê ngoài

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Trong vòng 1 năm	24.380.051.040	24.380.051.040
Từ hai đến năm năm	97.520.204.160	97.520.204.160
Sau năm năm	625.754.643.893	650.134.694.933
	747.654.899.093	772.034.950.133

21. BẢO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đều liên quan đến hoạt sản xuất, kinh doanh điện năng. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty chỉ có bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý là Việt Nam.

22. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện	6.538.113.651.856	7.657.917.307.866
Doanh thu khác	27.712.325.150	23.147.044.834
	6.565.825.977.006	7.681.064.352.700
Trong đó:	6.536.919.478.101	7.656.675.282.029
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)		

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	5.435.075.448.464	6.628.662.316.826
Chi phí nhân công	188.083.580.404	241.248.852.178
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	209.428.225.491	194.270.950.125
Chi phí sửa chữa, bảo trì thường xuyên TSCĐ	235.561.757.645	132.119.226.123
Chi phí thuế, phí và lệ phí	96.673.159.660	100.899.347.080
Chi phí điện mua ngoài	66.370.671.496	63.663.606.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.895.462.299	53.667.422.855
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.789.694.793)	(5.831.672.482)
Khác	46.632.037.999	44.383.465.449
	6.312.930.648.665	7.453.083.514.206

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.435.075.448.464	6.628.662.316.826
Chi phí nhân công và nhân viên	234.448.484.917	301.733.814.785
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	444.989.983.136	326.390.176.248
Chi phí khấu hao và phân bổ	45.948.323.794	57.586.243.969
Chi phí thuế, phí và lệ phí	107.186.341.182	125.997.959.085
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu	(10.810.999.313)	(5.831.672.482)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.748.586.334	71.116.384.027
Chi phí khác	86.504.124.287	87.627.262.154
	6.416.090.292.801	7.593.282.484.612

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.219.713.638	1.145.829.286
Thu nhập từ cổ tức	45.227.634.660	325.529.563.050
	46.447.348.298	326.675.392.336

Thu nhập từ cổ tức chủ yếu phản ánh các khoản cổ tức được chia từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các công ty khác - các bên liên quan (Thuyết minh số 29).

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	46.364.904.513	60.484.962.607
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.052.861.495	3.918.821.114
Chi phí thuế, phí và lệ phí	10.513.181.522	25.098.612.005
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(3.021.304.520)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.377.914.838	7.452.777.975
Chi phí khác	39.872.086.288	43.243.796.705
	103.159.644.136	140.198.970.406

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	30.121.092.281	11.374.718.083
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(171.249.523)	-
Điều chỉnh giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(300.237.800)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	29.949.842.758	11.074.480.283

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	195.129.340.890	438.140.000.152
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(45.227.634.660)	(325.529.563.050)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(3.234.120.835)	(3.428.984.161)
Trừ: Thu nhập phạt hợp đồng đã tính thuế các năm trước ghi nhận trên giá trị hàng tồn kho xuất trong năm 2025	(419.469.657)	(260.514.122)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.638.662.692	866.707.855
Cộng: Thu nhập phạt hợp đồng ghi nhận trên giá trị hàng tồn kho	856.247.615	1.761.703.120
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	862.435.360	-
Chuyển lỗ	-	(54.675.759.378)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	150.605.461.405	56.873.590.416
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	30.121.092.281	11.374.718.083

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	165.179.498.132	427.065.519.869
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(60.510.101.333)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	165.179.498.132	366.555.418.536
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	320.613.054	320.613.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	515	1.143

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25 tháng 6 năm 2025, cụ thể như sau:

	Năm trước (Số liệu đã báo cáo)	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	427.065.519.869	427.065.519.869
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(60.510.101.333)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	427.065.519.869	366.555.418.536
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	320.613.054	320.613.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.332	1.143

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Mua bán điện	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Dương)	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc	Đơn vị cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần	Công ty liên kết của công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
Bán điện		
Công ty Mua bán điện	6.536.919.478.101	7.656.675.282.029
	6.536.919.478.101	7.656.675.282.029
Mua hàng		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	62.304.635.264	57.035.535.522
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần	5.155.574.112	-
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 4	1.815.256.842	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)	969.707.291	-
Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc	861.400.000	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	831.893.007	80.626.495
Công ty điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc	198.623.005	77.418.084
Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	82.455.556	-
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	43.056.000	-
	72.262.601.077	57.193.580.101
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	15.041.745.060	10.027.830.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	14.717.458.200	128.777.759.250
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	12.985.000.000	130.109.700.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	2.262.331.400	38.459.633.800
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	221.100.000	1.870.640.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	-	16.284.000.000
	45.227.634.660	325.529.563.050
Chia cổ tức		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	33.278.379.200	33.279.635.005
Công ty TNHH Năng lượng REE	12.879.252.000	-
	46.157.631.200	33.279.635.005

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Mua bán điện	1.059.831.358.550	1.697.793.298.497
	1.059.831.358.550	1.697.793.298.497
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn đôn	5.013.915.060	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	73.587.291.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	38.955.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	-	15.836.319.800
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	-	4.248.000.000
	5.013.915.060	132.626.610.800
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4	1.726.477.390	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)	469.708.991	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	343.952.000	-
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	-	33.278.379.200
	2.540.138.381	33.278.379.200
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.531.414.234	3.882.394.010
	5.531.414.234	3.882.394.010
Thu nhập của người quản lý chuyên trách		
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị	1.686.086.300	1.090.948.000
Ông Mai Quốc Long	720.190.000	578.627.700
Ông Nguyễn Quang Quyền	118.212.000	96.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	118.212.000	96.000.000
Ông Ngô Nguyên Đồng	551.250.200	266.720.300
Ông Nguyễn Văn Thanh	118.212.000	53.600.000
Ông Nguyễn Xuân Điện	60.010.100	-
Ông Vũ Xuân Dũng	-	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, (Quyền Kế toán trưởng)	2.734.478.060	1.314.171.100
Ông Nguyễn Hoàng Hải	769.246.304	556.952.200
Thành viên khác Ban Tổng Giám đốc	1.649.129.904	493.338.800
Ông Phạm Hồng Văn - Kế toán trưởng	118.757.700	-
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh - Quyền kế toán trưởng (đến ngày 23 tháng 8 năm 2025)	197.344.152	263.880.100
Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát	1.022.239.077	907.625.100
Trưởng Ban Kiểm soát	417.895.400	502.394.700
Thành viên khác	604.343.677	405.230.400

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT THUÊ

Cam kết thuê chủ yếu phản ánh hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như đã trình bày ở Thuyết minh số 20.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 5.013.915.060 VND (năm trước: 132.626.610.800 VND), là số tiền cổ tức được chia mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Cổ đông trong năm không bao gồm 5.730.618.716 VND (năm trước: 69.721.376.991 VND), là số tiền cổ tức chia cho các cổ đông theo các quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng Quản trị mà chưa thực hiện chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG

Trong năm 2023, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của Công ty trong thời hạn 12 tháng, thời điểm đình chỉ hoạt động kể từ ngày Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") giao nhiệm vụ, đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác cung ứng điện thay thế nguồn điện huy động từ Công ty. Hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty đang tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục vi phạm về môi trường, cụ thể như sau:

- Công ty đã hoàn thành đại tu các hệ thống lọc bụi của 07 lò hơi của dây chuyền 1, khắc phục một phần vi phạm về bụi khí thải;
- Công ty đang triển khai kế hoạch cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý khí thải và kế hoạch hoàn thành việc cải tạo nâng cấp trong năm 2026 đối với các tổ máy của dây chuyền 2.

Theo hợp đồng mua bán điện đã ký với Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty đã có thỏa thuận bán điện đến năm 2031. Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất điện theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm 2026. Ngoài ra, Công ty đã thu thập và đánh giá các thông tin về nhu cầu sử dụng, khả năng cung ứng điện năng cũng như các thông tin liên quan đến lưới điện truyền tải, cơ cấu nguồn điện tương quan với tình hình phát triển kinh tế xã hội cho giai đoạn 2021-2050 để xem xét về khả năng hoạt động của nhà máy điện trong dài hạn.

Công ty cũng đã thực hiện các thủ tục để đề xuất các cơ quan có thẩm quyền bổ sung dự án chuyển đổi sử dụng nhiên liệu than sang đốt kèm sinh khối, amoniac cho Dây chuyền 1 và Dây chuyền 2 vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã phê duyệt danh mục các Nhà máy điện linh hoạt bao gồm Dự án điện khí linh hoạt của Công ty với công suất dự kiến của Dự án là 1200 MW và giai đoạn vận hành từ năm 2025 đến năm 2035. Ngày 26 tháng 6 năm 2025, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua chủ trương nghiên cứu đầu tư dự án Nhà máy điện linh hoạt 1.200 MW. Công ty đang thực hiện thuê tư vấn khảo sát và lập báo cáo đề xuất đầu tư dự án. Ban lãnh đạo đã đánh giá và tin tưởng rằng nhà máy điện sẽ vẫn được huy động trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu điện năng cho tới khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Công ty có đủ nguồn lực cần thiết để thực hiện các phương án nêu trên.


Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu


Phạm Hồng Văn
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2026



PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY
(Incorporated in the Socialist Republic of Vietnam)

**AUDITED FINANCIAL
STATEMENTS**

For the year ended 31 December 2025



TABLE OF CONTENTS

CONTENTS	PAGE(S)
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	1 - 2
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	3 - 4
BALANCE SHEET	5 - 6
INCOME STATEMENT	7
CASH FLOW STATEMENT	8 - 9
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS	10 - 30



STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (Continued)

The Board of Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these separate financial statements.

For and on behalf of the Board of Management,



Nguyen Hoang Hai
Member of Board of Directors/Chief
Executive Officer

30 March 2025

No.: 0928 /VN1A-HN-BC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: The Shareholders
The Board of Directors and Board of Management
of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company**

We have audited the accompanying separate financial statements of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 30 March 2026 as set out from page 05 to page 30, which comprise the balance sheet as at 31 December 2025, and the statement of income, statement of cash flows for the year then ended and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.

The Board of Management' Responsibility for the separate Financial Statements

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of separate financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these separate financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the separate financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the separate financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the separate financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the separate financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the separate financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (Continued)

Opinion

In our opinion, the separate financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2025, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.



Phan Ngọc Anh

Audit Partner

Audit Practising Registration Certificate

No. 1101-2023-001-1

Nguyen Tien Quoc

Auditor

Audit Practising Registration Certificate

No. 3008-2024-001-1

DELOITTE VIETNAM AUDIT COMPANY LIMITED

30 March 2026

Hanoi, S.R. Vietnam

BALANCE SHEET
As at 31 December 2025

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	100		2,490,349,536,763	2,730,492,704,426
I. Cash and cash equivalents	110	5	395,414,669,779	25,465,520,493
1. Cash	111		20,414,669,779	25,465,520,493
2. Cash equivalents	112	14	375,000,000,000	-
II. Short-term financial investments	120		40,000,000,000	
1. Held-to-maturity investments	123		40,000,000,000	-
III. Short-term receivables	130		1,102,042,818,563	1,837,988,295,371
1. Short-term trade receivables	131	6	1,063,153,504,238	1,702,305,233,816
2. Short-term advances to suppliers	132		29,879,459,595	1,030,993,377
3. Other short-term receivables	136	8	9,009,854,730	137,673,372,698
4. Provision for short-term doubtful debts	137		-	(3,021,304,520)
IV. Inventories	140	9	725,512,954,061	682,317,977,951
1. Inventories	141		788,458,633,286	747,633,233,232
2. Provision for devaluation of inventories	149		(62,945,679,225)	(65,315,255,281)
V. Other short-term assets	150		227,379,094,360	184,720,910,611
1. Short-term prepayments	151		1,843,037,757	1,023,477,990
2. Value added tax deductibles	152		218,222,041,285	160,178,312,895
3. Taxes and other receivables from the State budget	153	16	7,314,015,318	23,519,119,726
B. NON-CURRENT ASSETS	200		2,756,255,038,607	2,803,195,464,705
I. Fixed assets	220		192,968,293,380	219,362,891,872
1. Tangible fixed assets	221	10	191,977,519,762	219,096,718,936
- Cost	222		13,622,894,262,054	13,614,955,984,174
- Accumulated depreciation	223		(13,430,916,742,292)	(13,395,859,265,238)
2. Intangible assets	227	11	990,773,618	266,172,936
- Cost	228		61,419,124,730	60,334,919,230
- Accumulated amortisation	229		(60,428,351,112)	(60,068,746,294)
II. Long-term assets in progress	240		26,487,191,217	25,939,603,933
1. Construction in progress	242	12	26,487,191,217	25,939,603,933
III. Long-term financial investments	250	14	2,495,424,187,550	2,497,440,887,550
1. Investments in joint-ventures, associates	252		1,451,055,770,150	1,451,055,770,150
2. Equity investments in other entities	253		1,084,843,117,400	1,084,843,117,400
3. Provision for impairment of long-term financial investments	254		(40,474,700,000)	(38,458,000,000)
IV. Other long-term assets	260		41,375,366,460	60,452,081,350
1. Long-term prepayments	261	13	32,756,079,756	51,276,740,340
2. Deferred tax assets	262		631,897,970	460,648,447
3. Long-term reserved spare parts	263	9	7,987,388,734	8,714,692,563
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		5,246,604,575,370	5,533,688,169,131

The accompany notes are an integral part of these financial statements

BALANCE SHEET (Continued)

As at 31 December 2025

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	300		780,223,778,402	1,009,356,204,934
I. Current liabilities	310		780,223,778,402	1,009,356,204,934
1. Short-term trade payables	311	15	663,788,686,477	798,613,428,414
2. Short-term advances from customers	312		7,523,350	350,501,682
3. Taxes and amounts payable to the State budget	313	16	13,729,921,186	11,851,798,718
4. Payables to employees	314		52,033,753,641	96,919,991,736
5. Short-term accrued expenses	315		5,767,023,191	4,438,953,206
6. Other current payables	319	17	7,639,544,038	74,253,167,209
7. Bonus and welfare funds	322	18	37,257,326,519	22,928,363,969
D. EQUITY	400		4,466,380,796,968	4,524,331,964,197
I. Owners' equity	410	19	4,466,380,796,968	4,524,331,964,197
1. Owner's contributed capital	411		3,262,350,000,000	3,262,350,000,000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		3,262,350,000,000	3,262,350,000,000
2. Share premium	412		11,692,500,615	11,692,500,615
3. Other owners' capital	414		320,797,352,920	302,424,679,411
4. Treasury shares	415		(87,388,368,719)	(87,388,368,719)
5. Investment and development fund	418		768,728,447,071	658,981,464,619
6. Retained earnings	421		190,200,865,081	376,271,688,271
- Retained earnings accumulated to the prior year end	421a		25,021,366,949	13,328,779,202
- Retained earnings of the current year	421b		165,179,498,132	362,942,909,069
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		5,246,604,575,370	5,533,688,169,131

Nguyen Duc Tam
Preparer

Pham Hong Van
Chief Accountant

Nguyen Hoang Hai
Chief Executive Officer

31 March 2026

The accompany notes are an integral part of these financial statements

INCOME STATEMENT

For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Current year	Prior year
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01	22	6,565,825,977,006	7,681,064,352,700
2. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01)	10		6,565,825,977,006	7,681,064,352,700
3. Cost of sales	11	23	6,312,930,648,665	7,453,083,514,206
4. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		252,895,328,341	227,980,838,494
5. Financial income	21	25	46,447,348,298	326,675,392,336
6. Financial expenses	22		2,044,035,022	3,120,557,355
- In which: Interest expense	23		-	480,124,143
7. General and administration expenses	26	26	103,159,644,136	140,198,970,406
8. Operating profit (30=20+(21-22)- 26)	30		194,138,997,481	411,336,703,069
9. Other income	31		3,510,441,970	27,958,165,428
10. Other expenses	32		2,520,098,561	1,154,868,345
11. Profit from other activities (40=31-32)	40		990,343,409	26,803,297,083
12. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		195,129,340,890	438,140,000,152
13. Current corporate income tax expense	51	27	30,121,092,281	11,374,718,083
14. Deferred corporate tax income	52	27	(171,249,523)	(300,237,800)
15. Net profit after corporate income tax (60=50-51-52)	60		165,179,498,132	427,065,519,869
16. Basic earnings per share	70	28	515	1,443


 Nguyen Duc Tam
Preparer


 Pham Hong Van
Chief Accountant


 Nguyen Hoang Hai
Chief Executive Officer

30 March 2026

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

CASH FLOW STATEMENT
For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. <i>Profit before tax</i>	01	195,129,340,890	438,140,000,152
2. <i>Adjustments for:</i>			
Depreciation and amortisation of fixed assets	02	46,164,139,210	57,802,059,385
Provisions	03	(8,794,299,313)	(3,218,672,482)
Gain from investing activities	05	(46,903,507,313)	(326,675,392,336)
Interest expense	06	-	480,124,143
3. <i>Operating profit/(loss) before movements in working capital</i>	08	185,595,673,474	166,528,118,862
Decrease/(increase) in receivables	09	407,484,651,003	98,489,335,287
Decrease/(increase) in inventories	10	(34,677,977,488)	33,044,915,380
Increases in payables (excluding accrued loan interest and corporate income tax payable)	11	(63,626,354,187)	253,359,338,752
Increases in prepaid expenses	12	17,701,100,817	(11,555,675,817)
Interest paid	14	-	(480,124,143)
Other cash inflows	16	62,000,000	62,720,300
Other cash outflows	17	(45,551,175,463)	(46,315,923,057)
<i>Net cash generated by operating activities</i>	20	466,987,918,156	493,132,705,564
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21	(6,667,933,223)	(5,431,851,707)
2. Disposal of fixed assets and others assets	22	456,159,015	-
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23	(40,000,000,000)	-
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24	-	100,000,000,000
5. Interest earned, dividends and profits received	27	173,470,290,613	303,071,808,690
<i>Net cash generated by investing activities</i>	30	127,258,516,405	397,639,956,983

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

CASH FLOW STATEMENT (Continued)
For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Dividends and profits paid	36	(224.297.285.275)	(888.793.070.072)
Net cash used in financing activities	40	(224.297.285.275)	(888.793.070.072)
 Net increase in cash (50=20+30+40)	50	369.949.149.286	1.979.592.475
 Cash at the beginning of the year	60	25.465.520.493	23.485.928.018
 Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	70	395.414.669.779	25.465.520.493



Nguyen Duc Tam
Preparer



Pham Hong Van
Chief Accountant




Nguyen Hoang Hai
Chief Executive Officer

30 March 2026

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying separate financial statements

1. GENERAL INFORMATION**Structure of ownership**

Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company ("the Company") is a joint stock company established in Vietnam. The Company was established on the basis of equitization of Pha Lai Thermal Power Company under Vietnam Electricity Group ("EVN") from 25 January 2006 under the first Business Registration Certificate No. 0800296853 issued by the Department of Planning and Investment of Hai Duong province on 26 January 2006. amended for the 11th time on 24 April 2023.

On 26 January 2007, the Company's shares were officially traded on the stock trading market of public companies listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange according to the announcement dated 17 January 2007, with the stock symbol PPC.

The owner of the Company is Power Generation Corporation 2 (EVNGENCO2).

The number of employees of the Company as at 31 December 2025 was 706 (31 December 2024: 719).

Operating industry and principal activities

The Company's operating industry include:

- Electricity production and trading activities
- Management, operation, maintenance, repair of thermal power projects, architectural works of power plants
- Testing and calibration of electrical equipment
- Establishing investment construction projects, managing investment construction projects, consulting and supervising construction and installation of electrical works
- Buying and selling, importing and exporting materials and equipment
- Production and trading of construction materials
- Production and manufacturing of mechanical and thermal power equipment, spare parts and materials
- Investment in power source and grid projects
- Training of officers and employees in equipment management, operation, maintenance and repair of power plant equipment.

Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is carried out for a time period of 12 months or less.

Disclosure of information comparability in the separate financial statements

Comparative figures are the figures of the audited separate financial statements for the year ended 31 December 2024.

The Company's structure

As at 31 December 2025, the Company has 1 associate (31 December 2024: 1 associate) which is Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company.

Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company was established under Business Registration Certificate No. 0203000279 issued by the Department of Planning and Investment of Hai Phong City for the first time on 17 September 2002, amended for the 8th time on 1 July 2021. The main business lines of Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company are production, transmission and distribution of electricity (thermal power). The associate's head office is located in Residential Group No. 6, Nam Trieu Ward, Hai Phong City, Vietnam.

2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying separate financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

The accompanying separate financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Financial year

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

3. NEW ACCOUNTING GUIDANCE IN ISSUE

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") guiding the application of accounting regime for enterprises. Circular 99 is effective from 1 January 2026 and applies for financial years beginning on or after 1 January 2026. This Circular will supersede the following regulations:

- Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance ("Circular 200") providing guidance on the corporate accounting regime (except for contents relating to accounting guidance for the equitization of State-owned enterprises).
- Circular No. 75/2015/TT-BTC dated 18 May 2015 of the Ministry of Finance on amendments to Article 128 of Circular 200.
- Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 of the Ministry of Finance amending and adding some articles of Circular 200, and
- Circular No. 195/2012/TT-BTC dated 15 November 2012 of the Ministry of Finance providing accounting guidance for investors.

The Board of Management is considering the extent of impact of the adoption of Circular 99 on the Company's financial statements for future accounting periods, beginning on or after 1 January 2026.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these separate financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of separate financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the separate financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits, cash in transit and short-term, highly liquid investments (not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Financial investments

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits.

Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the income statement on accrual basis.

Investments in associates

An associate is an entity over which the Company has significant influence and that is neither a subsidiary nor an interest in joint venture. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but not control or joint control over those policies.

Interests in associates are initially recognised at cost. The Company's share of the net profit of the investee after acquisition is recognised in the income statement. Other distributions received other than such profit share are deducted from the cost of the investments as recoverable amounts.

Investments associates are carried in the balance sheet at cost less provision for impairment of such investments (if any). Provisions for impairment of these investments are made when there is reliable evidence for declining in value of these investments at the balance sheet date.

Equity investments in other entities

Equity investments in other entities represent the Company's investments in ordinary shares of the entities over which the Company has no control, joint control, or significant influence.

Equity investments in other entities are carried at cost less provision for impairment.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. The Company applies perpetual method to account for inventories. Cost is calculated using the weighted average method, except for raw materials such as coal and oil used for power generator furnaces, which are accounted for using the periodic method. The original cost of inventories is determined using the weighted average method (for production and business sectors) and the actual identification method (for basic construction sectors).

The Company's allowance for inventory write-down is recognized in accordance with prevailing accounting regulations. Accordingly, the Company is permitted to make provisions for inventories that are obsolete, damaged, or of inferior quality, as well as in cases where the carrying amount of inventories exceeds their net realizable value at the end of the financial year.

Long-term reserved spare parts

Long-term reserved spare parts reflect the value of supplies and spare parts used for storage, replacement and prevention of damage to assets, but do not meet the criteria for classification as fixed assets and have a storage period of more than 12 months or more than a normal production and business cycle.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The original cost of a fixed asset acquired through purchase includes the purchase price and all other costs directly related to putting the asset into a state of readiness for use. For fixed assets acquired through capital construction investment under the method of contracting or self-construction and production, the original cost is the final settlement price of the construction project according to current investment and construction management regulations, other directly related costs and registration fees (if any).

In case the project has been completed and put into use but the final settlement has not been approved, the original cost of fixed assets is recorded at the provisional price based on the actual cost incurred to acquire the fixed assets. The provisional price will be adjusted according to the final settlement price approved by competent authorities.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Current year (Years)
Buildings and structures	03 – 35
Machinery and equipment	05 – 36
Motor vehicles	10 – 17
Office equipment	03 – 10
Others	03 – 10

Tangible fixed assets are revalued in accordance with the State's decisions or when state-owned enterprises are equitised. The cost and accumulated depreciation of tangible fixed assets are adjusted based on the revaluation value approved by competent authorities as regulated.

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between net proceeds from sales or disposals of assets and their carrying amount and is recognised in the income statement.

Intangible assets and amortisation

Intangible assets represent land use rights and computer software that are stated at cost less accumulated amortisation.

Land use rights are stated at cost less accumulated depreciation. The cost of land use rights includes costs directly attributable to acquiring the land use rights. Amortisation is calculated on a straight-line basis over 10 years.

Computer software is depreciated on straight-line method based on its estimated useful lives in 3 years.

Leasing

Leases where substantially all the rewards and risks of ownership of assets remain with the leasing company are accounted for as operating leases. Rentals payable under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the term of the relevant lease. Benefits received and receivable as an incentive to enter into an operating lease are also spread on a straight-line basis over the lease term.

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental or administrative purposes, or for other purposes, are carried at cost. Cost includes costs that are necessary to form the assets in accordance with the Company's accounting policy. Depreciation of these assets, on the same basis as other assets, commences when the assets are ready for their intended use.

According to the State's regulations on investment and construction management, the settled costs of completed construction projects are subject to approval by appropriate level of competent authorities. The final costs of these completed construction projects may vary depending on the final approval by competent authorities.

The Company records major repair costs as they actually occur. These major repair costs are recorded in cost of goods sold when the major repair project is completed, accepted and put into use. Major repair costs of repair projects that have not been completed and accepted and put into use at the end of the year are tracked in the Construction in Progress Investment Costs account.

Prepayments

Prepayments are expenses which have already been paid but relate to results of operations of multiple accounting period. Prepaid expenses include costs of repairing fixed assets with large values, the value of tools, equipment, materials and other prepaid expenses.

Other prepaid expenses comprise costs of small tools, supplies and spare parts issued for consumption which are expected to provide future economic benefits to the Company. These expenditures have been capitalised as long-term prepayments, and are allocated to the income statement using the straight-line method in accordance with the current prevailing accounting regulations.

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with; ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) the amount of revenue can be measured reliably;
- (d) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue from electricity sales is determined and recorded based on the electricity output supplied to the power transmission system (determined by the index on the electricity meter), confirmed by customers and the electricity selling price agreed upon in the signed contracts.

Interest income is accrued on a time basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate.

Dividend income from investments is recognised when the Company's right to receive payment has been established.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognised in the income statement in the year when incurred unless they are capitalised in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs". Accordingly, borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets. For specific borrowings for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, borrowing costs are capitalised even when the construction period is under 12 months.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

5. CASH

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Cash on hand	69,803,481	187,057,062
Bank demand deposits	20,344,866,298	25,278,463,431
Cash equivalents (*)	375,000,000,000	-
	395,414,669,779	25,465,520,493

(*) As at 31 December 2025, cash equivalents are VND-denominated deposits at commercial banks with original maturities of no more than three months and earning interest rates ranging from 2.1% to 2.4% per annum.

6. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Electric Power Trading Company Limited	1,059,831,358,550	1,697,793,298,497
Others	3,322,145,688	4,511,935,319
	1,063,153,504,238	1,702,305,233,816
<i>In which:</i>		
Trade receivables from related parties (Details stated in Note 29)	1,059,831,358,550	1,697,793,298,497

7. SHORT-TERM ADVANCE TO SUPPLIERS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Thanh An Trading and Services Company Limited	18,677,287,218	-
Minh Quang Electromechanical Joint Stock Company	6,978,021,090	-
PHATECO Technical Services Joint Stock Company	2,353,983,250	-
Others	1,870,168,037	1,030,993,377
	29,879,459,595	1,030,993,377

8. OTHER RECEIVABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Receivable dividends	5,013,915,060	132,626,610,800
Advances to employees	1,587,100,000	840,500,000
Others	2,408,839,670	4,206,261,898
	9,009,854,730	137,673,372,698
<i>In which:</i>		
Other receivables from related parties (Details stated in Note 29)	5,013,915,060	132,626,610,800

9. INVENTORIES

a. Current

	Closing balance		Opening balance	
	VND		VND	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Raw materials	786,316,996,070	(61,339,079,202)	744,795,827,572	(63,704,145,427)
Tools and supplies	2,115,032,462	(1,606,600,023)	2,810,800,906	(1,611,109,854)
Work in progress	26,604,754	-	26,604,754	-
	788,458,633,286	(62,945,679,225)	747,633,233,232	(65,315,255,281)

b. Non-current

	Closing balance		Opening balance	
	VND		VND	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Long-term reserved spare parts	148,945,400,064	(140,958,011,330)	155,092,822,630	(146,378,130,067)
	148,945,400,064	(140,958,011,330)	155,092,822,630	(146,378,130,067)

During the year, the Company reversed the provision for inventory devaluation in the amount of VND 7,789,694,793 (2024: VND 5,831,672,482) that had been made in previous years for inventories that have been consumed in the year.

10. INCREASES, DECREASES IN TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Office equipment VND	Motor vehicles VND	Others VND	Total VND
COST						
Opening balance	1,708,812,563,537	11,707,435,469,081	117,277,602,551	73,847,916,985	7,582,432,020	13,614,955,984,174
Additions	-	319,733,438	4,380,954,546	1,814,517,517	-	6,515,205,501
Transfer from construction in process	-	12,862,093,037	-	-	-	12,862,093,037
Disposals	-	(7,863,167,664)	(1,769,306,484)	(618,691,728)	(1,187,854,782)	(11,439,020,658)
Closing balance	1,708,812,563,537	11,712,754,127,892	119,889,250,613	75,043,742,774	6,394,577,238	13,622,894,262,054
ACCUMULATED DEPRECIATION						
Opening balance	1,597,982,725,227	11,629,209,103,303	91,325,140,104	70,539,881,198	6,802,415,406	13,395,859,265,238
Charge for the year	21,337,233,888	17,624,402,132	5,187,372,657	1,951,585,563	395,903,472	46,496,497,712
Disposals	-	(7,863,167,664)	(1,769,306,484)	(618,691,728)	(1,187,854,782)	(11,439,020,658)
Closing balance	1,619,319,959,115	11,638,970,337,771	94,743,206,277	71,872,775,033	6,010,464,096	13,430,916,742,292
NET BOOK VALUE						
Opening balance	110,829,838,310	78,226,365,778	25,952,462,447	3,308,035,787	780,016,614	219,096,718,936
Closing balance	89,492,604,422	73,783,790,121	25,146,044,336	3,170,967,741	384,113,142	191,977,519,762

As at 31 December 2025, the cost of the Company's tangible fixed assets includes VND 12,818,658,960,936 of assets which have been fully depreciated but are still in use (as at 31 December 2024: VND 12,797,582,558,041).

11. INCREASES, DECREASES IN INTANGIBLE ASSETS

	Land use rights VND	Computer software VND	Total VND
COST			
Opening balance	57,414,901,632	2,920,017,598	60,334,919,230
Increase in the year	-	1,084,205,500	1,084,205,500
Closing balance	57,414,901,632	4,004,223,098	61,419,124,730
ACCUMULATED DEPRECIATION			
Opening balance	57,414,901,632	2,653,844,662	60,068,746,294
Charge for the year	-	359,604,818	359,604,818
Closing balance	57,414,901,632	3,013,449,480	60,428,351,112
NET BOOK VALUE			
Opening balance	-	266,172,936	266,172,936
Closing balance	-	990,773,618	990,773,618

The cost of intangible assets includes VND 60,334,919,230 of assets which have been fully amortised but are still in use as at 31 December 2025 (as at 31 December 2024: VND 58,779,496,632).

12. CONSTRUCTIONS IN PROGRESS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Upgrade equipment line 1	9,381,043,359	9,381,043,359
Project management costs	5,550,278,491	5,550,278,491
NOx, SOx removal system line 2	3,893,580,616	3,893,580,616
Others	7,662,288,751	7,114,701,467
	26,487,191,217	25,939,603,933

13. LONG-TERM PREPAYMENTS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Long-term supplies and equipment for use	18,033,658,733	43,027,593,933
Fixed asset repair costs	11,426,445,167	2,071,450,868
Tools and equipment	1,788,178,140	6,074,243,129
Others	1,507,797,716	103,452,410
	32,756,079,756	51,276,740,340

14. FINANCIAL INVESTMENTS

a) Short-term

	Closing balance VND	Opening balance VND
Bank deposits with original maturities of more than three months and up to one year (*)	40,000,000,000	-
	40,000,000,000	-

(*) As at 31 December 2025, short-term held-to-maturity investments consisted of denominated in VND deposits placed with commercial banks with original maturities of more than three months and remaining maturities of less than 12 months, bearing an interest rate of 3.4% per annum.

b) Long-term

	Closing balance			Opening balance		
	Cost	Provision	VND Recoverable amount	Cost	Provision	VND Recoverable amount
a. Investment in associates						
Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company (i)	1,451,055,770,150	-	1,415,365,000,000	1,451,055,770,150	-	1,675,065,000,000
	1,451,055,770,150	-	1,415,365,000,000	1,451,055,770,150	-	1,675,065,000,000

(i) Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company operates profitably for the year ended 31 December 2025 and 31 December 2024.

	Closing balance			Opening balance		
	Cost	Provision	VND Recoverable amount	Cost	Provision	VND Recoverable amount
b. Investment in other entities						
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	817,295,117,400	-	852,214,417,071	817,295,117,400	-	1,030,222,074,000
Vietnam Electricity Development Joint Stock Company	100,000,000,000	-	291,275,167,750	100,000,000,000	-	304,283,573,300
EVN International Joint Stock Company	70,800,000,000	-	186,204,000,000	70,800,000,000	-	154,344,000,000
Buon Don Electric Joint Stock Company	50,250,000,000	-	157,413,150,000	50,250,000,000	-	152,622,315,000
Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company	46,498,000,000	(40,474,700,000)	6,023,300,000	46,498,000,000	(38,458,000,000)	8,040,000,000
	1,084,843,117,400	(40,474,700,000)	1,493,130,034,821	1,084,843,117,400	(38,458,000,000)	1,649,511,962,300

Significant transactions between the Company and its associate during the year are presented in Note 29 - Related party transactions and balances.

(*) The fair values of below investments are determined based on the closing prices of the shares on the stock exchange where the shares are traded as at 31 December 2025 and 31 December 2024.

15. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
	Amount/Amount able to be paid off	Amount/Amount able to be paid off
Northeast Corporation - Ministry of National Defense	352,844,224,638	82,780,514,139
Vietnam National Coal - Mineral Industries Group	157,660,599,527	537,760,882,899
Institute of Mechanical Research	52,431,044,567	56,574,692,021
Asia Engineering Science Joint Stock Company	29,207,831,070	-
LILAMA 69-1 Pha Lai Joint Stock Company	26,779,440,328	18,751,677,708
Northern Thermal Power Repair Service Joint Stock Company	10,152,740,288	25,198,116,751
Chemical Industry Technical Services Joint Stock Company	-	12,963,433,499
Other suppliers	34,712,806,059	39,385,994,646
	663,788,686,477	798,613,428,414

16. TAXES AND AMOUNTS RECEIVABLE FROM/PAYABLE TO THE STATE BUDGET

	Opening balance	Payable/ Receivable during the year	Paid/Received during the year	Closing balance
	VND	VND	VND	VND
Value added tax	-	487,597,368,036	487,597,368,036	-
Corporate income tax	(23,519,119,726)	30,121,092,281	-	6,601,972,555
Personal income tax	4,305,676,718	10,920,211,050	13,955,481,348	1,270,406,420
Resource tax	7,546,122,000	80,006,496,660	81,741,846,060	5,810,772,600
Fee for granting water resource exploitation rights	-	16,666,663,000	16,666,663,000	-
Land rental, non-agricultural land use tax	-	10,362,151,448	17,676,166,766	(7,314,015,318)
Other taxes	-	360,250,937	313,481,326	46,769,611
	(11,667,321,008)	636,034,233,412	617,951,006,536	6,415,905,868
In which:				
Taxes and other receivable from the State	23,519,119,726			7,314,015,318
Taxes and other payables from the State	11,851,798,718			13,729,921,186

17. OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Unpaid dividends	5,730,618,716	69,721,376,991
Others	1,908,925,322	4,531,790,218
	7,639,544,038	74,253,167,209
In which:		
Other payables from related parties (Details stated in Note 29)	2,540,138,381	33,278,379,200

18. BONUS AND WELFARE FUNDS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Opening balance	22,928,363,969	21,977,636,453
Increase during the year	60,572,101,333	45,615,893,593
Decrease during the year	(46,243,138,783)	(44,665,166,077)
Utilization during the year	(45,551,175,463)	(43,973,202,757)
Depreciation expense allocated during the year	(691,963,320)	(691,963,320)
Closing balance	<u>37,257,326,519</u>	<u>22,928,363,969</u>

19. OWNER'S EQUITY

Movement in owner's equity

	Owner's contributed capital	Share premium	Other owner's capital	Treasury shares	Investment and development fund	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>For the year ended 31 December 2024</i>							
Opening balance	3,262,350,000,000	11,692,500,615	298,170,049,781	(87,388,368,719)	619,581,459,281	906,411,942,763	5,010,817,583,721
Profit during the year	-	-	-	-	-	427,065,519,869	427,065,519,869
Investment and development fund distribution	-	-	-	-	43,654,634,968	(43,654,634,968)	-
Reward and welfare fund distribution (	-	-	-	-	-	(47,895,893,593)	(47,895,893,593)
Dividend from 2023 profit	-	-	-	-	-	(801,532,635,000)	(801,532,635,000)
Dividend from 2024 profit	-	-	-	-	-	(64,122,610,800)	(64,122,610,800)
Assets formed from funds	-	-	4,254,629,630	-	(4,254,629,630)	-	-
Closing balance	3,262,350,000,000	11,692,500,615	302,424,679,411	(87,388,368,719)	658,981,464,619	376,271,688,271	4,524,331,964,197
<i>For the year ended 31 December 2025</i>							
Opening balance	3,262,350,000,000	11,692,500,615	302,424,679,411	(87,388,368,719)	658,981,464,619	376,271,688,271	4,524,331,964,197
Profit during the year	-	-	-	-	-	165,179,498,132	165,179,498,132
Investment and development fund distribution (i)	-	-	-	-	128,119,655,961	(128,119,655,961)	-
Reward and welfare fund distribution (i)	-	-	-	-	-	(60,510,101,333)	(60,510,101,333)
Dividend from 2024 profit (iii)	-	-	-	-	-	(160,306,527,000)	(160,306,527,000)
Assets formed from funds	-	-	18,372,673,509	-	(18,372,673,509)	-	-
Other decrease (ii)	-	-	-	-	-	(2,314,037,028)	(2,314,037,028)
Closing balance	3,262,350,000,000	11,692,500,615	320,797,352,920	(87,388,368,719)	768,728,447,071	190,200,865,081	4,466,380,796,968

- (i) The 2025 Annual General Meeting of Shareholders held on 25 June 2025, the shareholders approved the appropriations to the Investment Development Fund and the Bonus and Welfare Fund from the 2024 retained earning, in the amounts of VND 128,119,655,961 and VND 60,510,101,333 respectively.
- (ii) On 25 June 2025, the General Meeting of Shareholders issued Resolution No. 155/NQ-HDQT, approving Proposal No. 2773/TTr-PPC dated 04 June 2025, concerning the treatment of preparation costs for permanently discontinued projects using the 2024 retained earning.
- (iii) At the 2025 Annual General Meeting of Shareholders held on 25 June 2025, the shareholders approved the payment of the remaining cash dividends for the year 2024 at a rate of 5%. Accordingly, the total dividend payment amounted to VND 160,306,527,000.

Charter capital

According to the Company's 11th Amended Enterprise Registration Certificate dated 24 April 2023, the Company's charter capital is VND 3,262,000,000,000 (31 December 2024: VND 3,262,000,000,000). The charter capital contributions by the shareholders as at 31 December 2025 had been fully made as follows:

	Contributed capital					
	Closing balance			Opening balance		
	Number of shares	VND	%	Number of shares	VND	%
Power Generation Corporation 2 - Joint Stock Company	166,391,896	1,663,918,960,000	51,90%	166,391,896	1,663,918,960,000	51,90%
REE Energy Company Limited	64,494,960	644,949,600,000	20,11%	77,396,260	773,962,600,000	24,14%
Other shareholders	89,726,198	897,261,980,000	27,99%	76,824,898	768,248,980,000	23,96%
	320,613,054	3,206,130,540,000	100%	320,613,054	3,206,130,540,000	100%

	Closing balance		Opening balance	
	Number of shares	VND	Number of shares	VND
Number of shares issued to the public				
Ordinary shares	326,235,000	3,262,350,000,000	326,235,000	3,262,350,000,000
Number of treasury shares				
Ordinary shares	5,621,946	87,388,368,719	5,621,946	87,388,368,719
Number of outstanding Shares in circulation				
Ordinary shares	320,613,054	3,206,130,540,000	320,613,054	3,206,130,540,000

An ordinary share has par value of VND 10,000.

20. OFF BALANCE SHEET ITEMS

Bad debts written off

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Receivable from Asean Hanoi Concrete Company Limited	150,190,114	150,190,114
	150,190,114	150,190,114

Operating lease commitment

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Total future minimum lease payments under non-cancellable operating leases of assets, by maturity		
Within 1 year	24,380,051,040	24,380,051,040
From two to five years	97,520,204,160	97,520,204,160
After five years	625,754,643,893	650,134,694,933
	747,654,899,093	772,034,950,133

21. BUSINESS SEGMENTS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

Business segments

The Company's principal activities are the generation of electricity. During the year, the Company did not engage in any other significant production or business activities. Accordingly, the financial information presented in the balance sheet as at 31 December 2025, and all revenue and expenses presented in the income statement for the year ended 31 December 2025, relate solely to the generation and trading of electricity. As such, the Company does not prepare segment information by business segment.

Geographical segments

All of the Company's production and business activities during the year were conducted within the territory of Vietnam. Accordingly, the Company has only one geographical operating segment, which is Vietnam.

22. REVENUE

	Current year	Prior year
	VND	VND
Electricity sales	6,538,113,651,856	7,657,917,307,866
Other sales	27,712,325,150	23,147,044,834
	6,565,825,977,006	7,681,064,352,700
In which:	6,536,919,478,101	7,656,675,282,029
Sales to related parties		
(Details stated in Note 29)		

23. COST OF SALES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Fuel and spare parts costs	5,435,075,448,464	6,628,662,316,826
Labor costs	188,083,580,404	241,248,852,178
Major repair costs of fixed assets	209,428,225,491	194,270,950,125
Cost of regular repair and maintenance of fixed assets	235,561,757,645	132,119,226,123
Taxes, fees and charges	96,673,159,660	100,899,347,080
Cost of outsourced electricity	66,370,671,496	63,663,606,052
Depreciation and amortisation	42,895,462,299	53,667,422,855
Reverse provision for decline in inventory	(7,789,694,793)	(5,831,672,482)
Others	46,632,037,999	44,383,465,449
	6,312,930,648,665	7,453,083,514,206

24. PRODUCTION COST BY NATURE

	Current year	Prior year
	VND	VND
Raw materials and consumables	5,435,075,448,464	6,628,662,316,826
Labour cost	234,448,484,917	301,733,814,785
Asset repair	444,989,983,136	326,390,176,248
Depreciation and amortisation	45,948,323,794	57,586,243,969
Taxes, fees and charges	107,186,341,182	125,997,959,085
Reversal of provision for inventory devaluation and doubtful debts	(10,810,999,313)	(5,831,672,482)
Out-sourced services	72,748,586,334	71,116,384,027
Others	86,504,124,287	87,627,262,154
	6,416,090,292,801	7,593,282,484,612

25. FINANCIAL INCOME

	Current year	Prior year
	VND	VND
Bank and loan interest	1,219,713,638	1,145,829,286
Dividends received	45,227,634,660	325,529,563,050
	46,447,348,298	326,675,392,336

Dividend income is mainly from investments in associates and other related parties (Note 29).

26. GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Labor cost	46,364,904,513	60,484,962,607
Depreciation and amortisation	3,052,861,495	3,918,821,114
Taxes, fees and charges	10,513,181,522	25,098,612,005
Reversal of provision for doubtful debts	(3,021,304,520)	-
Out-sourced services	6,377,914,838	7,452,777,975
Others	39,872,086,288	43,243,796,705
	103,159,644,136	140,198,970,406

27. CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Current year	Prior year
	VND	VND
Current corporate income tax expense		
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	30,121,092,281	11,374,718,083
Defer tax income	(171,249,523)	-
Adjustments for corporate income tax expense in previous years to the current year	-	(300,237,800)
Total current corporate income tax expense	29,949,842,758	11,074,480,283

The current corporate income tax expense for the year was computed as follows:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Profit before tax	195,129,340,890	438,140,000,152
Adjustments for taxable profit		
Less: Non-taxable income	(45,227,634,660)	(325,529,563,050)
Less: Reversal of inventory provision	(3,234,120,835)	(3,428,984,161)
Less: Contract penalty income taxed in previous years recorded on the value of inventory exported in 2025	(419,469,657)	(260,514,122)
Add back: non-deductible expenses	2,638,662,692	866,707,855
Add: Contract penalty income recorded on inventory value	856,247,615	1,761,703,120
Add: Other adjustments which increase current year taxable income	862,435,360	
Loss carry-forward	-	(54,675,759,378)
Taxable profit	150,605,461,405	56,873,590,416
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	30,121,092,281	11,374,718,083

The corporate income tax rate is 20%.

28. BASIC EARNINGS PER SHARE

	Current year	Prior year
	VND	VND
Accounting profit after corporate income tax	165,179,498,132	427,065,519,869
Bonus and welfare fund (*)	-	(60,510,101,333)
Profit or loss attributable to ordinary shareholders	165,179,498,132	366,555,418,536
Average ordinary shares in circulation for the year	320,613,054	320,613,054
Basic earnings per share	515	1,143

(*) At the date of these financial statements, the Company has not yet reliably estimated the amount of profit for the fiscal year ending 31 December 2025 that can be allocated to the Bonus and Welfare Funds and Management Bonus Fund because the General Meeting of Shareholders has not yet decided on the allocation rate to these funds for the following year. Such allocations to the Bonus and Welfare Funds and Management Bonus Fund for the fiscal year ending 31 December 2025 may decrease the net profit attributable to ordinary shareholders.

Basic earnings per share for the year ended 31 December 2024 are restated due to the impact of the distribution of 2024 profit after tax in accordance with Resolution No. 155/NQ-HDQT of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders dated 25 June 2025, details are as follows:

	Prior year	
	Reported amount	Restated amount
	VND	VND
Accounting profit after corporate income tax (VND)	427,065,519,869	427,065,519,869
Allocate to bonus and welfare fund (VND)	-	(60,510,101,333)
Profit attributable to ordinary shareholders (VND)	427,065,519,869	366,555,418,536
Average ordinary shares in circulation for the period (Shares)	320,613,054	320,613,054
Basic earnings per share (VND)	1,332	1,443

29. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances for the year:

Related parties	Relationship
Vietnam Electricity Group	Ultimate parent company
Power Generation Corporation 2 - Joint Stock Company	Parent company
Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	Associate
Electric Power Trading Company Limited	Affiliates
Northern Electrical Experiment Company Limited	Affiliates
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	Affiliates
EVN International Joint Stock Company	Affiliates
Buon Don Electric Joint Stock Company	Affiliates
Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company	Affiliates
Vietnam Electricity Development Joint Stock Company	Affiliates
Power Engineering Consulting Joint Stock Company 4	Affiliates
Hai Phong Power Company - a branch of Northern Power Corporation (formerly Hai Duong Power One Member LLC)	Affiliates
Electric Power Telecommunication and Information Technology Company (EVNICT)	Affiliates
Thanh Hoa Power Company - a branch of Northern Power Corporation	Affiliates
Ho Chi Minh Electricity College	Affiliates
Dong Anh Electrical Equipment Joint Stock Corporation	Associate of Ultimate parent company
REE Energy Company Limited	Major shareholder

During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Electricity sales		
Electric Power Trading Company Limited	6,536,919,478,101	7,656,675,282,029
	6,536,919,478,101	7,656,675,282,029
Purchases		
Vietnam Electricity Group	62,304,635,264	57,035,535,522
Dong Anh Electrical Equipment Joint Stock Corporation	5,155,574,112	-
Power Engineering Consulting Joint Stock Company 4	1,815,256,842	-
Electric Power Telecommunication and Information Technology Company (EVNICT)	969,707,291	-
Thanh Hoa Power Company - a branch of Northern Power Corporation	861,400,000	-
Northern Electrical Experiment Company Limited	831,893,007	80,626,495
Hai Phong Power Company - a branch of Northern Power Corporation	198,623,005	77,418,084
Ho Chi Minh Electricity College	82,455,556	-
Power Generation Corporation 2 - Joint Stock Company	43,056,000	-
	72,262,601,077	57,193,580,101

	Current year VND	Prior year VND
Dividend income		
Buon Don Electric Joint Stock Company	15,041,745,060	10,027,830,000
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	14,717,458,200	128,777,759,250
Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	12,985,000,000	130,109,700,000
Vietnam Electricity Development Joint Stock Company	2,262,331,400	38,459,633,800
Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company	221,100,000	1,870,640,000
EVN International Joint Stock Company	-	16,284,000,000
	45,227,634,660	325,529,563,050

Dividends declared		
Power Generation Corporation 2 - Joint Stock Company	33,278,379,200	33,279,635,005
REE Energy Company Limited	12,879,252,000	-
	46,157,631,200	33,279,635,005

Significant related party balances as at the balance sheet date were as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Trade receivables		
Electric Power Trading Company Limited	1,059,831,358,550	1,697,793,298,497
	1,059,831,358,550	1,697,793,298,497

Other short-term receivables		
Buon Don Electric Joint Stock Company	5,013,915,060	-
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	-	73,587,291,000
Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	-	38,955,000,000
Vietnam Electricity Development Joint Stock Company	-	15,836,319,800
EVN International Joint Stock Company	-	4,248,000,000
	5,013,915,060	132,626,610,800

Other payables		
Power Engineering Consulting Joint Stock Company 4	1,726,477,390	-
Electric Power Telecommunication and Information Technology Company (EVNICT)	469,708,991	-
Northern Electrical Experiment Company Limited	343,952,000	-
Power Generation Corporation 2 - Joint Stock Company	-	33,278,379,200
	2,540,138,381	33,278,379,200

Short-term accrued expenses		
Vietnam Electricity Group	5,531,414,234	3,882,394,010
	5,531,414,234	3,882,394,010

Remuneration of key managerial personnel

The salaries of the Board of Management, Chief Accountant and remunerations of the Board of Directors and Board of Supervisors during the year are as follows:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Remuneration and income of the Board of Directors	1,686,086,300	1,090,948,000
Mr. Mai Quoc Long	720,190,000	578,627,700
Mr. Nguyen Quang Quyen	118,212,000	96,000,000
Mr. Le Tuan Hai	118,212,000	96,000,000
Mr. Ngo Nguyen Dong	551,250,200	266,720,300
Mr. Nguyen Van Thanh	118,212,000	53,600,000
Mr. Nguyen Xuan Dien	60,010,100	-
Mr. Vu Xuan Dung	-	-
Income of the Board of Management, Chief Accountant, Chief Accountant	2,734,478,060	1,314,171,100
Mr. Nguyen Hoang Hai	769,246,304	556,952,200
Other members of the Board of Management	1,649,129,904	493,338,800
Mr. Pham Hong Van - Chief Accountant	118,757,700	-
Ms. Dinh Thi Diem Quynh - Acting Chief Accountant (until 23 August 2025)	197,344,152	263,880,100
Remuneration and income of the Supervisory Board	1,022,189,577	907,625,100
Head of the Supervisory Board	417,895,400	502,394,700
Other members	604,343,677	405,230,400

30. LEASE COMMITMENTS

Lease commitments mainly represent a 50-year land lease contract signed with the People's Committee of Hai Duong Province. Minimum rental payments for the lease are non-cancelable as presented in Note 20.

31. SUPPLEMENTAL DISCLOSURES OF CASH FLOW INFORMATION

Dividends and profits distributed during the year do not include VND 5,013,915,060 (previous year: VND 132,626,610,800), which is the amount of dividends distributed but not yet received. Therefore, a corresponding amount has been adjusted on the change in receivables.

Dividends and profits paid to shareholders during the year do not include VND 5,730,618,716 (previous year: VND 69,721,376,991), which is the amount of dividends distributed to shareholders according to the dividend payment decisions of the Board of Directors but not yet paid. Therefore, a corresponding amount has been adjusted on the increase and decrease in payables.

32. ADDITIONAL INFORMATION

In 2023, the competent State authority issued a decision imposing administrative penalties and an additional sanction of suspension of the Company's operations for a period of 12 months. The suspension of operations shall take effect from the date on which the Ministry of Industry and Trade and Vietnam Electricity Group ("EVN") assign tasks, conduct bidding to assign tasks, designate another entity, or select an alternative contractor to supply electricity to replace the electricity output mobilised from the Company.

Currently, the Company's management continues to implement necessary measures to remedy environmental violations, specifically as follows:

- The Company has completed the overhaul of the dust filtration systems of all seven boilers of Line 1, thereby partially rectifying violations related to exhaust dust emissions;
- The Company is implementing a plan to renovate and upgrade the exhaust gas treatment system for the generating units of Line 2, with the upgrade expected to be completed in 2026.

Under the power purchase agreement signed with Power Trading Company – Vietnam Electricity, the Company has agreed to supply electricity until 2031. The Company continues its power generation operations in accordance with the electricity supply plans and power system operation plans for 2026 as approved by the competent authorities. In addition, the Company has collected and assessed information on electricity demand, supply capacity, as well as information related to the transmission grid and power source structure in connection with socio-economic development for the period 2021–2050, in order to evaluate the long-term operating capability of the power plant.

The Company has also completed the necessary procedures to propose that the competent authorities include projects for converting fuel usage from coal to co-firing with biomass and ammonia for both Line 1 and Line 2 in the National Power Development Plan Implementation Plan for the period 2021–2030, with a vision to 2050. Pursuant to Decision No. 768/QĐ-TTg dated 15 April 2025 of the Prime Minister approving adjustments to the National Power Development Plan for the period 2021–2030, with a vision to 2050, the list of flexible power plants was approved, including the Company's flexible gas-fired power project with an expected capacity of 1,200 MW and an operating period from 2025 to 2035. On 26 June 2025, the General Meeting of Shareholders approved the policy to conduct a feasibility study for the investment in the 1,200 MW flexible power plant project. The Company is currently engaging consultants to carry out surveys and to prepare the project investment proposal report. Management has assessed and believes that the power plant will continue to be dispatched in the coming period to meet electricity demand until the competent authorities approve the proposals and the Company has sufficient resources to implement the aforementioned plans.



Nguyen Duc Tam
Preparer

Pham Hong Van
Chief Accountant

Nguyen Hoang Hai
Chief Executive Officer

30 March 2026